

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

## TÀI LIỆU

# THAM KHẢO BỒI DƯỠNG, CẬP NHẬT KIẾN THỨC CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN Ở CƠ SỞ

(Xuất bản lần thứ hai)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản:  
**Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP**

**PHẠM CHÍ THÀNH**

Chịu trách nhiệm nội dung:

**PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP**

**ThS. PHẠM THỊ THỊNH**

Biên tập nội dung:

**ThS. BÙI THỊ ÁNH HỒNG  
TS. HOÀNG MẠNH THẮNG  
TRẦN PHAN BÍCH LIỄU**

Trình bày bìa:

**LÊ THỊ HÀ LAN**

Chế bản vi tính:

**LÂM THỊ HƯƠNG**

Đọc sách mẫu:

**NGUYỄN MAI THẢO NHUNG  
VIỆT HÀ**

---

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 4854-2020/CXBIPH/25-347/CTQG.

Số quyết định xuất bản: 5633-QĐ/NXBCTQG, ngày 01/12/2020.

Nộp lưu chiểu: tháng 12 năm 2020.

Mã số ISBN: 978-604-57-6285-1.

## TÀI LIỆU

**THAM KHẢO BỘI DƯỠNG,  
CẬP NHẬT KIẾN THỨC  
CHO CÁN BỘ, ĐÁNG VIÊN Ở CƠ SỞ**

**Biên mục trên xuất bản phẩm  
của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Tài liệu tham khảo bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở. - Xuất bản lần thứ 2. - H. : Chính trị Quốc gia, 2020. - 240tr. ; 19cm

ĐTTS ghi: Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng  
ISBN 9786045754719

1. Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Tài liệu bồi dưỡng  
324.2597075 - dc23

CTF0462p-CIP

**BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG ĐẢNG**

**TÀI LIỆU**

**THAM KHẢO BỒI DƯỠNG,  
CẬP NHẬT KIẾN THỨC  
CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN Ở CƠ SỞ**

(Xuất bản lần thứ hai)



**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT  
Hà Nội - 2020**

## **CHỈ ĐẠO NỘI DUNG**

TS. BÙI TRƯỜNG GIANG

## **TẬP THỂ BIÊN SOẠN**

PGS.TS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HOA

TS. NGUYỄN TIẾN HOÀNG

ThS. VŨ HỮU PHÊ

TS. LÊ ĐỨC HOÀNG

ThS. ĐINH VĂN BẮC

TS. NGUYỄN KIM PHƯỢNG

ThS. MAI YẾN NGA

ThS. ĐÀO MAI PHƯƠNG

ThS. TRẦN THỊ THÙY

CN. TRƯƠNG NGỌC VINH

## **LỜI NÓI ĐẦU**

Trong công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, đội ngũ cán bộ, đảng viên có vai trò hết sức quan trọng trong lãnh đạo, quản lý, tổ chức và điều hành mọi công việc, trong triển khai thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Do vậy, việc giáo dục, bồi dưỡng kiến thức, rèn luyện cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao, một lòng kiên định, tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục. Nhằm nâng cao kiến thức, bồi dưỡng tư tưởng chính trị cho cán bộ, đảng viên, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII của Đảng yêu cầu phải “có kế hoạch học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận bắt buộc hàng năm đối với cán bộ, đảng viên gắn với việc cung cấp thông tin, cập nhật kiến thức mới phù hợp từng đối tượng, từng cấp, từng ngành, từng địa phương”.

Thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 09/10/2014 của Bộ Chính trị khóa XI về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030 và Hướng dẫn số 64-HD/BTGTW ngày 10/5/2018 của Ban Tuyên giáo Trung ương về thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW của Ban Bí thư khóa XII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh

trong tình hình mới; nhằm giúp các cấp ủy đảng, các địa phương triển khai chương trình bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng tái bản cuốn sách **Tài liệu tham khảo bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở**.

Cuốn sách gồm 6 bài:

*Bài 1:* Chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay.

*Bài 2:* Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam.

*Bài 3:* Về xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

*Bài 4:* Về đảng cầm quyền và xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh trong điều kiện mới.

*Bài 5:* Về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

*Bài 6:* Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế của Việt Nam.

Cuốn sách nhận được sự đóng góp ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học: PGS.TS. Nguyễn Viết Thông, PGS.TS.NGND. Nguyễn Bá Dương, PGS.TS. Phạm Duy Đức, PGS.TS. Ngô Tuấn Nghĩa, PGS.TS. Nguyễn Tài Động.

Xin giới thiệu tài liệu với cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Tháng 02 năm 2020

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG ĐẢNG  
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

## *Bài 1*

# **CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH, SỰ VẬN DỤNG SÁNG TẠO VÀ PHÁT TRIỂN CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY**

## **I- KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

### **1. Chủ nghĩa Mác - Lenin và các bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lenin**

*a) Chủ nghĩa Mác - Lenin là thành tựu trí tuệ của  
loài người*

*\* Sự ra đời của chủ nghĩa Mác - Lenin*

Trong quá trình phát triển của nhân loại, nhất là từ khi xuất hiện các giai cấp và đấu tranh giai cấp, áp bức, bóc lột, quần chúng lao động bao giờ cũng mơ ước được sống trong một xã hội bình đẳng, công bằng, có cuộc sống ấm no, tự do và hạnh phúc. Nhiều tư tưởng tiến bộ và nhân đạo đã hình thành, phát triển trong lịch sử nhân loại để dẫn dắt cuộc đấu tranh của quần chúng cần lao.

Đến giữa thế kỷ XIX, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân ở nhiều nước Tây Âu, nhất là ở nước Anh, phát triển mạnh mẽ. Giai cấp vô sản đã bước lên vũ đài chính trị, cần có lý luận khoa học để dẫn dắt cuộc đấu tranh nhằm giải phóng mình khỏi những áp bức, bất công xã hội.

Trong thời điểm đó, trên thế giới đã xuất hiện các tiền đề kinh tế - xã hội, khoa học, lý luận cho sự ra đời của chủ nghĩa Mác.

*Một là, tiền đề kinh tế:* Sự phát triển của lực lượng sản xuất xã hội đã ở trình độ xã hội hóa. Mâu thuẫn cơ bản của xã hội tư bản là giữa tính chất xã hội hóa của lực lượng sản xuất với chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất ngày càng phát triển đã trở nên gay gắt và trở thành mâu thuẫn chủ yếu của xã hội.

*Hai là, tiền đề chính trị - xã hội:* Sự phát triển của nền đại công nghiệp chủ nghĩa tư bản gắn liền với sự ra đời và phát triển của giai cấp công nhân. Trong xã hội tồn tại hai giai cấp đối lập nhau về lợi ích là giai cấp tư sản và giai cấp vô sản. Phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản ngày càng lan rộng, phát triển từ tự phát tới tự giác, từ đấu tranh kinh tế tới đấu tranh chính trị. Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản đòi hỏi phải có sự dẫn dắt của lý luận khoa học và cách mạng. Lý luận của Mác ra đời đã đáp ứng những đòi hỏi ấy.

*Ba là, tiền đề khoa học và lý luận:* Vào giữa thế kỷ XIX, khoa học tự nhiên đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, trong đó có ba phát minh quan trọng: Thuỷết tiến hóa; Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng; Thuỷết tế bào. Các phương pháp nhận thức khoa học như: quy nạp, phân tích, thực nghiệm, tổng hợp... đã hình thành thế giới quan duy vật.

Về lý luận, có những thành tựu của triết học cổ điển Đức (đại biểu là Kant, Hegel, Phoibắc); kinh tế chính trị cổ điển Anh (Adam Xmit và Davít Ricácdô); chủ nghĩa xã hội không tưởng (Xanh Ximông, Phuriê ở Pháp; Ôoen ở Anh...).

C. Mác (1818 - 1883) và Ph. Ăngghen (1820 - 1895) đã kế thừa, tiếp thu có chọn lọc và phát triển những tiền đề lý luận trên để sáng tạo ra học thuyết khoa học và cách mạng cho giai cấp vô sản, đó là chủ nghĩa Mác. Trong học thuyết của mình, hai ông đã hình thành nên chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; làm sáng tỏ quy luật hình thành, phát triển, diệt vong của chủ nghĩa tư bản và vai trò lịch sử thế giới của giai cấp vô sản là xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng thành công xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Chủ nghĩa Mác ra đời đáp ứng đòi hỏi cấp bách của phong trào cách mạng thế giới. Sự ra đời của chủ nghĩa Mác không chỉ là sự phản ánh của thực tiễn xã hội,

nhất là tình hình thực tiễn đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân, mà là một tất yếu khách quan trong tiến trình phát triển hợp lôgich của lịch sử tư duy nhân loại, là thành tựu trí tuệ của loài người.

\* *V.I. Lênin đã bảo vệ, vận dụng và phát triển sáng tạo toàn diện lý luận của Mác - Ăngghen trong điều kiện lịch sử mới*

Đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản trên thế giới đã chuyển sang giai đoạn phát triển mới, giai đoạn chủ nghĩa đế quốc. Sự phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản làm cho mâu thuẫn giữa các nước đế quốc không thể điều hòa được, dẫn tới chiến tranh đế quốc. Trong điều kiện đó, cách mạng vô sản có thể nổ ra và thắng lợi ở một vài nước, thậm chí ở một nước tư bản kém phát triển. Do sự xâm chiếm và đô hộ các nước thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, trên thế giới đã xuất hiện phong trào giải phóng dân tộc, đấu tranh chống đế quốc giành lại nền độc lập ở các nước thuộc địa. Vì vậy, cách mạng vô sản ở các nước đế quốc và phong trào giải phóng dân tộc có mối quan hệ khăng khít với nhau, cùng chống một kẻ thù chung.

Trong hoàn cảnh đó, V.I. Lênin (1870 - 1924) đã vận dụng và phát triển sáng tạo toàn diện học thuyết Mác để giải quyết những vấn đề của cách mạng vô sản trong thời đại đế quốc chủ nghĩa.

V.I. Lênin đã phân tích chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn chủ nghĩa đế quốc, chỉ ra những mâu thuẫn nội tại không thể khắc phục được của chủ nghĩa tư bản, đi đến khẳng định khả năng thắng lợi của cách mạng vô sản, về mối quan hệ giữa cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng dân tộc. Với thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga vĩ đại và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, V.I. Lênin đã phát triển một loạt vấn đề lý luận mới về: xây dựng chính quyền Xôviết; phát triển kinh tế, khoa học - kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng quan hệ sản xuất mới; tiến hành công nghiệp hóa, điện khí hóa toàn quốc; thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa... Đó chính là sự bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác.

Để bảo vệ chủ nghĩa Mác, V.I. Lênin đã đấu tranh không khoan nhượng đối với mọi kẻ thù của chủ nghĩa Mác, đồng thời kịch liệt phê phán chủ nghĩa xét lại, cơ hội, tả khuynh, hữu khuynh, giáo điều, bảo vệ sự đúng đắn của chủ nghĩa Mác.

Những cống hiến lý luận của V.I. Lênin trong việc phát triển sáng tạo học thuyết Mác đã tạo nên một hệ thống lý luận thống nhất của giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Một giai đoạn mới trong sự phát triển của chủ nghĩa Mác đã gắn liền với tên tuổi và cống hiến của V.I. Lênin, cũng từ đây, hệ tư tưởng của giai cấp vô sản được gọi là *chủ nghĩa Mác - Lênin*.

Với bản chất khoa học và cách mạng, ngày nay chủ nghĩa Mác - Lênin đã, đang và sẽ tiếp tục được bảo vệ, vận dụng, bổ sung và phát triển trong thực tiễn đấu tranh của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc trên thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, phát triển và chủ nghĩa xã hội.

*b) Các bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin*

Chủ nghĩa Mác - Lênin là một hệ thống lý luận thống nhất được hình thành từ ba bộ phận: triết học Mác - Lênin, kinh tế chính trị Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học.

- *Triết học Mác - Lênin:* Triết học là hệ thống tri thức lý luận chung nhất của con người về tự nhiên, xã hội và con người; về mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại và vai trò của con người trong thế giới. Triết học Mác - Lênin là giai đoạn cao trong sự phát triển tư tưởng triết học, là khoa học về những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy. Triết học Mác - Lênin đem lại cho con người thế giới quan khoa học và phương pháp luận đúng đắn để nhận thức và cải tạo thế giới.

- *Kinh tế chính trị Mác - Lênin:* Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị là quan hệ sản xuất nhưng quan hệ sản xuất lại tồn tại và vận động trong sự tác động qua lại với lực lượng sản xuất. Mặt khác, quan hệ sản xuất tức là cơ sở hạ tầng xã hội cũng tác động qua lại với kiến trúc thượng tầng, nhất là các quan hệ về

chính trị, pháp lý... có tác động trở lại mạnh mẽ đối với quan hệ sản xuất. Vậy đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị là quan hệ sản xuất trong sự tác động qua lại với lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng.

Kinh tế chính trị Mác - Lênin nghiên cứu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, chỉ rõ bản chất bóc lột của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa; những quy luật kinh tế chủ yếu hình thành, phát triển và đưa chủ nghĩa tư bản tới chỗ diệt vong. Kinh tế chính trị Mác - Lênin nghiên cứu những quy luật phát triển của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, xây dựng một xã hội không có áp bức, bất công, vì tự do, ấm no, hạnh phúc cho mọi người.

- *Chủ nghĩa xã hội khoa học*: Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu những quy luật chuyển biến từ xã hội tư bản chủ nghĩa lên xã hội xã hội chủ nghĩa và phương hướng xây dựng xã hội mới. Nó chứng minh rằng việc xã hội hóa lao động trong chủ nghĩa tư bản đã tạo ra cơ sở vật chất chủ yếu cho sự ra đời tất yếu của chủ nghĩa xã hội; động lực trí tuệ và tinh thần của sự chuyển biến đó là chủ nghĩa Mác - Lênin; lực lượng xã hội thực hiện sự chuyển biến đó là giai cấp vô sản và nhân dân lao động.

c) *Những giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác - Lênin*

- *Phép biện chứng duy vật*

Phép biện chứng duy vật là cơ sở hình thành phương pháp biện chứng của C. Mác. Phương pháp biện

chứng theo Ph. Ăngghen “là phương pháp xem xét những sự vật và những phản ánh của chúng vào tư tưởng, chủ yếu theo sự liên hệ qua lại, sự mộc női, sự vận động, sự phát sinh và sự tiêu vong của chúng...”<sup>1</sup>. Mặc dù thực tiễn đã có nhiều sự thay đổi, khoa học có nhiều thành tựu vĩ đại nhưng phương pháp biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn giữ nguyên giá trị phương pháp luận. Những thành tựu của khoa học hiện đại chỉ rõ tính đúng đắn của phương pháp biện chứng. Khoa học hiện đại đạt được những thành tựu như ngày nay chính là nhờ đã sử dụng phương pháp biện chứng, dù sự sử dụng đó diễn ra một cách tự giác hay tự phát.

#### *- Chủ nghĩa duy vật lịch sử*

Chủ nghĩa duy vật lịch sử vạch ra được căn nguyên của những động cơ vật chất, đặc biệt là động cơ lợi ích kinh tế trong hoạt động lịch sử của loài người.

Chủ nghĩa duy vật lịch sử xuất phát từ trình độ phát triển của nền sản xuất vật chất xã hội để lý giải những quan niệm, tư tưởng cũng như những điều kiện xã hội của đời sống nhân dân cùng vai trò của họ trong lịch sử; đồng thời, xem xét xã hội như một chỉnh thể, nhìn nhận một cách toàn diện quá trình phát sinh, phát triển và suy vong của các hình thái kinh tế - xã hội.

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.19, tr.298.

Thông qua các xu hướng, các mâu thuẫn khác, sự tác động lẫn nhau của các yếu tố cấu thành..., từ đó tìm ra cơ sở của các quá trình từ điều kiện sinh hoạt và sản xuất vật chất của xã hội.

Chủ nghĩa duy vật lịch sử xuất phát từ đời sống vật chất để lý giải đời sống tinh thần của xã hội. Tuy nhiên, quan điểm duy vật lịch sử của C. Mác khác với quan điểm duy kinh tế, quan điểm duy vật thuần túy - chỉ nhấn mạnh một chiều yếu tố kinh tế, yếu tố vật chất trong quan hệ với yếu tố tinh thần. Quan điểm duy vật lịch sử đòi hỏi trong khi xem xét vai trò quyết định của đời sống vật chất đối với đời sống tinh thần, kinh tế đối với chính trị không được hạ thấp sự tác động trở lại của đời sống tinh thần đến đời sống vật chất, của chính trị đối với kinh tế, của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội... Mặc dù các quy luật xã hội chỉ có thể nảy sinh, tồn tại, vận động thông qua hoạt động có ý thức của con người, nhưng con người không thể tùy tiện thay thế hay xóa bỏ các quy luật. Đồng thời, thông qua nhận thức và hoạt động một cách tự giác, con người có thể tác động để các quy luật xã hội diễn ra nhanh hoặc chậm, với những biểu hiện khác.

#### *- Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội*

Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội trình bày về các quy luật vận động cơ bản của xã hội loài người trong lịch sử.

Sự phát triển của lịch sử nhân loại hết sức phức tạp, quanh co, khúc khuỷu, nhưng vẫn diễn ra theo quy luật khách quan, là một quá trình lịch sử - tự nhiên.

Lịch sử loài người là sự thay thế tất yếu của các hình thái kinh tế - xã hội từ thấp đến cao. Sự thay thế này tuần tự, có cả sự đan xen, tiếp nối lẫn nhau. Chính điều này làm cho lịch sử thế giới phát triển thêm phức tạp, khó nhận thức.

Tuy vậy, dòng chảy của lịch sử nhân loại vẫn diễn ra theo sự thay thế các hình thái kinh tế - xã hội từ thấp lên cao. Điều này do những mâu thuẫn trong lòng của mỗi hình thái kinh tế - xã hội quy định. Đó là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng,... Những mâu thuẫn này được giải quyết sẽ tạo điều kiện cho sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội mới.

#### *- Học thuyết giá trị thặng dư*

Học thuyết giá trị thặng dư cho thấy bản chất bóc lột của xã hội tư bản và một nguồn gốc cơ bản sinh ra sự giàu có của xã hội là sản xuất giá trị thặng dư. Ngày nay, sản xuất giá trị thặng dư vẫn là cơ sở phát triển của xã hội tư bản hiện đại. Trong khi nghiên cứu các quy luật sản xuất giá trị thặng dư, C. Mác đã phát hiện ra các quy luật sản xuất sản phẩm thặng dư trong các xã hội tiền tư bản chủ nghĩa.

Cùng với lý luận giá trị thặng dư, lý luận về sở hữu, về chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, về sự ra đời tất yếu của sở hữu xã hội là những giá trị bền vững của lý luận kinh tế chính trị học của chủ nghĩa Mác - Lênin.

- *Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân*

Giai cấp công nhân là một giai cấp cách mạng, lực lượng tiên tiến có sứ mệnh lịch sử giải phóng cho giai cấp mình, đồng thời giải phóng nhân dân lao động và toàn nhân loại khỏi chế độ người bóc lột người, áp bức, bất công, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Hệ tư tưởng của giai cấp vô sản vẫn là tiên bộ nhất, động lực cho sự phát triển của nhân loại.

- *Chủ nghĩa xã hội khoa học*

Lý luận về chủ nghĩa xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định tính tất yếu thay thế chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa xã hội, sự ra đời của chủ nghĩa xã hội và sự diệt vong của chủ nghĩa tư bản là do tất yếu kinh tế quy định và đều tất yếu như nhau; cách thức khác nhau của các quốc gia, dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội; chủ nghĩa xã hội là kết quả phát triển tổng hợp của tinh hoa mọi thời đại, mọi dân tộc...

## **2. Tư tưởng Hồ Chí Minh**

a) *Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh*

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam,

Đảng ta đã vận dụng những nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng nước ta. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, tại Đại hội VII (tháng 6/1991) Đảng ta lần đầu tiên đã đưa ra khái niệm về tư tưởng Hồ Chí Minh và khẳng định: “cùng với chủ nghĩa Mác - Lê nin, Đảng nêu cao *tư tưởng Hồ Chí Minh*<sup>1</sup>. Đến Đại hội IX (2001), Đảng ta đưa ra định nghĩa: “*Tư tưởng Hồ Chí Minh* là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại”<sup>2</sup>.

Kế thừa định nghĩa này, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định: “Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.51, tr.29.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.60, tr.130.

thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi”<sup>1</sup>.

*b) Nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh*

*- Chủ nghĩa Mác - Lê nin*

Tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin vào điều kiện cụ thể của nước ta.

Từ chủ nghĩa yêu nước, Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lê nin, tiếp thu bản chất khoa học và cách mạng của học thuyết này. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Người đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin để giải quyết thành công những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Người đã có nhiều phát triển sáng tạo, làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin.

*- Các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc*

Tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả của sự kế thừa các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đó là truyền

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.88.

thống yêu nước, ý chí độc lập, tự cường; đoàn kết, nhân ái, khoan dung, tinh thần cộng đồng; lạc quan yêu đời, cần cù, thông minh, sáng tạo... Trong đó, chủ nghĩa yêu nước đã trở thành giá trị cốt lõi, là nền tảng tinh thần to lớn và là nguồn sức mạnh để dân tộc ta vượt qua mọi khó khăn, thử thách, chiến thắng mọi kẻ thù. Từ thực tiễn của lịch sử dân tộc, Hồ Chí Minh khẳng định: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”<sup>1</sup>. Hồ Chí Minh là người Việt Nam yêu nước trước khi trở thành một chiến sĩ cộng sản. Chính lòng yêu nước đã thúc giục Người ra đi tìm đường cứu nước để giải phóng dân tộc.

#### *- Tinh hoa văn hóa nhân loại*

Tư tưởng Hồ Chí Minh còn là kết quả của việc tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại của cả phương Đông và phương Tây. Trong suốt cuộc đời, đặc biệt trong quá trình bôn ba tìm đường cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn tìm tòi, học hỏi và tiếp thu, chắt lọc những giá trị tinh túy nhất trong các trường phái triết học,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.38.

quan điểm tư tưởng, văn hóa, tôn giáo cổ, kim, đồng, tây; học thuyết cách mạng, tinh thần độc lập, tự do của các dân tộc; kinh nghiệm của các cuộc cách mạng... để vận dụng vào thực tiễn Việt Nam.

Như vậy, các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đặc biệt là chủ nghĩa yêu nước, là cơ sở ban đầu và là động lực thúc đẩy Chủ tịch Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, làm cho chủ nghĩa yêu nước Việt Nam có nội dung mới, tầm cao mới: “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”. Chủ nghĩa Mác - Lênin là nguồn gốc chủ yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh, giúp cho việc phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại có định hướng khoa học và cách mạng đúng đắn. Chính vì thế, tư tưởng Hồ Chí Minh trước hết và chủ yếu là sản phẩm của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Tinh hoa văn hóa nhân loại làm phong phú và sâu sắc thêm chủ nghĩa yêu nước và tư tưởng xã hội chủ nghĩa ở Hồ Chí Minh.

*- Những nhân tố chủ quan thuộc về phẩm chất cá nhân của Chủ tịch Hồ Chí Minh*

Những điều kiện trên cũng đã đến với nhiều người cùng thời với Hồ Chí Minh, nhưng chỉ có ở Người, những nhân tố khách quan đó mới kết hợp với các

phẩm chất cá nhân của Người, trở thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là:

+ Tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo cộng với sự nhận xét, phê phán tinh tường, sáng suốt trong việc nghiên cứu, tìm hiểu.

+ Sự khổ công học tập nhằm chiếm lĩnh vốn tri thức phong phú của nhân loại, học tập kinh nghiệm đấu tranh của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân quốc tế.

+ Ý chí của một nhà yêu nước, một chiến sĩ cộng sản nhiệt thành cách mạng, một trái tim yêu nước, thương dân, thương yêu những người cùng khổ, sẵn sàng chịu đựng hy sinh vì độc lập của Tổ quốc, vì tự do, hạnh phúc của đồng bào.

Cùng với năng lực bẩm sinh, những phẩm chất cá nhân cao quý trên đã quyết định việc Hồ Chí Minh tiếp thu, phát triển truyền thống văn hóa dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, kết hợp giữa dân tộc và thời đại thành tư tưởng đặc sắc của mình.

c) *Những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh*

Đại hội IX của Đảng (tháng 4/2001) đã nêu những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, gồm:

- Tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người;

- Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại;

- Tư tưởng về sức mạnh của Nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc;
- Tư tưởng về quyền làm chủ của Nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân;
- Tư tưởng về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân;
- Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hoá, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân;
- Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư;
- Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau;
- Tư tưởng về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người dày dặn kinh nghiệm trung thành của Nhân dân<sup>1</sup>.

## II- NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU, VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Để tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.60, tr.130.

Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cần thực hiện tốt một số nội dung sau:

### **1. Mục tiêu**

*Một là*, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, thực sự hiệu quả, thiết thực trong việc học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

*Hai là*, nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực tư duy lý luận, năng lực tổng kết và chỉ đạo thực tiễn để giải quyết hiệu quả những vấn đề thực tiễn đặt ra; thường xuyên bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, xây dựng đạo đức, lối sống theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là thế hệ trẻ.

*Ba là*, góp phần xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.

### **2. Quan điểm**

- Học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ

nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là nội dung quan trọng hàng đầu của công tác xây dựng Đảng về mặt tư tưởng, vừa có vai trò nền tảng, vừa có vị trí then chốt trong tình hình hiện nay.

- Học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh theo phương châm cơ bản, hệ thống, thực tiễn và hiện đại.

- Vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh một cách biện chứng, sáng tạo và cầu thị; đồng thời phòng, chống có hiệu quả các nguy cơ "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

### **3. Một số nhiệm vụ, giải pháp cần triển khai thực hiện trong thời gian tới**

Thứ nhất, các cấp ủy, tổ chức đảng, trước hết là người đứng đầu tập trung lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt việc học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, gắn kết chặt chẽ với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. Vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào định hướng hoạt động thực tiễn ở địa phương, cơ quan, đơn vị một cách thiết thực và hiệu quả; bám sát thực tiễn; định kỳ tiến hành sơ kết, tổng kết, nhân rộng mô hình tốt, cách làm hay. Tăng cường kiểm tra, giám sát

việc tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng trên lĩnh vực lý luận chính trị.

*Thứ hai*, tiếp tục đổi mới phương thức triển khai, phương pháp tiếp cận nghiên cứu trong công tác lý luận. Khẳng định mạnh mẽ và cụ thể hóa những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các giá trị bền vững phù hợp với thực tiễn nước ta. Nghiên cứu, xây dựng và phát triển hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam trong thời kỳ mới; làm rõ những vấn đề bổ sung, phát triển; tập trung nghiên cứu để giải quyết tốt các mối quan hệ lớn phản ánh quy luật đổi mới và phát triển ở nước ta đã được Đại hội XII của Đảng chỉ ra. Làm rõ một số vấn đề nảy sinh trong thực tiễn đổi mới, cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Phát huy dân chủ trong công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; tôn trọng tính sáng tạo và nâng cao ý thức trách nhiệm của nhà khoa học, tăng cường trao đổi, đối thoại trong nghiên cứu lý luận. Đổi mới cơ chế và tăng cường đầu tư cho tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận. Rà soát, bổ sung, sửa đổi chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị nghiên cứu, giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

*Thứ ba, đổi mới mạnh mẽ về nội dung, phương pháp học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng phù hợp với từng đối tượng, phát huy tính tự giác, tinh thần trách nhiệm, thường xuyên tự học tập, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ, bản lĩnh chính trị và phương pháp công tác của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là thế hệ trẻ. Tiếp tục đổi mới nội dung giáo trình theo hướng giảng dạy, truyền thụ đầy đủ những nội dung cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cập nhật có chọn lọc những học thuyết đương đại phù hợp với điều kiện của Việt Nam, vận dụng sáng tạo, tăng cường liên hệ với thực tiễn. Đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị, ứng dụng các phương pháp hiện đại, hấp dẫn người học, tạo hứng thú tìm tòi, nghiên cứu. Đổi mới hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập lý luận chính trị theo hướng thực chất. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong học tập lý luận chính trị.*

Tiếp tục nghiên cứu xây dựng chương trình học tập theo hướng phân biệt rõ cấp học và đối tượng học; đồng thời bảo đảm tính liên thông trong đào tạo các trình độ lý luận chính trị, phân cấp rõ ràng, hạn chế tối đa sự chồng chéo, trùng lặp trong hệ thống các cơ sở đào tạo lý luận chính trị để nâng cao hiệu quả việc học tập, đào tạo, bồi dưỡng và tránh lãng phí về thời gian, kinh phí. Tiếp tục đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận

chính trị phù hợp với nhu cầu quy hoạch, đào tạo, sử dụng cán bộ.

*Thứ tư*, đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền về giá trị, những nội dung cơ bản, cốt lõi và những nội dung được Đảng ta vận dụng, phát triển mới của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; phát huy sức mạnh tổng hợp của báo chí, truyền thông, kết hợp chặt chẽ với tuyên truyền miệng và các kênh thông tin khác.

*Thứ năm*, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch một cách hiệu quả, kịp thời. Đa dạng hóa hình thức đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế phối hợp và trao đổi thông tin, chủ động nắm bắt âm mưu, thủ đoạn, phương thức, chiêu bài chống phá của các thế lực thù địch, đổi tượng phản động, cơ hội chính trị; chú trọng xây dựng luận cứ đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc; tạo sự thống nhất sức mạnh tổng hợp trong phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, lực lượng liên quan. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ để cập nhật về nội dung và phương pháp đấu tranh; có cơ chế, chế độ phù hợp cho đội ngũ giảng viên lý luận chính trị. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, bảo đảm kinh phí hoạt động và hiện đại hóa các trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật.

Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, trước hết là người đứng đầu thường xuyên và kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Chú trọng trao đổi, đối thoại, thuyết phục; lắng nghe, tiếp thu các góp ý mang tính xây dựng để điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách cho phù hợp.

## *Bài 2*

# **ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM**

## I- CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ TÍNH TẤT YẾU ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM

### **1. Khái niệm về công nghiệp hóa, hiện đại hóa**

Từ cuối thế kỷ XVIII đến nay, trong lịch sử đã diễn ra công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa và công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Các hình thức công nghiệp hóa này, xét về mặt lực lượng sản xuất, khoa học và công nghệ là giống nhau, song chúng khác nhau về mục đích, về phương thức tiến hành, về sự chi phối của quan hệ sản xuất thống trị. Công nghiệp hóa diễn ra ở các nước khác nhau, vào những thời điểm lịch sử khác nhau, trong những điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau, do vậy nội dung khái niệm có sự khác nhau.

Kế thừa có chọn lọc và phát triển những tri thức của nhân loại về công nghiệp hóa vào điều kiện lịch sử cụ thể của nước ta, Đảng ta đã đưa ra những quan

niệm về công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tại Đại hội lần thứ VIII (tháng 6/1996) của Đảng ta đã xác định: “Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, xây dựng thành công xã hội chủ nghĩa”<sup>1</sup>.

Tới Đại hội XII (năm 2016), Đảng chỉ rõ: “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn tới là tiếp tục đẩy mạnh thực hiện mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế gắn với phát triển kinh tế tri thức, lấy khoa học, công nghệ, tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực chủ yếu; huy động và phân bổ có hiệu quả mọi nguồn lực phát triển. Xây dựng cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động hợp lý, phát huy lợi thế so sánh, có năng suất lao động và năng lực cạnh tranh cao, tham gia sâu rộng vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu; có văn minh công nghiệp chiếm ưu thế trong sản xuất và đời

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.55, tr.316.

sống xã hội; phát triển nhanh và bền vững phù hợp với điều kiện của từng giai đoạn”<sup>1</sup>.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước được tiến hành qua ba bước: tạo tiền đề, điều kiện để công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nâng cao chất lượng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

## **2. Tính tất yếu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam**

Công nghiệp hóa là xu hướng mang tính quy luật của các nước từ nền sản xuất nhỏ đi lên nền sản xuất lớn. Xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nền sản xuất lớn hiện đại cũng là một quy luật chung, phổ biến đối với tất cả các quốc gia. Tuy nhiên, tùy từng nước khác nhau, có điểm xuất phát khác nhau, nên mục tiêu, cách thức tiến hành phát triển không giống nhau.

Chúng ta tiến hành công nghiệp hóa nhằm: Xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội; tiến hành mở rộng sản xuất nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, tích lũy về lượng mới để xây dựng thành công nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; tăng cường phát triển giai cấp công nhân.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.90.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là con đường tất yếu để đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn và cũng là một trong những nhiệm vụ kinh tế cơ bản của các nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa. Ở Việt Nam, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã được xác định ngay từ Đại hội III của Đảng năm 1960. Chủ trương đó luôn được nhất quán, song có sự điều chỉnh về nội dung, mô hình, mục tiêu cho phù hợp với từng giai đoạn, nhất là trong giai đoạn hiện nay, khi toàn cầu hóa kinh tế đã trở thành một xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia. Xét về mặt tích cực, nó tạo điều kiện và thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất, đưa lại sự tăng trưởng cao cho nền kinh tế của các quốc gia cũng như kinh tế thế giới. Không chỉ thế, toàn cầu hóa kinh tế còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp thu và chuyển giao những thành tựu mới trong khoa học và công nghệ, trong tổ chức và quản lý sản xuất, kinh doanh; đưa tri thức và kinh nghiệm mới đến với các quốc gia; tạo tiền đề và điều kiện cho các quốc gia đi sau có thể “rút ngắn” lộ trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước bằng chiến lược phát triển có khả năng “bắt kịp” và “thích nghi” với xu hướng phát triển hiện đại. Có thể nói, đây là một cơ hội thuận lợi đối với mọi quốc gia, nhất là với các nước đang phát triển.

Mặt khác, cách mạng khoa học và công nghệ đang diễn ra với tốc độ vũ bão, dẫn đến sự ra đời của hàng loạt công nghệ mới và ngày càng hiện đại, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học. Khoa học và công nghệ ngày càng thể hiện rõ vai trò là nền tảng, động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội, tạo ra sự chuyển đổi mạnh mẽ của nền kinh tế: từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức, kinh tế số; đưa xã hội loài người bước vào một giai đoạn phát triển mới. Đến lượt mình, kinh tế tri thức, kinh tế số lại tạo điều kiện và đóng vai trò mở đường cho các nền kinh tế đang phát triển tiếp nhận công nghệ mới, nhất là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, để cơ cấu lại toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

### **3. Tác dụng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa**

- Tạo điều kiện thay đổi về chất nền sản xuất xã hội, tăng năng suất lao động, tăng sức cải tạo của con người đối với thiên nhiên, tăng trưởng và phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, ổn định tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, góp phần quyết định sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội.

- Tạo điều kiện vật chất cho việc củng cố, tăng cường vai trò kinh tế của Nhà nước, nâng cao năng lực quản lý, khả năng tích lũy và phát triển sản xuất, tạo ra nhiều việc làm, nâng cao thu nhập, giúp cho sự phát

triển tự do toàn diện của con người trong mọi hoạt động kinh tế - xã hội.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho khoa học và công nghệ phát triển nhanh, đạt trình độ tiên tiến hiện đại. Tăng cường lực lượng vật chất - kỹ thuật cho quốc phòng, an ninh; đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước ngày càng được cải thiện. Tạo điều kiện vật chất cho việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đủ sức thực hiện sự phân công và hợp tác quốc tế.

Giữa công nghiệp hóa, hiện đại hóa với lực lượng sản xuất có mối quan hệ gắn bó trực tiếp. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm xã hội hóa sản xuất về mặt kinh tế - kỹ thuật theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nó có tác dụng, ý nghĩa quan trọng và toàn diện. Vì vậy, Đảng ta xác định: “Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại... là nhiệm vụ trung tâm”<sup>1</sup>.

## II- NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG TA VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

### 1. Quá trình phát triển nhận thức về công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Đảng lãnh đạo toàn dân thực hiện sự nghiệp xây

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.135.

dựng đất nước với điểm xuất phát rất thấp, nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá rất nặng nề.

Kế thừa quan điểm cách mạng và khoa học của C. Mác, V.I. Lê nin, nhận thức được rõ vai trò và tính tất yếu phải thực hiện công nghiệp hóa trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, ngay từ những ngày đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: nhiệm vụ quan trọng nhất của chúng ta là phải xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có văn hóa và khoa học tiên tiến.

Đại hội III của Đảng (năm 1960) đã xác định: Công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ ở nước ta. Điểm mấu chốt trong công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là ưu tiên phát triển công nghiệp nặng<sup>1</sup>. Tuy nhiên, lúc đó Đảng ta tiến hành công nghiệp hóa theo kiểu cũ, khép kín, thiên về phát triển công nghiệp nặng, chủ yếu dựa vào lợi thế về lao động, tài nguyên, đất đai và nguồn viện trợ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa; xác định chủ lực thực hiện công nghiệp hóa là Nhà nước và doanh nghiệp nhà nước; cơ chế

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.21, tr.544.

phân bổ nguồn lực để công nghiệp hóa, chủ yếu bằng cơ chế kế hoạch tập trung của Nhà nước và giao cho doanh nghiệp nhà nước làm.

Nhưng thực tế cho thấy, con đường công nghiệp hóa đó đã không thành công. Công cuộc đổi mới đã tạo ra những tiền đề mới, con đường, cách thức mới cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. Đại hội VIII của Đảng (năm 1996) đề ra mục tiêu đến năm 2020 nước ta sẽ trở thành “Một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại”<sup>1</sup>. Tại Đại hội IX của Đảng (năm 2001), mục tiêu này được xác định là: “đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại”<sup>2</sup>. Đại hội X của Đảng (năm 2006), một lần nữa khẳng định: “Tranh thủ cơ hội thuận lợi do bối cảnh quốc tế tạo ra và tiềm năng, lợi thế của nước ta để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa gắn với phát triển kinh tế tri thức, coi kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế và công nghiệp hóa, hiện đại hóa”<sup>3</sup>. Đại hội XI tiếp tục mục tiêu

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.55, tr.310.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.60, tr.133.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.87.

“Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”<sup>1</sup>.

Tuy nhiên, Đại hội XII của Đảng đánh giá: “Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chưa đạt kế hoạch; nhiều chỉ tiêu, tiêu chí trong mục tiêu phấn đấu để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại không đạt được”<sup>2</sup>. Để khắc phục tình trạng đó, phương hướng, nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong 5 năm (2016 - 2020) được xác định linh hoạt hơn là: “Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế nhanh, bền vững, *phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại*”<sup>3</sup>.

Hiện nay, ở nước ta chưa có một bộ tiêu chí nào làm thước đo cho mục tiêu “nước công nghiệp”, “cơ bản trở thành nước công nghiệp” và đặc biệt là “nước công nghiệp theo hướng hiện đại”. Vì thế, xây dựng hệ tiêu chí “nước công nghiệp theo hướng hiện đại” là rất cần thiết và có ý nghĩa quan trọng để đánh giá kết quả đã đạt được một cách cụ thể, rõ ràng, khắc phục tình trạng

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.103.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.60, 76.

chủ quan, duy ý chí; là cơ sở để xác định mức độ tiếp cận hay hoàn thành, phát hiện những bất cập, hạn chế, từ đó định hướng và đề ra các mục tiêu, giải pháp thực hiện trong bước đi, giai đoạn kế tiếp.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình lâu dài, cần được thực hiện thông qua nhiều bước hay nhiều giai đoạn. Tuy nhiên, từ trước đến nay “những tư tưởng, quan điểm của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa, về cơ bản, mới chỉ mang tính định hướng chung..., lộ trình, bước đi của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, những nhiệm vụ trọng tâm ở từng giai đoạn chưa được xác định rõ”<sup>1</sup>. Vì vậy, Đại hội XII của Đảng đã có sự bổ sung về việc phân chia các bước đi của công nghiệp hóa, hiện đại hóa một cách phù hợp, theo đó: “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước tiến hành qua ba bước: tạo tiền đề, điều kiện để công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nâng cao chất lượng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong 5 năm tới, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước,...”<sup>2</sup>. Đây là sự bổ sung rất cần thiết, có ý nghĩa to lớn trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay.

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr. 90.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn tới là tiếp tục đẩy mạnh thực hiện mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, gắn với phát triển kinh tế tri thức.

## **2. Nhận thức của Đảng về con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa**

Có thể khái quát những nhận thức mới của Đảng ta về tiền đề, về con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ta qua hơn 30 năm đổi mới là:

+ Dựa vào chính mình, với cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, giải phóng tối đa sức sản xuất, thực hiện Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân là tiền đề quyết định quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam.

+ Đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ kinh tế quốc tế, làm bạn với tất cả các nước trên cơ sở tôn trọng quyền độc lập và cùng có lợi, chủ động hội nhập với nền kinh tế thế giới, tranh thủ mọi khả năng để đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế.

+ Công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải nhằm tăng trưởng và phát triển nền kinh tế với tốc độ nhanh, bền vững; đồng thời tăng trưởng, phát triển nhanh và bền

vững nền kinh tế lại là điều kiện, cơ sở để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Để phát triển nhanh, bền vững, chúng ta phải xác định những ngành, những lĩnh vực có lợi thế, có điều kiện để ưu tiên đầu tư phát triển.

+ Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn dân, của tất cả các ngành, các doanh nghiệp, các lĩnh vực kinh tế; của cả thành thị và nông thôn, của Trung ương và địa phương... chứ không chỉ của Nhà nước.

+ Chuyển giao công nghệ, tiếp nhận công nghệ hiện đại qua con đường thương mại và đầu tư trực tiếp của nước ngoài là con đường ngắn nhất để đổi mới kỹ thuật - công nghệ của nước ta.

+ Kết hợp vốn trong nước với vốn từ bên ngoài cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đòi hỏi một lượng vốn rất lớn. Với một nền kinh tế còn nghèo, chưa có tích luỹ từ nội bộ thì không thể có đủ vốn để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vì vậy phải dựa một phần quan trọng vào nguồn vốn từ bên ngoài, đồng thời huy động tối đa nguồn vốn trong nước của các doanh nghiệp, của Nhân dân, cùng với nguồn vốn tập trung của Nhà nước cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Huy động nguồn vốn bên ngoài một mặt vừa tạo ra *cú hích* cho sự chuyển động của nền kinh tế, mặt khác đó là *nội dung kinh tế* của việc tiếp nhận công nghệ và

các cơ sở kinh doanh hiện đại vào nền kinh tế. Về lâu dài, khi nền kinh tế đã phát triển, vốn cho tái sản xuất mở rộng sẽ do chính nền kinh tế tạo ra, khi đó, không chỉ tiếp nhận vốn mà còn có đầu tư vốn ra nước ngoài.

Vấn đề vốn cho công nghiệp hóa không chỉ là thu hút được ngày càng nhiều vốn vào nền kinh tế mà còn phải huy động được các nguồn vốn trong Nhân dân để trở thành những nguồn vốn đầu tư có hiệu quả, đem lại một cuộc cách mạng thật sự trong sản xuất và hiện đại hóa được nền kinh tế. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa dựa trên cơ sở của nền kinh tế thị trường hiện đại sẽ cung cấp một hệ thống tín dụng, ngân hàng và một hệ thống tài chính hiện đại giúp cho các nguồn vốn trong nước tập trung lại và phân bổ cho các lĩnh vực đầu tư có hiệu quả hơn, tạo ra các động lực tăng trưởng nhanh. Đây là một sức mạnh kinh tế mạnh mẽ nhất trong việc tạo lập vốn cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

### III- ĐẶC ĐIỂM VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM

#### **1. Bối cảnh quốc tế tác động tới quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam**

Kinh tế thế giới đang phát triển trong những điều kiện và bối cảnh mới với nhiều biến động, thay đổi,

trong đó hai xu hướng lớn bao trùm là toàn cầu hóa và kinh tế tri thức. Theo đó, nền kinh tế thế giới đang chuyển đổi sâu sắc và toàn diện cả về trình độ công nghệ, cơ cấu sản phẩm và thể chế kinh tế. Tính chất toàn diện và sâu sắc của quá trình này cho phép chuyển sang một thời đại phát triển kinh tế mới của loài người, trên phạm vi toàn thế giới - thời đại kinh tế tri thức - toàn cầu hóa. Có thể khái quát ba xu hướng quốc tế có tác động mạnh đến công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta trong giai đoạn tới là:

*Thứ nhất, kinh tế tri thức làm xuất hiện lợi thế mới và thời cơ phát triển "nhảy vọt" cho các nền kinh tế đi sau, nhất là trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.*

Hiện nay, một lực lượng sản xuất mới về chất có vai trò quyết định quá trình phát triển của thế giới hiện đại là tri thức - trí tuệ con người (công nghệ cao là một dạng kết tinh vật chất của sức mạnh này). Trong nền kinh tế tri thức, lợi thế phát triển cơ bản của bất cứ chủ thể kinh tế nào - nền kinh tế quốc gia, doanh nghiệp hay cá nhân - cũng đều là trí tuệ con người. Trong tiến trình phát triển của các thời đại kinh tế, sự xuất hiện lợi thế mới của phương thức sản xuất đồng nghĩa với việc định vị lại nguyên lý phát triển. Đối với bước chuyển từ thời đại công nghiệp cơ khí lên thời đại kinh

tế tri thức, người nào có lợi thế về tri thức và công nghệ cao, người đó sẽ thắng trong cuộc đua tranh phát triển. Mở rộng nguyên lý đó ra, có thể thấy: nước nào chuyển nhanh và mạnh sang các ngành công nghệ cao, sang việc sản xuất tri thức - công nghệ cao, nước đó sẽ tạo ra bước tiến thần kỳ. Đây chính là khả năng bùng nổ và phát triển nhảy vọt quan trọng nhất trong lịch sử, nhất là trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, khi nền sản xuất dựa trên nền tảng công nghệ số và tích hợp các công nghệ thông minh để tối ưu hóa quy trình, phương thức sản xuất; đặc biệt là những công nghệ đang và sẽ có tác động lớn như công nghệ in 3D trong chế tạo sản phẩm, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa, rôbốt, trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật,... làm thay đổi căn bản nền sản xuất của thế giới. Việc nắm bắt kịp thời các thành quả của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư có thể coi là chìa khóa, cơ hội để tạo bước phát triển mang tính đột phá cho nền kinh tế nước ta trong thời gian tới nhằm thực hiện thành công quá trình công nghiệp hóa.

Ngoài ra, trong thế giới hiện đại, tốc độ cao là một thuộc tính chi phối. Các quá trình đều diễn ra với tốc độ ngày càng cao, mở ra nhiều cơ hội; nhưng mặt khác nó đi liền với sự bất thường (khó dự đoán) của các quá trình. Điều đó đòi hỏi các chủ thể kinh tế phải có những

năng lực mới để đáp ứng được yêu cầu tốc độ. Đó là năng lực tư duy ở cấp độ chiến lược quốc gia, năng lực phản ứng nhanh của toàn bộ hệ thống thể chế cơ chế và khả năng đáp ứng của các cá nhân trước sự thay đổi nhanh chóng của hoàn cảnh.

Tốc độ cao của quá trình biến đổi đồng nghĩa với xu hướng dịch chuyển cơ cấu và công nghệ nhanh. Đặc trưng này vừa chứa đựng khả năng, vừa đặt ra yêu cầu phát triển “nhảy vọt cơ cấu” cho các nền kinh tế và các công ty. Trước sự thay đổi nhanh của công nghệ, một nền kinh tế hay một công ty có điều kiện đón đầu công nghệ bằng phát triển nhảy vọt cơ cấu (bỏ qua một số nấc thang công nghệ để tiến lên nấc thang công nghệ cao hơn). Đây chính là cơ hội để các nước đi sau thực hiện cách phát triển “đi trước để đuổi kịp” các nước đi trước.

Tuy vậy, việc “đón đầu” bằng cách đi tắt, nhảy vọt cũng chưa đựng rủi ro bắt nguồn từ mâu thuẫn giữa một bên là những đòi hỏi “không bình thường” của sự nhảy vọt (tiềm lực tài chính lớn, trình độ và khả năng tiếp cận công nghệ - kỹ thuật cao, nhà nước thông minh và hiệu lực, hệ thống doanh nghiệp mạnh...) và một bên là năng lực đáp ứng yêu cầu chưa cao của các nền kinh tế đi sau. Về thực chất, đó là rủi ro bắt nguồn từ mâu thuẫn giữa cơ hội bùng nổ và sự hạn chế năng lực. Ở những bước đi càng sớm của quá trình công nghiệp hóa,

hiện đại hóa, mức độ rủi ro càng lớn. Điều này, sẽ tác động không thuận tới quá trình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta.

*Thứ hai, xu hướng hội nhập, liên kết kinh tế đa tầng nấc gia tăng mạnh và sự toàn cầu hóa đã tác động đến hệ thống phân công lao động quốc tế mới.*

Hiện nay, xu hướng hội nhập, liên kết kinh tế đa tầng nấc, đặc biệt là các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới phát triển nhanh hơn, ngày càng sâu rộng, gắn kết với phát triển bền vững và ứng phó với các thách thức toàn cầu. Châu Á - Thái Bình Dương đóng vai trò đầu tàu trong tăng trưởng và liên kết toàn cầu. Hàng loạt các FTA thế hệ mới tạo ra những bước ngoặt trong liên kết kinh tế ở hầu khắp các khu vực, tác động đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tất cả các quốc gia trên thế giới, mà tiêu biểu là Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); Hiệp định Đối tác thương mại - đầu tư xuyên Đại Tây Dương Hoa Kỳ - EU (TTIP); Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP)...

Việc nước ta chủ động tham gia các hiệp định FTA thế hệ mới sẽ giúp chúng ta nâng tầm hội nhập quốc tế trên các tầng nấc, cơ chế liên kết theo hướng đẩy mạnh chủ động đóng góp, tiếp cận đa ngành, đa phương, đề cao nội hàm phát triển, nhất là trong các khuôn khổ đa phương và trong các vấn đề mà ta quan tâm, có lợi ích

như đổi tác phát triển, giảm nghèo, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, an ninh hàng hải... Các địa phương, hiệp hội và doanh nghiệp Việt Nam đứng trước những thuận lợi lớn chưa từng có để mở rộng thị trường xuất khẩu, với tư cách là một đổi tác bình đẳng, không bị phân biệt đối xử, mức thuế ưu đãi, thậm chí là 0% với các đổi tác mà ta có hiệp định FTA. Đây là những yếu tố quan trọng để thúc đẩy phát triển sản xuất hàng hóa, dịch vụ, tạo thêm việc làm, góp phần tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, tái cơ cấu nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

Tuy nhiên, việc hội nhập quốc tế sâu rộng và trong bối cảnh của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đặt ra nhu cầu cấp bách phải có nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là trong lĩnh vực công nghệ thông tin truyền thông, rôbốt, trí tuệ nhân tạo... Điều này sẽ có sự chuyển dịch mạnh mẽ trong thị trường lao động theo hướng từ nguồn nhân lực giá rẻ - trình độ thấp sang nguồn nhân lực chất lượng cao. Trong khi đó, Việt Nam có cơ cấu lao động lạc hậu, trình độ thấp, thiếu nghiêm trọng nguồn nhân lực chất lượng cao. Nhân lực trình độ cao (từ đại học trở lên) chiếm số lượng ít, chất lượng nhìn chung chưa đáp ứng yêu cầu của công nghệ hiện đại.

Trong khi đó, trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, sự cạnh tranh là bình đẳng. Các nền kinh tế,

không phân biệt trình độ và năng lực, đều cạnh tranh trên một mặt bằng và theo các quy tắc chung. Trong bối cảnh đó, các nền kinh tế đi sau thường kém thế cạnh tranh hơn, do đó, chịu nhiều bất lợi và thách thức, trong đó có Việt Nam.

*Thứ ba, sự trỗi dậy của Trung Quốc, Ấn Độ và xu thế phát triển mới ở Đông Á.*

Sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc và Ấn Độ đang tạo ra cơ hội phát triển to lớn cho cả thế giới. Trước hết là cơ hội thị trường mở ra từ sự bùng nổ tăng trưởng của hai nền kinh tế có quy mô dân số tới 2,5 tỉ người và tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm đạt 8 - 9%. Đây là sự bùng nổ thị trường lớn chưa từng thấy, tạo động lực tăng trưởng cho cả thế giới. Dự đoán cơ hội này vẫn tiếp tục được duy trì và mở rộng ít nhất trong vài thập niên tới. Lý do chính là dư địa cải cách thể chế theo hướng thị trường - mở cửa và hội nhập của Trung Quốc và Ấn Độ còn rất rộng.Thêm vào đó, không gian công nghệ cho sự phát triển nhảy vọt cơ cấu của hai nền kinh tế này, trong bước chuyển lên kinh tế tri thức, hầu như không bị giới hạn.

Bên cạnh đó, sự bùng nổ kinh tế của Trung Quốc và Ấn Độ kéo theo sự dịch chuyển mạnh dòng vốn FDI, cả về khối lượng lẫn cơ cấu. Trung Quốc và Ấn Độ là hai yếu tố chủ chốt đang tái định hướng dòng FDI toàn cầu. Hai nền kinh tế này thu hút nguồn vốn đầu tư FDI,

đồng thời, tạo sức lan tỏa đầu tư cho cả khu vực Nam Á và Đông Á. Chắc chắn Việt Nam sẽ được hưởng lợi từ sự dịch chuyển dòng đầu tư này, mức độ hưởng tùy thuộc vào đường lối phát triển, chính sách và nỗ lực tạo môi trường kinh doanh của Việt Nam.

## **2. Đặc điểm của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa**

*Một là, công nghiệp hóa gắn với hiện đại hóa và công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức.*

Kinh tế tri thức là nền kinh tế trong đó sự sản sinh, phổ cập và sử dụng tri thức giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển kinh tế, tạo ra của cải, nâng cao chất lượng cuộc sống. Trong nền kinh tế tri thức, những ngành kinh tế có tác động to lớn tới sự phát triển là những ngành dựa nhiều vào tri thức, thành tựu mới của khoa học, công nghệ, những ngành kinh tế mới dựa trên công nghệ cao như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học và cả những ngành kinh tế truyền thống như nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ được ứng dụng khoa học, công nghệ cao.

Nước ta thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế và xu thế kinh tế tri thức diễn ra mạnh mẽ. Chúng ta có thể và không cần thiết phải trải qua các bước phát triển tuần tự từ

kinh tế nông nghiệp lên kinh tế công nghiệp rồi mới phát triển kinh tế tri thức. Đó là lợi thế của các nước đi sau chứ không phải là nóng vội, duy ý chí. Vì vậy, Đại hội XII chỉ rõ: “*Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn tới là tiếp tục đẩy mạnh thực hiện mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế gắn với phát triển kinh tế tri thức, lấy khoa học, công nghệ, tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực chủ yếu*”<sup>1</sup>.

*Hai là, công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*

Khác với công nghiệp hóa ở thời kỳ trước đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới được tiến hành trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Do đó, công nghiệp hóa, hiện đại hóa không phải chỉ là việc của Nhà nước mà là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế thị trường không những khai thác có hiệu quả mọi nguồn lực trong nền kinh tế, mà còn sử dụng chúng có hiệu quả để đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.90.

*Ba là, công nghiệp hóa, hiện đại hóa tất yếu phải tích cực và chủ động hội nhập quốc tế.*

Hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài, thu hút công nghệ hiện đại, học hỏi kinh nghiệm quản lý tiên tiến của thế giới. Hội nhập kinh tế quốc tế còn nhằm khai thác thị trường thế giới để tiêu thụ các sản phẩm mà nước ta có nhiều lợi thế, có sức cạnh tranh cao. Nói cách khác, đó là việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để phát triển kinh tế nói chung và công nghiệp hóa, hiện đại hóa nói riêng nhanh hơn, hiệu quả hơn.

*Bốn là, công nghiệp hóa, hiện đại hóa lấy phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.*

Trong các yếu tố tham gia vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, yếu tố con người là cơ bản. Để phát triển nguồn lực con người đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cần đặc biệt chú ý đến phát triển giáo dục, đào tạo.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó lực lượng cán bộ khoa học và công nghệ, khoa học quản lý và đội ngũ công nhân lành nghề giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đòi hỏi phải đủ số lượng, cân đối về cơ cấu và trình

độ, có khả năng nắm bắt và sử dụng các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới và có khả năng sáng tạo công nghệ mới.

*Năm là, khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.*

Khoa học và công nghệ có vai trò quyết định đến tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao lợi thế cạnh tranh và tốc độ phát triển kinh tế nói chung. Nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế kém phát triển, tiềm lực khoa học, công nghệ còn ở trình độ thấp. Muốn đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với nền kinh tế tri thức thì phát triển khoa học và công nghệ là yêu cầu tất yếu và bức thiết. Phải đẩy mạnh việc chọn lọc công nghệ, mua sắm chế kết hợp với phát triển công nghệ nội sinh để nhanh chóng đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học và công nghệ vật liệu mới.

*Sáu là, công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải nhằm phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả và bền vững. Tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học.*

Xây dựng chủ nghĩa xã hội là nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Để thực hiện mục tiêu đó, trước hết kinh tế phải

phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững. Chỉ có như vậy mới có khả năng xoá đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, rút ngắn khoảng cách chênh lệch giữa các vùng... Mục tiêu đó thể hiện sự phát triển vì con người, mọi người đều được hưởng thành quả của phát triển.

Sự phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững có quan hệ chặt chẽ với việc bảo vệ môi trường tự nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học. Môi trường tự nhiên và sự đa dạng sinh học là môi trường sống và hoạt động kinh tế của con người. Bảo vệ môi trường tự nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học chính là bảo vệ điều kiện sống của con người và cũng là nội dung của sự phát triển bền vững.

### **3. Một số vấn đề đặt ra trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam**

Hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng. Từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu với 90% dân số làm nghề nông, đến nay đã xây dựng được cơ sở vật chất - kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước đáp ứng được cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển toàn bộ mọi hoạt động của nền kinh tế nông nghiệp tự cung tự cấp sang nền kinh tế có tư duy công nghiệp. Quy mô của nền kinh tế tăng nhanh, thu nhập đầu người vượt khõng thu nhập

thấp, Việt Nam trở thành nước có mức thu nhập trung bình. Kinh tế Việt Nam từng bước hội nhập sâu vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Những thành tựu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đưa đất nước ngày càng phát triển, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, góp phần bảo đảm an ninh, quốc phòng.

Những năm qua, quá trình cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng bước đầu đạt được một số kết quả nhất định. Hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và hiệu quả đã đem lại nhiều nguồn lực bên ngoài cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta; đồng thời hệ thống chính sách, pháp luật, thể chế và quá trình thực thi có bước tiến quan trọng, ngày càng hiệu quả. Nước ta có thể và lực lớn hơn nhiều so với trước. Vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng lên. Đây chính là những tiền đề quan trọng để đẩy nhanh hơn tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm mục tiêu đưa nước ta sớm trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Tuy nhiên, đất nước còn đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen lẫn nhau, tác động tổng hợp và diễn biến phức tạp. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân trong giai đoạn vừa qua đã bị suy giảm cho thấy mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta còn có những điểm chưa phù hợp, dễ bị tác động bởi các cú sốc

từ bên ngoài; công nghiệp hóa, hiện đại hóa phát triển chưa bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang chững lại; hiệu quả sử dụng nguồn lực còn nhiều hạn chế, chất lượng nguồn nhân lực thấp so với yêu cầu; một số vấn đề xã hội chậm được giải quyết. Trong khi đó, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn nghiêm trọng, làm giảm sút niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Môi trường ở nhiều nơi đang bị ô nhiễm, tài nguyên, đất đai chưa được quản lý tốt. Các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, sử dụng các chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền” hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta. Tất cả những vấn đề đó ảnh hưởng không nhỏ tới công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Ngoài ra, đang có khoảng cách giữa nhận thức về lý luận và thực tiễn bởi các nghị quyết thường bao hàm quá nhiều nội dung nhưng thiếu những giải pháp có tính khả thi và cụ thể, tổ chức thực hiện chưa tốt, nên dẫn tới tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả; các định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong từng thời kỳ chưa có trọng tâm, trọng điểm; các giải pháp còn thiếu đồng bộ, nhất là trong mối quan hệ hoàn

thiện thể chế, xây dựng chính sách đi đôi với giải pháp, cân đối các nguồn lực. Mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn có sự thiên lệch về cơ cấu ngành, dựa nhiều vào khai thác và bán tài nguyên, phát triển theo chiều rộng, sử dụng nhiều vốn hơn là sử dụng lao động và công nghệ cao nên làm cho tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa diễn ra chậm, bộc lộ một số hạn chế, đặt ra nhiều vấn đề cần phải nghiêm túc xem xét để giải quyết. Cụ thể như sau:

*Về mặt lý luận:*

- Mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam còn phải tiếp tục hoàn thiện nhằm thể chế hóa phương thức, chưa được cụ thể hóa thành những tiêu chí cụ thể của một nước công nghiệp.
- Các khái niệm về công nghiệp phụ trợ chưa được xác định đúng theo nghĩa nội hàm của nó, theo đó việc xây dựng các chính sách chưa sát với những yêu cầu phát triển trong nước và hội nhập quốc tế.
- Tư duy công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo yêu cầu “rút ngắn” cũng chưa làm rõ được những nội dung cơ bản và động lực để thực hiện quá trình rút ngắn.
- Cần làm rõ nội hàm tư duy phát triển kinh tế phải đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội và phải đạt được cả hai mục tiêu quan trọng đó, tránh sự kiềm chế lẫn nhau.

- Coi trọng mục tiêu bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong phát triển kinh tế - xã hội.

*Về các vấn đề thực tiễn:*

- Nền kinh tế Việt Nam đang ở trình độ phát triển thấp, hiệu quả và sức cạnh tranh còn kém, có nguy cơ tụt hậu xa so với các nước khác có cùng điều kiện.

- Chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời gian qua đã ra quá nhiều mũi nhọn, nhưng lại thiếu trọng tâm, trọng điểm cần thiết cho từng giai đoạn, dẫn đến việc đầu tư bị dàn trải, kém hiệu quả trong điều kiện kinh tế và nguồn lực hạn hẹp. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa phát huy lợi thế của liên kết vùng, chưa có sức lan tỏa để thúc đẩy phát triển kinh tế và huy động các nguồn lực xã hội; trình độ công nghệ lạc hậu so với khu vực và thế giới, tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị thấp.

- Công nghiệp vật liệu và hệ thống các sản phẩm chủ lực tham gia chuỗi giá trị toàn cầu còn rất nhỏ bé, chưa có nhiều thương hiệu có giá trị trên thị trường khu vực và quốc tế; tỷ lệ nội địa hóa thấp, ưu thế trong xuất khẩu hiện nay thuộc về các nhà đầu tư nước ngoài; giá trị gia tăng của công nghiệp chủ yếu tăng nhờ sự phát triển theo bề rộng, tốc độ tăng giá trị sản xuất cao hơn tốc độ tăng giá trị tăng thêm.

- Sự phát triển của các ngành công nghiệp nền tảng, mũi nhọn, như điện, cơ khí, tự động, vật liệu... còn

thấp, chưa đủ khả năng tham gia quá trình toàn cầu hóa và đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, thúc đẩy các ngành kinh tế, dịch vụ khác.

- Mặc dù hệ thống kết cấu hạ tầng là một trong những khâu đột phá, song tính kết nối giữa các phương thức vận tải chưa cao, là điểm nghẽn của quá trình phát triển. Quá trình đô thị hóa diễn ra với tốc độ nhanh nhưng chất lượng cung cấp dịch vụ kém, phân bố dân cư không đồng đều, chưa đáp ứng tốt cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước.

- Trong thời gian tới, tình hình chính trị và kinh tế thế giới sẽ còn có nhiều bất ổn gây ra tác động đa chiều, song kinh tế vẫn là vấn đề chủ đạo bảo đảm sự ổn định và phát triển. Toàn cầu hóa với kinh tế tri thức vẫn là xu thế chủ yếu trong phát triển kinh tế. Nên kinh tế thế giới sẽ chuyển dịch theo theo chiều hướng từ Tây sang Đông, từ “nâu” sang “xanh”, biến đổi sâu sắc về thể chế lẫn trình độ công nghệ và cơ cấu sản phẩm, với những đặc điểm nổi bật sau:

+ Trong quá trình toàn cầu hóa, các chuẩn mực, nguyên tắc và các định chế quốc tế sẽ trở thành một trong những chủ thể vận hành nền kinh tế thế giới. Theo đó, sự cạnh tranh giữa các quốc gia về nguồn lực và công nghệ ngày càng gay gắt hơn.

+ Sự tùy thuộc lẫn nhau của các nền kinh tế trên thế giới ngày càng lớn.

- + Sự trỗi dậy của một số nền kinh tế mới nổi (nhất là Trung Quốc và Ấn Độ) làm dịch chuyển mạnh mẽ cơ cấu kinh tế, chuỗi sản xuất và dịch vụ, chuỗi cung ứng toàn cầu và khu vực.
- + Tiến bộ của khoa học và công nghệ, sự phát triển của kinh tế tri thức tạo cơ hội cho các nước đi sau bắt nhịp, tham gia chuỗi kinh tế toàn cầu và là thời cơ để “rút ngắn” quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

#### IV- MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM

##### **1. Mục tiêu**

Mục tiêu cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là đưa nước ta thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, mức sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng - an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Để thực hiện mục tiêu đó, ở mỗi thời kỳ phải đạt được những mục tiêu cụ thể. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phải gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường. Từ nay đến

giữa thế kỷ XXI, toàn Đảng, toàn dân phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

## **2. Nhiệm vụ, giải pháp cơ bản thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường**

*Một là, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.*

Tiếp tục đổi mới việc xây dựng và thực thi luật pháp, bảo đảm cạnh tranh bình đẳng, minh bạch giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; đổi mới công tác quy hoạch, kế hoạch và điều hành phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường; đồng thời, thực hiện tốt chính sách xã hội. Có hệ thống cơ chế, chính sách phù hợp, đặc biệt là cơ chế, chính sách tài chính, tiền tệ nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của nền kinh tế; bảo đảm quyền tự do kinh doanh và bình đẳng giữa các thành phần kinh tế; tạo lập sự đồng bộ và vận hành thống suốt các loại thị trường.

*Hai là, phát triển mạnh công nghiệp theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh.*

Phải đặc biệt coi trọng phát triển kinh tế tri thức,

bảo đảm tăng hàm lượng khoa học công nghệ và tỉ trọng giá trị nội địa trong sản phẩm; phát triển có chọn lọc công nghiệp chế biến, chế tác, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp năng lượng, khai khoáng, luyện kim, hóa chất, công nghiệp quốc phòng. Ưu tiên phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, sản phẩm có khả năng tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu; phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ; từng bước phát triển công nghiệp sinh học và công nghiệp môi trường. Đồng thời, chú ý phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp và đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hình thức cụm, nhóm sản phẩm tạo thành các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn và hiệu quả cao.

*Ba là, phát triển mạnh các ngành dịch vụ, nhất là các dịch vụ có giá trị cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh.*

Phát triển khu vực dịch vụ đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn các khu vực sản xuất và cao hơn tốc độ tăng GDP là một hướng quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Cần tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, như: du lịch, hàng hải, hàng không, viễn thông, công nghệ thông tin, y tế...; hình thành một số trung tâm dịch vụ, du lịch có tầm cỡ khu vực và quốc tế. Hiện đại hóa và mở rộng các dịch vụ có giá trị gia tăng cao như: tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, logistic và

các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác; phát triển mạnh dịch vụ khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, văn hóa, thông tin, thể thao, dịch vụ việc làm và an sinh xã hội.

*Bốn là, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.*

Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược, là yếu tố quyết định đẩy mạnh phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng là lợi thế cạnh tranh quan trọng nhất, bảo đảm cho phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững.

Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và hội nhập quốc tế. Chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo theo từng cấp học và trình độ đào tạo, tiến tới tất cả các giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, giáo viên, giảng viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải có trình độ từ đại học trở lên, có năng lực sư phạm. Giảng viên cao đẳng, đại học có trình độ từ thạc sĩ trở lên và phải được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Cán bộ quản lý giáo dục các cấp phải qua đào tạo về nghiệp vụ quản lý.

Phát triển hệ thống trường sư phạm đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và

cán bộ quản lý giáo dục; ưu tiên đầu tư xây dựng một số trường sư phạm, trường sư phạm kỹ thuật trọng điểm; khắc phục tình trạng phân tán trong hệ thống các cơ sở đào tạo nhà giáo. Có cơ chế tuyển sinh và cử tuyển riêng để tuyển chọn được những người có phẩm chất, năng lực phù hợp vào ngành sư phạm.

Đổi mới mạnh mẽ mục tiêu, nội dung, phương pháp đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của nhà giáo theo yêu cầu nâng cao chất lượng, trách nhiệm, đạo đức và năng lực nghề nghiệp.

Có chế độ ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Việc tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục phải trên cơ sở đánh giá năng lực, đạo đức nghề nghiệp và hiệu quả công tác. Có chế độ ưu đãi và quy định tuổi nghỉ hưu hợp lý đối với nhà giáo có trình độ cao; có cơ chế miễn nhiệm, bố trí công việc khác hoặc kiên quyết đưa ra khỏi ngành đối với những người không đủ phẩm chất, năng lực, không đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Lương của nhà giáo được ưu tiên xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp và có thêm phụ cấp tùy theo tính chất công việc, theo vùng.

Khuyến khích đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Có chính sách hỗ trợ giảng viên trẻ về chỗ ở, học tập và nghiên cứu khoa học. Bảo đảm bình đẳng giữa nhà giáo trường

công lập và nhà giáo trường ngoài công lập về tôn vinh và cơ hội đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ... Tạo điều kiện để chuyên gia quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài tham gia giảng dạy và nghiên cứu ở các cơ sở giáo dục, đào tạo trong nước.

Triển khai các giải pháp, mô hình liên thông, liên kết giữa các cơ sở đào tạo, nhất là các trường đại học với các tổ chức khoa học và công nghệ, đặc biệt là các viện nghiên cứu.

*Năm là, tập trung phát triển khoa học và công nghệ, bảo đảm thực sự là động lực then chốt của quá trình phát triển nhanh và bền vững.*

Cần hướng trọng tâm hoạt động khoa học và công nghệ vào phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhất là công nghệ thông tin, bảo đảm phát triển theo chiều sâu, góp phần tăng nhanh năng suất, chất lượng, hiệu quả và nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế; thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ: nâng cao năng lực, đổi mới cơ chế quản lý, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, tăng cường hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ.

### *Bài 3*

## **VỀ XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM**

**I- KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
Ở VIỆT NAM LÀ TẤT YẾU TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ  
LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

### **1. Khái niệm**

Khái niệm “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam” đã được Đại hội IX của Đảng (năm 2001) nêu rõ: “Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; *đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*”<sup>1</sup>.

Tới Đại hội XII của Đảng, khái niệm “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” tiếp tục được làm

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.60, tr.181.

sáng tỏ hơn, theo đó: “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh””<sup>1</sup>.

## **2. Tính tất yếu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam**

Mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu Xô viết là một kiểu tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế muôn sorm khắc phục những khuyết tật của chủ nghĩa tư bản, muôn nhanh chóng xây dựng một chế độ xã hội tốt đẹp hơn, một phương thức sản xuất văn minh, hiện đại hơn chủ nghĩa tư bản. Đó là một ý tưởng tốt đẹp, và trên thực tế suốt hơn 70 năm tồn tại, chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô đã đạt được nhiều thành tựu vĩ đại, làm thay đổi bộ mặt của đất nước và đời sống của nhân dân Liên Xô. Nhưng do muôn xóa bỏ ngay kinh

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.102.

tế hàng hóa, áp dụng cơ chế kinh tế phi thị trường, không năng động, kịp thời điều chỉnh khi cần thiết cho nên đã không thành công.

Khi mới vận dụng học thuyết Mác vào xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga sau Cách mạng Tháng Mười năm 1917, do điều kiện thù trong giặc ngoài, tình hình nước Nga rất nguy cấp, V.I. Lênin đã thực hiện “Chính sách cộng sản thời chiến”. Sau khi thắng lợi của cuộc chiến chống thù trong giặc ngoài, phát hiện ra những bất cập của “Chính sách cộng sản thời chiến”, Lênin đã thực hiện “Chính sách kinh tế mới” (NEP) với nội dung cơ bản là khuyến khích phát triển kinh tế hàng hóa, chấp nhận ở mức độ nhất định cơ chế thị trường. Theo V.I. Lênin, để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước còn tương đối lạc hậu về kinh tế như nước Nga, cần phải sử dụng quan hệ hàng hóa - tiền tệ và phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, đặc biệt là sử dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước để phát triển lực lượng sản xuất. Tuy chỉ mới thực hiện trong thời gian ngắn, nhưng NEP đã đem lại những kết quả tích cực: nước Nga đã hồi phục và phát triển nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá, nhiều ngành kinh tế bắt đầu hoạt động năng động, nhộn nhịp hơn. Sau khi V.I. Lênin qua đời, tư tưởng của Người về xây dựng chủ nghĩa xã hội với chính sách NEP đã không được tiếp tục thực hiện. Sự thành công và sự phát triển mạnh mẽ suốt một thời

gian khá dài của Liên Xô trong công cuộc công nghiệp hóa đất nước bằng mô hình kinh tế dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, kế hoạch hóa tập trung cao độ; phân phôi thu nhập mang tính bình quân; kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường bị loại bỏ đã có sức hấp dẫn lớn đối với nhân loại và làm cho giới lý luận kinh tế, lãnh đạo các nước xã hội chủ nghĩa và các nước đang phát triển tuyệt đối hóa, biến thành công thức để áp dụng cho tất cả các nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, giới lý luận ở một số nước đã thấy có sự “bất ổn” nên đã đưa ra những kiến nghị, đề xuất, như quan điểm “chủ nghĩa xã hội thị trường”,... nhưng không được chấp nhận.

Vào cuối những năm 70 của thế kỷ XX, những hạn chế, khuyết tật của mô hình kinh tế Xôviết bộc lộ rất rõ; cùng với sự yếu kém trong lãnh đạo, quản lý đã làm cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu rơi vào tình trạng trì trệ, khủng hoảng. Một số nhà lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước Liên Xô lúc đó muốn thay đổi tình hình bằng công cuộc cải cách, cải tổ, nhưng với một “tư duy chính trị mới”, nên đã phạm sai lầm cực đoan, phiến diện, dẫn tới sự tan rã của Liên Xô và sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Sự sụp đổ hệ thống xã hội chủ nghĩa ở

Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác ở Đông Âu vào cuối những năm 80, đầu những năm 90 của thế kỷ XX đã làm lộ rõ những khuyết tật của mô hình kinh tế cứng nhắc phi thị trường.

Việt Nam là một nước nghèo, kinh tế - kỹ thuật lạc hậu, trình độ xã hội còn thấp, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Đi lên chủ nghĩa xã hội là mục tiêu lý tưởng của những người cộng sản và Nhân dân Việt Nam. Nhưng đi lên chủ nghĩa xã hội bằng cách nào? Đó là câu hỏi lớn và cực kỳ hệ trọng, để trả lời được không hề đơn giản. Suốt một thời gian dài, Việt Nam cũng như nhiều nước khác đã áp dụng mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu Xôviết, phát triển kinh tế kế hoạch tập trung mang tính bao cấp. Mô hình này đã thu được những kết quả quan trọng, nhất là đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ đất nước có chiến tranh. Nhưng mô hình này đã bộc lộ nhiều khuyết điểm; trong công tác chỉ đạo cũng phạm phải một số sai lầm mà nguyên nhân sâu xa là bệnh giáo điều, chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động đơn giản, nóng vội, không tôn trọng quy luật khách quan, nhận thức về chủ nghĩa xã hội không đúng với thực tế Việt Nam.

Trên cơ sở đổi mới nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 12/1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Hội nghị

Trung ương 6 khóa VI (tháng 3/1989), phát triển thêm một bước khi đưa ra quan điểm phát triển nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch gồm nhiều thành phần đi lên chủ nghĩa xã hội, coi “chính sách kinh tế nhiều thành phần có ý nghĩa *chiến lược lâu dài, có tính quy luật* từ sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội”<sup>1</sup>.

Đến Đại hội VII (tháng 6/1991), Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục nêu rõ hơn chủ trương này và khẳng định đây là con đường chiến lược đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* của Đảng khẳng định: “Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước”<sup>2</sup>. Đại hội VIII của Đảng đưa ra một kết luận mới rất quan trọng: Sản xuất hàng hóa... tồn tại khách quan cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cả khi chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng. Nhưng phải đến Đại hội IX của Đảng (tháng 4/2001) mới chính thức đưa ra khái niệm “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”. Đại hội khẳng định: Phát triển kinh tế thị trường định

- 
1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.49, tr.595.
  2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.51, tr.135.

hướng xã hội chủ nghĩa là đường lối chiến lược nhất quán, là mô hình kinh tế tổng quát trong suốt thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đây là kết quả sau nhiều năm nghiên cứu, tìm tòi, tổng kết thực tiễn và là bước phát triển mới về tư duy lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam<sup>1</sup>.

## II- NỘI DUNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

### **1. Quá trình đổi mới tư duy lý luận và thực tiễn phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam**

a) *Giai đoạn trước Đại hội IX (năm 2001)*

- *Giai đoạn trước Đại hội VI (năm 1986)*

Hội nghị Trung ương 6 khóa IV (năm 1979) đã thông qua Nghị quyết về lưu thông - phân phối, mở đường áp dụng cơ chế “kế hoạch ba phần” trong các doanh nghiệp nhà nước, cho phép doanh nghiệp nhà nước vươn ra thị trường tự do với phần vượt ra ngoài kế hoạch pháp lệnh. Năm 1981, Chỉ thị số 100-CT/TW (gọi tắt là Khoán 100) đã mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.60, tr.181-182.

nông nghiệp. Hộ nông dân được nhận khoán sản phẩm và được quyền bán sản phẩm vượt khoán trên thị trường tự do.

Đây thực sự là hai điểm đột phá thị trường đầu tiên ở hai lĩnh vực kinh tế chủ chốt, tạo động lực phát triển mạnh mẽ cho doanh nghiệp, tập thể và người lao động.

Tuy đây là sự chuyển biến nhận thức và thực tiễn quan trọng, mang tính đột phá, song vẫn chưa đủ để tạo ra một bước ngoặt căn bản trong quan điểm lý luận và thực tiễn về quá trình hình thành và phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Thị trường chỉ được coi là công cụ bổ sung. Công cụ chủ yếu để quản lý, điều hành và tổ chức kinh tế vẫn là kế hoạch pháp lệnh với các chỉ tiêu định lượng cụ thể giao xuống từng doanh nghiệp (xí nghiệp quốc doanh và hợp tác xã). Về thực chất, đó là những cải tiến, cải cách cục bộ trong khuôn khổ cơ chế cũ (kế hoạch hóa tập trung) và nhằm duy trì, củng cố hệ thống kinh tế vận hành thông qua cơ chế đó.

#### *- Giai đoạn 1986 - 2001*

+ Đại hội VI (năm 1986): Đảng đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, trong đó nhấn mạnh yêu cầu đổi mới tư duy. Tư tưởng coi việc “sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hóa - tiền tệ là đặc trưng thứ hai của cơ chế mới về quản lý” (sau tính kế hoạch), đòi hỏi “sản xuất phải gắn với thị trường, mọi hoạt động kinh tế phải so sánh chi phí với hiệu quả, các tổ chức và đơn vị

kinh tế phải tự bù đắp chi phí và có lãi để tái sản xuất mở rộng”<sup>1</sup>... là đột phá quan trọng về tư tưởng và đường lối phát triển kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Năm 1987, Luật đất đai và Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được ban hành. Chính sách tỷ giá được tính sát với tỷ giá thị trường; mở cửa cho xuất khẩu các loại nông sản, đặc biệt là gạo.

+ Những năm 1988 - 1990, Việt Nam tiến hành đổi mới một cách có hệ thống, tương đối đồng bộ và triệt để trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế. Chế độ hai giá bị xóa bỏ, áp dụng hệ thống giá thị trường, thống nhất hệ thống tỷ giá và thực hiện chế độ lãi suất dương để chống lạm phát; thông qua Pháp lệnh Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Pháp lệnh ngân hàng hợp tác xã tín dụng và công ty tài chính; sửa đổi Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; ban hành Luật công ty, cho phép các công ty tư nhân trực tiếp xuất, nhập khẩu.

+ Những năm 1991 - 1996, Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh đổi mới thể chế và định hình khung cấu trúc thể chế của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Tại Đại hội VII (năm 1991), Đảng ta đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ*

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.47, tr.397.

*nghĩa xã hội*. Cương lĩnh khẳng định đường lối: Phát triển một nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo... Xoá bỏ triệt để cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, *hình thành cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước* bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác<sup>1</sup>.

Tiếp đó, Quốc hội thông qua Hiến pháp năm 1992, chính thức thừa nhận nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; bãi bỏ nhiều loại giấy phép xuất khẩu và chế độ quản lý bằng hạn ngạch.

+ Những năm 1996 - 2000, tuy đổi mới thể chế có phần chững lại, nền kinh tế chịu tác động tiêu cực mạnh mẽ của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực, nhưng nền kinh tế vẫn có tăng trưởng.

*b) Giai đoạn thực hiện các mục tiêu của Đại hội IX (2001 - 2006)*

Trong giai đoạn này, nhận thức thị trường như một công cụ, một cơ chế quản lý kinh tế đã chuyển sang coi thị trường là một chính thể, là cơ sở kinh tế của xã hội trong giai đoạn tiến lên chủ nghĩa xã hội; đồng thời đặt ra vấn đề xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.137-138.

Đại hội IX khái quát mô hình nền kinh tế thị trường thể hiện sự phát triển tư duy hệ thống về mô hình tổng quát của Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội: “Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đó chính là *nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*”<sup>1</sup>.

- Đại hội xác định một loạt yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của sự phát triển kinh tế thị trường:

+ Bổ sung “dân chủ” vào hệ mục tiêu phát triển tổng quát: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

+ Xác nhận chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa rút ngắn trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Coi “từng bước phát triển kinh tế tri thức” là một nội dung của chiến lược phát triển kinh tế.

+ Kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước (nhà nước xã hội chủ nghĩa).

+ Thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác... Tăng trưởng kinh tế gắn liền và bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.60, tr.181.

trong từng bước phát triển, đi đôi với phát triển văn hóa và giáo dục.

- Ba mũi đột phá chiến lược trong phát triển kinh tế - xã hội được lựa chọn là:

+ Xây dựng đồng bộ hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà trọng tâm là đổi mới cơ chế, chính sách nhằm giải phóng triệt để lực lượng sản xuất, mở rộng thị trường trong và ngoài nước;

+ Tạo bước chuyển mạnh về phát triển nguồn nhân lực, trọng tâm là giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ;

+ Đổi mới bộ máy và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, trọng tâm là cải cách hành chính, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh.

Với sự xác định như vậy, Đại hội IX đã tiến một bước dài trong việc cụ thể hóa mô hình phát triển kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam:

Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ (tháng 12/2001) phát huy tác dụng tích cực, mở ra nhiều cơ hội phát triển to lớn cho nền kinh tế và các doanh nghiệp Việt Nam; chứng tỏ việc giải phóng thể chế mang lại sức thúc đẩy phát triển mạnh mẽ.

Luật doanh nghiệp tiếp tục phát huy tác dụng, có sức lan toả mạnh mẽ, tạo nên làn sóng phát triển mới trong khu vực tư nhân.

Quá trình mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế được đẩy mạnh: thực hiện các cam kết của Khu vực mậu

dịch tự do (AFTA), đẩy mạnh quá trình liên kết kinh tế ASEAN theo hướng xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN; tham gia Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM), ký Hiệp định bảo hộ đầu tư với Nhật Bản; thúc đẩy quá trình gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)...

Nền kinh tế đã khôi phục lại nhịp độ tăng trưởng, giữ vững được ổn định. Tuy nhiên, từ sau Đại hội IX đã nảy sinh thêm nhiều vấn đề mới trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Nền kinh tế hội nhập sâu và nhanh hơn vào nền kinh tế thế giới, song các vấn đề về chất lượng tăng trưởng (như cơ cấu, thể chế, sức cạnh tranh) là rất nghiêm trọng. Nền kinh tế vẫn trong tình trạng tụt hậu xa hơn. Tăng trưởng vẫn thấp hơn mức tiềm năng. Một số vấn đề cơ bản trong nhận thức lý luận, quan điểm, tư tưởng và chính sách về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa - vấn đề về sở hữu, về cơ cấu thành phần, về vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, vai trò của Nhà nước, về quan hệ giữa tăng trưởng và đối nghịch, giữa các yếu tố kinh tế - xã hội và kiến trúc thương tầng... đòi hỏi phải được giải quyết triệt để để định hình khung lý luận cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

c) *Giai đoạn thực hiện các mục tiêu của Đại hội X (2006 - 2011)*

Tại Đại hội X, Đảng ta đã khẳng định: “Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, có sự thay đổi cơ

bản và toàn diện. Kinh tế tăng trưởng khá nhanh, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt”<sup>1</sup>.

Có thể khái quát các thành tựu mà nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đạt được như sau:

*Một là*, đưa đất nước thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế, tăng trưởng kinh tế nhanh và ổn định.

*Hai là*, tạo dựng được những tiền đề cần thiết cho sự phát triển kinh tế thị trường và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; cải thiện một bước kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế và đời sống nhân dân; hệ thống giáo dục, khoa học công nghệ phát triển khá, thể chế kinh tế thị trường đã từng bước được hình thành và phát triển.

*Ba là*, cơ cấu kinh tế có sự chuyển biến tích cực để phát huy tiềm năng của từng ngành, từng vùng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

*Bốn là*, kinh tế đối ngoại được mở rộng và phát triển, khả năng hội nhập khu vực và thế giới được tăng cường.

*Năm là*, thành tựu trong công tác xoá đói, giảm nghèo.

Nguyên nhân của những thành tựu nêu trên là do chúng ta đã: “Phát huy được sức mạnh của toàn dân

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Sđd, tr.67.

tộc, sự nỗ lực phấn đấu vượt bậc, năng động, sáng tạo của toàn dân, toàn quân, cộng đồng doanh nghiệp và của cả hệ thống chính trị, sự quản lý điều hành có hiệu quả của Nhà nước dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng”<sup>1</sup>.

Những thành tựu đó chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo, phù hợp thực tiễn Việt Nam.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu nói trên, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam còn một số mặt hạn chế như: hệ thống thị trường chưa đồng bộ; môi trường kinh tế (gồm cả vĩ mô và vi mô) chưa được hoàn thiện và chưa thực sự hiệu quả, năng lực quản lý nhà nước và cơ chế chính sách chưa theo kịp thực tiễn; nguồn nhân lực chưa đáp ứng được với kinh tế thị trường trong bối cảnh hội nhập.

Đại hội X của Đảng nhận định: “cho đến nay nước ta vẫn trong tình trạng kém phát triển. Kinh tế còn lạc hậu so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, xây dựng hệ thống chính trị, còn nhiều yếu kém. Lý luận chưa giải đáp được một số vấn đề của thực tiễn đổi mới và xây dựng

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Sđd, tr.92-93.

chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đặc biệt là trong việc giải quyết các mối quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng và chất lượng phát triển”<sup>1</sup>.

d) *Giai đoạn thực hiện các mục tiêu của Đại hội XI (2011 - 2016)*

Đại hội XI đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011). Cương lĩnh đã xác định đặc điểm thời đại và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong những năm tiếp theo: “Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia và dân tộc”<sup>2</sup>.

Cương lĩnh khẳng định: “Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: *Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ*; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Sđd, tr.69.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.69.

kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”<sup>1</sup>.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 xác định ba đột phá quan trọng nhằm thay đổi mô hình tăng trưởng mở rộng theo chiều sâu và hội nhập sâu, rộng vào nền kinh tế toàn cầu, đó là:

(1) Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính.

(2) Phát triển nhanh nguồn nhân lực, đặc biệt nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

(3) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn.

Ba đột phá chiến lược trên đã được triển khai

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.70.

đồng bộ trong thực tiễn và đã đạt được một số kết quả quan trọng<sup>1</sup>:

- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tiếp tục được hoàn thiện, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước. Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy các bộ, ngành, địa phương. Đổi mới chế độ công vụ, công chức, tăng cường công khai minh bạch, đề cao trách nhiệm người đứng đầu và trách nhiệm giải trình. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin. Triển khai trên diện rộng cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cấp huyện.

- Đã triển khai thực hiện quy hoạch và tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách về phát triển nguồn nhân lực, cụ thể như Chiến lược, Quy hoạch phát triển nhân lực, Chiến lược phát triển dạy nghề, Chiến lược phát triển giáo dục, Chiến lược phát triển khoa học công nghệ, Luật giáo dục đại học, Luật khoa học và công nghệ... Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi

---

1. Xem thêm *Báo cáo của Chính phủ về tình hình kinh tế - xã hội năm 2013, kết quả 3 năm thực hiện kế hoạch 5 năm (2011 - 2015) và nhiệm vụ 2014 - 2015*, <http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/noidungtinhhhinhthuchien?categoryId=100002927&articleId=10052743>.

mối căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Đã rà soát, bổ sung thể chế và quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng với tầm nhìn tổng thể, dài hạn. Tập trung khắc phục tình trạng đầu tư công dàn trải, kém hiệu quả. Tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước với nhiều hình thức như BOT, BT, BOO, PPP,... để phát triển kết cấu hạ tầng.

*d) Giai đoạn thực hiện các mục tiêu của Đại hội XII (2016 - 2021)*

Đại hội XII của Đảng đã khẳng định: “Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhất là hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tiếp tục được hoàn thiện. Vai trò, hiệu quả, sức cạnh tranh của các chủ thể kinh tế, các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế được nâng lên. Môi trường đầu tư và kinh doanh được cải thiện, bình đẳng và thông thoáng hơn”<sup>1</sup>.

Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhất là hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tiếp tục được hoàn thiện. Vai trò, hiệu quả, sức cạnh tranh của các chủ thể kinh tế, các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế được nâng lên. Môi trường

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.97.

đầu tư và kinh doanh được cải thiện, bình đẳng và thông thoáng hơn.

Các yếu tố thị trường và các loại thị trường được hình thành đồng bộ hơn, gắn kết với thị trường khu vực và quốc tế. Hầu hết các loại giá được xác lập theo nguyên tắc thị trường; thực hiện cơ chế giá thị trường có sự quản lý của Nhà nước đối với một số loại hàng hóa - dịch vụ thiết yếu.

Vai trò của Nhà nước được điều chỉnh phù hợp hơn với cơ chế thị trường, ngày càng phát huy dân chủ trong đời sống kinh tế - xã hội. Việc huy động và phân bổ các nguồn lực gắn với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã từng bước phù hợp với cơ chế thị trường; hạn chế và kiểm soát độc quyền kinh doanh.

Hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng trên nhiều cấp độ, đa dạng về hình thức, từng bước thích ứng với nguyên tắc và chuẩn mực của thị trường toàn cầu. Đã thiết lập được nhiều quan hệ đối tác chiến lược về kinh tế. Tích cực đóng góp xây dựng Cộng đồng ASEAN; hoàn thiện thị trường trong nước đầy đủ hơn theo cam kết WTO; đàm phán, ký kết và thực hiện nhiều hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương thể hệ mới.

*Tuy nhiên*, hoàn thiện thể chế kinh tế còn chậm, thiếu kiên quyết; hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách chưa hoàn chỉnh và đồng bộ, chất lượng không cao,

chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, thực hiện ba đột phá chiến lược.

Kết quả triển khai, thực thi thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn hạn chế, chưa tạo được đột phá lớn trong huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển. Quyền tự do kinh doanh chưa được tôn trọng đầy đủ; môi trường đầu tư, kinh doanh không thật sự thông thoáng, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các doanh nghiệp. Giá cả một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu chưa thật sự tuân theo nguyên tắc thị trường.

Doanh nghiệp nhà nước hoạt động kém hiệu quả, chưa thể hiện được vai trò là lực lượng nòng cốt của kinh tế nhà nước. Hầu hết doanh nghiệp tư nhân quy mô còn nhỏ, thiếu liên kết, khả năng ứng phó với các rủi ro yếu, nhiều doanh nghiệp phải giải thể hoặc ngừng hoạt động. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động chủ yếu trong các ngành sử dụng nhiều lao động, khai thác tài nguyên và còn hạn chế trong chuyển giao công nghệ và trình độ quản lý tiên tiến.

Trình độ phát triển của các loại thị trường thấp, vận hành chưa thật sự đồng bộ, thông suốt, trong đó thị trường lao động và thị trường dịch vụ công cơ cấu chưa hợp lý; thị trường tài chính - tiền tệ và thị trường bất động sản tiềm ẩn nhiều rủi ro; thị trường khoa học - công nghệ phát triển chậm.

Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước chưa cao; kỷ luật, kỷ cương không nghiêm; Nhà nước còn can thiệp trực tiếp, quá lớn trong nền kinh tế. Vẫn còn tình trạng bao cấp, xin - cho trong xây dựng và thực hiện một số cơ chế, chính sách. Sự tham gia giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong hoạt động quản lý nhà nước còn hạn chế.

Hội nhập kinh tế quốc tế chưa kết hợp và phát huy tốt nguồn lực bên ngoài với nguồn lực trong nước để phát triển. Các nỗ lực đổi mới kinh tế trong nước chưa thật sự đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Nhiều bộ, ngành, địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp thiếu chủ động trong xây dựng chương trình, kế hoạch toàn diện, cụ thể, chuẩn bị các điều kiện và năng lực về mọi mặt để hạn chế khó khăn, thách thức, tận dụng cơ hội do hội nhập đem lại.

Việc tự do hóa thương mại, đầu tư trong một số thị trường, lĩnh vực chưa sát hợp với thực tế phát triển của nền kinh tế. Chậm xây dựng hàng rào kỹ thuật cần thiết và hệ thống quản lý thị trường đủ năng lực và hiệu quả để bảo vệ thị trường trong nước, duy trì môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, ngăn chặn gian lận thương mại, hàng giả, hàng lậu và hàng độc hại.

Đại hội XII của Đảng cũng đã xác định nhiệm vụ cần phải tiếp tục hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế

thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; nâng cao hiệu lực, hiệu quả, kỷ luật, kỷ cương, công khai, minh bạch trong quản lý kinh tế, năng lực quản lý của Nhà nước và năng lực quản trị doanh nghiệp.

Triển khai Đại hội XII của Đảng, Hội nghị Trung ương 5 khóa XII ban hành Nghị quyết về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó khẳng định: “Xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ chiến lược, là khâu đột phá quan trọng, tạo động lực để phát triển nhanh và bền vững; đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội”<sup>1</sup>.

Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước trong từng giai đoạn. Bảo đảm tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế. Gắn kết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2017, tr.27.

bằng xã hội, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là quá trình phát triển liên tục; kế thừa có chọn lọc thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại và kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn đổi mới ở nước ta; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời bảo đảm giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Hoàn thiện thể chế kinh tế đi đôi với hoàn thiện thể chế chính trị, trọng tâm là đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy và cán bộ. Có bước đi phù hợp, vững chắc, vừa làm vừa tổng kết, rút kinh nghiệm để tiếp tục hoàn thiện. Xác định rõ và thực hiện đúng vị trí, vai trò, chức năng và mối quan hệ của Nhà nước, thị trường và xã hội phù hợp với kinh tế thị trường; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; tăng cường và giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng.

Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ quan trọng, vừa cấp bách, vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị. Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội trong quá trình

hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

## **2. Bản chất và đặc trưng cơ bản của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam**

### *a) Bản chất của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*

Đại hội IX của Đảng chỉ rõ: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội, thể hiện trên cả ba mặt: sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối<sup>1</sup>.

Nói cách khác, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chính là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có những điểm giống, đồng nhất, nhưng cũng có những điểm khác về bản chất so với kinh tế thị trường tư bản hiện đại.

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.60, tr.181-182.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trước hết cũng là kinh tế thị trường, hơn nữa lại là kinh tế thị trường hiện đại, nên có những đặc điểm tương đồng nhất với kinh tế thị trường tư bản hiện đại như:

- Dựa trên nền tảng của chế độ phân chia sở hữu và đa sở hữu.
- Vận hành của nền kinh tế chủ yếu thông qua và bằng cơ chế thị trường.
- Có sự quản lý, điều tiết của Nhà nước.
- Thực hiện nhiều hình thức phân phối đa dạng, phong phú.
- Có sự quan tâm đến việc giải quyết các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển kinh tế và đòi hỏi của xã hội.

Lựa chọn mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa không chỉ đơn giản là chuyển nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp, cũng không phải là sự gán ghép chủ quan giữa kinh tế thị trường và chủ nghĩa xã hội, mà là sự nắm bắt và vận dụng xu thế vận động khách quan của kinh tế thị trường trong thời đại ngày nay. Điều quan trọng có ý nghĩa quyết định là phải chuyển sang nền kinh tế hiện đại, văn minh nhằm mục tiêu từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đây là sự lựa chọn phù hợp với quy luật phát triển và điều kiện lịch sử cụ thể của những nước đi sau, cho phép các nước này rút ngắn con đường tới chủ nghĩa xã hội trên cơ sở tận dụng được ưu thế và hạn chế những

khuyết điểm của hai cơ chế: *kế hoạch và thị trường*. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là kiểu tổ chức kinh tế đặc biệt, vừa tuân theo những nguyên tắc và quy luật của hệ thống kinh tế thị trường, vừa bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa. Chính đặc trưng cơ bản này chi phối và quyết định phương tiện, công cụ, động lực của nền kinh tế và con đường đạt tới mục tiêu, là sử dụng kinh tế thị trường, nâng cao hiệu lực và hiệu quả điều tiết của nhà nước xã hội chủ nghĩa, phát triển khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, mở cửa và hội nhập nhằm thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển rút ngắn để trong khoảng thời gian không dài có thể khắc phục tình trạng lạc hậu, đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là *mô hình kinh tế trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội*. Đây là *một kiểu kinh tế thị trường mới* trong lịch sử phát triển của kinh tế thị trường. Cũng có thể nói, kinh tế thị trường là “*cái phổi biển*”, còn kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là “*cái đặc thù*” của Việt Nam, phù hợp với điều kiện và đặc điểm cụ thể của Việt Nam.

Nói kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là muốn nói đây không phải là kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, cũng không phải là kinh tế bao cấp, quản lý

theo kiểu tập trung quan liêu và tất nhiên càng không phải kinh tế xã hội chủ nghĩa. Bởi vì Việt Nam đang ở trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đã có nhưng chưa đầy đủ các yếu tố của chủ nghĩa xã hội.

Chủ trương phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là *sự tiếp thu có chọn lọc thành tựu của văn minh nhân loại*, phát huy vai trò tích cực của kinh tế thị trường trong việc thúc đẩy phát triển sức sản xuất, xã hội hóa lao động, cải tiến kỹ thuật - công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo ra nhiều của cải, góp phần làm giàu cho xã hội và cải thiện đời sống nhân dân; đồng thời phải có những biện pháp hữu hiệu nhằm hạn chế mặt tiêu cực của kinh tế thị trường, như: chạy theo lợi nhuận đơn thuần, cạnh tranh khốc liệt, bóc lột và phân hóa giàu nghèo quá đáng, ít quan tâm giải quyết các vấn đề xã hội. Đây cũng là *sự lựa chọn tự giác con đường và mô hình phát triển trên cơ sở quán triệt lý luận Mác - Lênin, nắm bắt đúng quy luật khách quan và vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của Việt Nam*.

b) *Đặc trưng cơ bản của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*

Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là bước phát triển mới về lý luận của Đảng ta trong quá trình đổi mới. Đây là sự vận dụng sáng tạo từ những chỉ dẫn của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa

xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là những chỉ dẫn của V.I. Lenin trong Chính sách kinh tế mới (NEP), đồng thời xuất phát từ tổng kết thực tiễn Việt Nam giai đoạn vừa qua.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xác định là mô hình kinh tế tổng quát trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội với các đặc trưng cơ bản là:

*Thứ nhất, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành và xây dựng một cách tự giác trên cơ sở nhận thức về kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa; chọn lọc và tiếp thu những yếu tố hợp lý, khắc phục những hạn chế, khuyết tật của nó và xử lý các tình huống theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.*

Mục đích của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; phát triển lực lượng sản xuất hiện đại gắn liền với xây dựng quan hệ sản xuất mới, tiên tiến.

*Thứ hai, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế nhiều thành phần trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.*

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc.

*Thứ ba, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của Nhân dân trên phạm vi toàn xã hội cũng như trong từng cơ quan, xí nghiệp được phát huy, tạo điều kiện; vai trò quản lý, điều tiết của Nhà nước được bảo đảm và tăng cường.*

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước. Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách, pháp luật và bằng cả sức mạnh vật chất của lực lượng kinh tế nhà nước; đồng thời sử dụng cơ chế thị trường, áp dụng các hình thức kinh tế và phương pháp quản lý của kinh tế thị trường để kích thích sản xuất, giải phóng sức sản xuất, phát huy mặt tích cực, hạn chế và khắc phục mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo vệ lợi ích của nhân dân lao động, của toàn thể nhân dân.

Để thực hiện được tăng trưởng kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vai trò quản lý và điều tiết vĩ mô của Nhà nước là hết sức quan trọng. Do tác động của các quy luật giá trị, cạnh tranh, cung cầu, kinh tế thị trường có mặt mạnh cơ bản là luôn kích thích việc cải tiến kỹ thuật, hợp lý

hóa quy trình sản xuất kinh doanh. Nhưng vì bị chi phối bởi động cơ lợi nhuận, kinh tế thị trường không tránh khỏi các yếu tố tự phát vô chính phủ, dẫn đến suy thoái hoặc khủng hoảng kinh tế chu kỳ và nhất là không thể tự động dẫn đến công bằng xã hội. Do đó, Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải tận dụng mặt mạnh của cơ chế thị trường để giải phóng và phát triển sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phải kết hợp sử dụng các công cụ pháp luật, chính sách, quy hoạch, kế hoạch và sức mạnh vật chất của khu vực kinh tế nhà nước để khắc phục những thất bại của cơ chế thị trường nhằm thúc đẩy kinh tế tăng trưởng bền vững; đồng thời, phải bảo đảm công bằng xã hội, bảo vệ lợi ích chính đáng của mọi tầng lớp nhân dân.

*Thứ tư, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển.*

Tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển là vấn đề có tính nguyên tắc của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với phát triển văn hóa và giáo dục, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nâng cao dân trí, giáo dục và đào tạo, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực của đất nước.

Quan điểm tổng quát của Đảng về "*tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển*" thể hiện ở năm nội dung chủ yếu sau đây:

(1) *Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội có thể và cần phải làm tiền đề và điều kiện cho nhau.* Tăng trưởng kinh tế tạo ra điều kiện vật chất để thực hiện công bằng xã hội, ngược lại thực hiện tốt công bằng xã hội lại trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Không thể có một nền kinh tế tăng trưởng nhanh, có hiệu quả cao và bền vững trong một xã hội với đa số dân chúng thấp kém về trí tuệ, ốm yếu về thể chất và một bộ phận đáng kể lực lượng lao động thất nghiệp, nghèo đói, bị đẩy ra ngoài lề xã hội.

(2) *Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi tăng trưởng kinh tế đến đâu phải thực hiện ngay công bằng xã hội đến đấy.* Không thể chờ đợi đến khi kinh tế đạt đến trình độ phát triển cao mới thực hiện công bằng xã hội, càng không hy sinh công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Muốn vậy, mỗi chính sách kinh tế đều phải hướng tới bảo đảm công bằng xã hội; mỗi chính sách bảo đảm công bằng xã hội đều phải góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, dù trực tiếp hay gián tiếp, trước mắt hoặc lâu dài.

(3) Thực hiện công bằng xã hội trong nền kinh tế thị trường nhiều thành phần, đa sở hữu phải triệt để khắc phục những tàn dư của chế độ phân phôi bình quân, "cào bằng", chia đều các nguồn lực và của cải làm ra, bất chấp chất lượng, hiệu quả của sản xuất, kinh doanh và sự đóng góp công sức, trí tuệ, tài sản của mỗi người cho sự phát triển chung của đất nước. Càng không thể dồn phần lớn của cải làm ra để thực hiện các chính sách bảo đảm công bằng xã hội vượt quá khả năng mà nền kinh tế cho phép vì sẽ làm giảm những điều kiện cần thiết để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, khiến cho kinh tế trì trệ, suy thoái và rốt cuộc không thực hiện được các chính sách xã hội theo hướng công bằng. Do đó, trong mỗi bước đi, mỗi thời điểm cụ thể của quá trình phát triển phải tìm ra mức độ hợp lý giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội sao cho hai mặt này không cản trở, triệt tiêu lẫn nhau mà phải hỗ trợ cho nhau.

(4) Tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa không thể tách rời với phát triển văn hóa. Nhiệm vụ rất quan trọng đặt ra hiện nay là phải làm sao đưa các nhân tố văn hóa thẩm sâu vào mọi lĩnh vực hoạt động và quan hệ xã hội, tạo nên đời sống tinh thần cao đẹp, trình độ dân trí và nền khoa học phát triển, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đặc biệt, trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh phải tập

trung xây dựng và hình thành cho được một đội ngũ đồng đảo những nhà kinh doanh có văn hóa.

Văn kiện Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục khẳng định: “bảo đảm sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển xã hội bền vững; chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế gắn với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; bảo đảm tính công khai, minh bạch, tính dự báo được thể hiện trong xây dựng và thực thi chế độ kinh tế, tạo điều kiện ổn định, thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội”<sup>1</sup>.

(5) *Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo lao động, hiệu quả kinh tế, mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội.*

Vì sao trong điều kiện kinh tế thị trường chúng ta có thể thực hiện công bằng xã hội? Trước hết, vì quan niệm về công bằng xã hội đã thay đổi, từ nguyên tắc phân phối theo lao động sang nguyên tắc phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.104.

Nguyên tắc phân phối theo lao động chia giá trị của tổng sản phẩm xã hội thành hai phần: *phần thứ nhất* được dành để tái sản xuất, giải quyết các vấn đề xã hội chung và đóng góp vào quỹ phúc lợi xã hội, từ đó phân phối thông qua phúc lợi xã hội; *phần thứ hai* được phân phối cho các cá nhân theo mức cống hiến bằng sức lao động của họ cho xã hội (bao gồm cả cống hiến bằng sức lao động chân tay và cống hiến bằng sức lao động trí óc, cống hiến của người lao động quản lý và người lao động không tham gia quản lý, cống hiến trực tiếp và cống hiến gián tiếp cho quá trình sản xuất của xã hội, cống hiến của tất cả những người làm việc trong mọi lĩnh vực không thể thiếu của xã hội). Nguyên tắc phân phối theo lao động chỉ căn cứ vào sự cống hiến sức lao động, không dành phần nào để phân phối theo nguồn vốn.

Với nguyên tắc phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội thì giá trị của tổng sản phẩm xã hội sẽ được chia thành ba phần: *phần thứ nhất* được dành để tái sản xuất, giải quyết các vấn đề xã hội chung, đóng góp vào quỹ phúc lợi xã hội (từ đó phân phối thông qua phúc lợi xã hội); *phần thứ hai* được phân phối cho các cá nhân theo mức cống hiến bằng lao động của họ cho xã hội,

bao gồm cả lao động chân tay và lao động trí óc, của người lao động quản lý và người lao động không tham gia quản lý, của người lao động trực tiếp và của người lao động gián tiếp cho quá trình sản xuất của xã hội (tức là cống hiến của tất cả những người lao động làm việc trong mọi lĩnh vực không thể thiếu của xã hội); *phân thứ ba* được phân phối cho các cá nhân theo mức cống hiến vốn. Giả sử một người nào đó vừa có cống hiến vốn cho nền sản xuất của xã hội, vừa tham gia lao động (lao động quản lý hay lao động không quản lý, lao động chân tay hay lao động trí óc, lao động trực tiếp hay lao động gián tiếp) thì sẽ được hưởng ở cả ba phần nói trên. Nhưng trong trường hợp tham gia lao động mà không có cống hiến vốn cho nền sản xuất của xã hội thì người lao động chỉ được hưởng ở phần thứ nhất và phần thứ hai. Những người không có lao động và không có cống hiến vốn thì chỉ được hưởng ở phần thứ nhất. Trong ba phần trên, phần thứ nhất là rất quan trọng vì xã hội nào cũng phải tái sản xuất và giải quyết các vấn đề xã hội chung (như khắc phục thiên tai, dịch bệnh...), hơn nữa xã hội nào cũng có nhiều người không có sức lao động và không có vốn. Việc phân phối cho những người thuộc diện này là chính sách nhân đạo mà các nhà nước đều thực hiện (đương nhiên tỉ lệ dành để phân phối thông

qua phúc lợi nhiều hay ít phụ thuộc vào chính sách cụ thể của từng nhà nước).

Nguyên tắc phân phôi mà Đảng xác định cần được coi là nguyên tắc phân phôi công bằng vì các lý do sau: *Một là*, nguyên tắc phân phôi ấy đã tạo được sự phát triển về kinh tế; *Hai là*, nguyên tắc phân phôi ấy khuyến khích mọi người bỏ vốn cho sản xuất, từ đó thúc đẩy sự tăng trưởng nhanh chóng của nền kinh tế; *Ba là*, nguyên tắc phân phôi ấy phù hợp với sự lựa chọn của những người lao động. Nếu theo quan niệm phân phôi theo lao động mới là công bằng thì chúng ta phải quan niệm rằng bất kỳ thu nhập nào từ lãi suất tiền gửi tiết kiệm, từ lợi tức của cổ phần đều là không công bằng, vì thu nhập đó do người khác làm ra. Nhưng khi buộc phải vay tiền trả lãi với *một tỷ lệ hợp lý*, những người lao động thường coi việc trả lãi là bình thường, người cho vay được hưởng một lãi suất hợp lý không phải là người bóc lột, mình không bị đối xử bất công; *Bốn là*, nguyên tắc phân phôi ấy không gây ra sự mất đoàn kết và dẫn đến sự bất ổn định xã hội.

Một số người kỳ thị với kinh tế thị trường vì theo họ trong nền kinh tế thị trường không thể có công bằng xã hội. Chúng ta không kỳ thị với kinh tế thị trường vì theo chúng ta trong nền kinh tế thị trường, thậm chí kể cả trong điều kiện còn nghèo khó, vẫn có thể có công

bằng xã hội. Nguyên nhân của tình trạng bất công còn tồn tại hiện nay ở nước ta là ở chỗ chúng ta chưa xoá bỏ được nạn tham nhũng và sự bất hợp lý trong phân phôi của cải, chưa thực hiện đúng nguyên tắc phân phôi, chứ không phải là ở chỗ chúng ta thực hiện kinh tế thị trường. Nếu thực hiện đúng nguyên tắc phân phôi thì trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường, dù cho đời sống vật chất còn thiếu, chúng ta vẫn hoàn toàn có thể thực hiện được công bằng xã hội.

### III- PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN, HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

#### **1. Phương hướng**

- Xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ chiến lược, là khâu đột phá quan trọng, tạo động lực để phát triển nhanh và bền vững; đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

- Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội

chủ nghĩa phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước trong từng giai đoạn. Bảo đảm tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế. Gắn kết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là quá trình phát triển liên tục; kế thừa có chọn lọc thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại và kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn đổi mới ở nước ta; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời bảo đảm giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

- Hoàn thiện thể chế kinh tế đi đôi với hoàn thiện thể chế chính trị mà trọng tâm là đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy và cán bộ. Có bước đi phù hợp, vững chắc, vừa làm vừa tổng kết, rút kinh nghiệm để tiếp tục hoàn thiện. Xác định rõ và thực hiện đúng vị trí, vai trò, chức năng và mối quan hệ của Nhà nước, thị trường và xã hội phù hợp với kinh tế thị trường; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; tăng cường và giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng.

- Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ quan trọng, vừa cấp bách

vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị. Đổi mới phong cách, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

## **2. Mục tiêu**

Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tạo tiền đề vững chắc cho việc xây dựng thành công và vận hành đồng bộ, thông suốt nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; góp phần huy động và phân bổ, sử dụng có hiệu quả nhất mọi nguồn lực để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh và bền vững, vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

## **3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu**

### *a) Thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta*

- Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà nước ta xây dựng là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước; là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có

sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

- Tính hiện đại và hội nhập quốc tế của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta thể hiện ở chỗ kế thừa có chọn lọc những thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại, kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn hơn 30 năm đổi mới; có hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách và các yếu tố thị trường, các loại thị trường đầy đủ, đồng bộ, vận hành thông suốt, gắn kết chặt chẽ với các nền kinh tế trên thế giới; vai trò, chức năng của Nhà nước và thị trường được xác định và thực hiện phù hợp với thông lệ, nguyên tắc, chuẩn mực quốc tế phổ biến. Định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế được nhất quán xác lập và tăng cường thông qua sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, lấy con người làm trung tâm, vì mọi người và do con người; phát huy đầy đủ vai trò làm chủ của Nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển.

- Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Doanh

nghiệp nhà nước giữ vị trí then chốt và là một lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước. Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể cùng với kinh tế tư nhân là nòng cốt để phát triển một nền kinh tế độc lập, tự chủ. Các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác, cạnh tranh cùng phát triển theo pháp luật. Khuyến khích làm giàu hợp pháp. Thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

- Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế; tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các công cụ, chính sách và các nguồn lực của Nhà nước để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh và bảo vệ tài nguyên, môi trường; phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội. Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường.

b) Tiếp tục hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp

\* Hoàn thiện thể chế về sở hữu

- Thể chế hóa đầy đủ quyền sở hữu tài sản của

Nhà nước, tổ chức và cá nhân đã được quy định trong Hiến pháp năm 2013. Bảo đảm công khai, minh bạch về nghĩa vụ và trách nhiệm trong thủ tục hành chính nhà nước và dịch vụ công để quyền tài sản được giao dịch thông suốt; bảo đảm hiệu lực thực thi và bảo vệ có hiệu quả quyền sở hữu tài sản.

- Hoàn thiện pháp luật về đất đai, tài nguyên để huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, khắc phục tình trạng tranh chấp, khiếu kiện, tham nhũng, lãng phí trong lĩnh vực này. Công khai, minh bạch việc quản lý, sử dụng đất công; tăng cường giám sát, quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng đất giao cho các cộng đồng và doanh nghiệp nhà nước.

Tạo thuận lợi cho việc chuyển nhượng hoặc cho thuê quyền sử dụng đất, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất; hỗ trợ tích tụ, tập trung ruộng đất để phát triển nông nghiệp, dịch vụ ở nông thôn và nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, công nghệ cao, gắn với bảo đảm việc làm và thu nhập bền vững của nông dân, giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở nông thôn.

- Hoàn thiện pháp luật về quản lý, khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên. Nhà nước giao quyền khai thác tài nguyên cho các doanh nghiệp theo cơ chế thị trường.

- Hoàn thiện pháp luật về đầu tư vốn nhà nước, quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản công; phân biệt

rõ tài sản đưa vào kinh doanh và tài sản để thực hiện chính sách xã hội. Đầu tư vốn của Nhà nước vào doanh nghiệp theo cơ chế thị trường.

- Hoàn thiện thể chế về sở hữu trí tuệ theo hướng khuyến khích sáng tạo, bảo đảm tính minh bạch và độ tin cậy cao; quyền sở hữu trí tuệ được bảo vệ và thực thi hiệu quả.

- Hoàn thiện pháp luật về hợp đồng và giải quyết tranh chấp dân sự theo hướng thống nhất, đồng bộ. Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả các thiết chế giải quyết tranh chấp dân sự với các quy trình, thủ tục đơn giản, công khai, minh bạch. Hoàn thiện các quy định về đăng ký và giao dịch tài sản; phát triển hệ thống đăng ký minh bạch, liên thông, dễ tiếp cận, nhất là bất động sản.

\* *Hoàn thiện thể chế phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp*

- Thực hiện nhất quán một chế độ pháp lý kinh doanh cho các doanh nghiệp, không phân biệt hình thức sở hữu, thành phần kinh tế. Mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đều hoạt động theo cơ chế thị trường, bình đẳng và cạnh tranh lành mạnh theo pháp luật. Tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển doanh nghiệp và đội ngũ doanh nhân Việt Nam thật sự trở thành lực lượng nòng cốt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, bảo đảm tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế.

- Hoàn thiện pháp luật về đầu tư, kinh doanh, nhất là về đầu tư công, đầu thầu. Bảo đảm quyền tự do kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh của các chủ thể kinh tế đã được Hiến pháp quy định; xóa bỏ các rào cản đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính. Hoàn thiện các quy định liên quan để khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động khởi nghiệp.

- Hoàn thiện thể chế về cạnh tranh; tăng cường tính minh bạch về độc quyền nhà nước. Xóa bỏ các cơ chế can thiệp hành chính trực tiếp, bao cấp của Nhà nước đối với doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, đáp ứng các chuẩn mực quốc tế về quản trị doanh nghiệp; thực sự hoạt động theo cơ chế thị trường. Đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước trong nông nghiệp, lâm nghiệp nhằm phát huy hiệu quả sử dụng đất, rừng và các tài sản nhà nước đã đầu tư; bảo đảm lợi ích của Nhà nước và các bên đang nhận khoán đất đai, vườn cây lâu năm. Tăng cường quản lý, giám sát, kiểm tra đối với hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, không để thất thoát, lãng phí vốn, tài sản nhà nước.

- Hoàn thiện thể chế, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đầy đủ cho các đơn

vị sự nghiệp công lập về phạm vi hoạt động, tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự và tài chính gắn với cơ chế đánh giá độc lập. Thực hiện xã hội hóa tối đa các dịch vụ công, bảo đảm quyền bình đẳng giữa các đơn vị sự nghiệp công lập và các đơn vị ngoài công lập tham gia cung cấp dịch vụ công theo cơ chế thị trường.

- Nhà nước có cơ chế, chính sách hỗ trợ cho các hợp tác xã tiếp cận nguồn vốn, đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ phát triển thị trường. Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của kinh tế tập thể. Tăng cường các hình thức hợp tác, liên kết, hỗ trợ cho nông dân trong sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản; nhân rộng các mô hình tổ chức sản xuất mới, hiệu quả; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, kết nối với hệ thống tiêu thụ ở cả trong và ngoài nước; chuyển mạnh từ sản xuất theo hộ gia đình riêng lẻ sang mô hình sản xuất hợp tác, liên kết, tập trung, quy mô lớn.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư tư nhân và bảo đảm hoạt động của kinh tế tư nhân theo cơ chế thị trường. Trong đó, chú trọng thể chế hóa đầy đủ và bảo đảm thực hiện nghiêm minh quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản, các quyền, nghĩa vụ dân sự của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Có các cơ chế, chính sách khuyến khích thành lập doanh nghiệp tư nhân; thu hẹp những lĩnh vực kinh doanh có điều kiện, tạo điều kiện để kinh tế tư nhân đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh trong những ngành, lĩnh vực, địa bàn mà pháp luật không cấm, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

Khuyến khích, tạo điều kiện cho các hộ kinh doanh mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả hoạt động, tự nguyện liên kết hình thành các hình thức tổ chức hợp tác hoặc chuyển đổi sang hoạt động kinh doanh theo mô hình doanh nghiệp thông qua các chính sách như: Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và tiền sử dụng đất trong những năm đầu hoạt động; tư vấn, hướng dẫn thủ tục thành lập doanh nghiệp, xây dựng phương án sản xuất kinh doanh; tổ chức công tác tài chính, kế toán; cung cấp thông tin; hướng dẫn quản trị doanh nghiệp và tư vấn pháp luật.

Hoàn thiện và bảo đảm thực thi minh bạch, hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, phong trào khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tạo tiền đề hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân sở hữu hỗn hợp, bao gồm cả việc góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước có tiềm lực vững mạnh, đủ sức cạnh tranh, tham gia mạng sản xuất, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, điện tử, nông nghiệp.

Bảo đảm các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân phù hợp với cơ chế thị trường và thúc đẩy tính tự chủ, cạnh tranh của kinh tế tư nhân; không biến các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân thành bao cấp, phục vụ "lợi ích nhóm" dưới mọi hình thức. Không biến việc chấp thuận, xác nhận, chứng nhận đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn chuyên môn kỹ thuật thành giấy phép con, gây cản trở hoạt động của kinh tế tư nhân.

- Nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài; chủ động lựa chọn các dự án đầu tư nước ngoài có chuyển giao công nghệ tiên tiến và quản trị hiện đại, có cơ sở nghiên cứu và phát triển công nghệ tại Việt Nam, có cam kết liên kết, hỗ trợ doanh nghiệp trong nước tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, phù hợp với định hướng cơ cấu lại nền kinh tế và các chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế.

c) *Hoàn thiện thể chế, phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường*

\* *Hoàn thiện thể chế, phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường*

- Thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường; bảo đảm tính đúng, tính đủ và công khai, minh bạch các yếu tố hình thành giá hàng hóa, dịch vụ công thiết yếu. Không lồng ghép các chính sách xã hội trong giá hàng hóa, dịch vụ. Chuyển từ cơ chế cấp phát sang cơ chế đặt

hàng; từ hỗ trợ cho các đơn vị cung cấp dịch vụ sang hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng thụ hưởng. Hoàn thiện pháp luật về phí, lệ phí theo hướng chuyển sang áp dụng giá dịch vụ phù hợp với cơ chế thị trường. Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, phát huy đúng đắn, đầy đủ vai trò của người tiêu dùng, các hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Cải cách mạnh mẽ chính sách tài chính về đất đai theo hướng đơn giản, ổn định, công khai, minh bạch và công bằng. Nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật về thuế tài sản, nhất là về đất đai, bất động sản. Bảo đảm minh bạch thông tin về thị trường quyền sử dụng đất. Xác định giá trị quyền sử dụng đất theo cơ chế thị trường thông qua đấu giá, đấu thầu các dự án có sử dụng đất, thoả thuận mua bán trên thị trường; áp dụng phổ biến việc xác định giá trị quyền sử dụng đất thông qua các tổ chức thẩm định giá độc lập, chuyên nghiệp. Rà soát, điều chỉnh khung giá quyền sử dụng đất phù hợp với thị trường ở từng địa phương. Tăng cường áp dụng phương thức cho thuê đất.

- Thực hiện bình đẳng trong tiếp cận các yếu tố đầu vào của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Hoàn thiện và thực thi có hiệu quả các quy định của pháp luật về công khai, minh bạch trong tiếp cận các nguồn lực công, mua sắm và đầu tư công. Tăng cường tính minh bạch đối với độc quyền nhà nước; kiểm soát,

ngăn chặn, xóa bỏ độc quyền doanh nghiệp. Hoàn thiện thể chế phân bổ nguồn lực theo cơ chế thị trường vào những ngành, lĩnh vực và địa bàn đạt hiệu quả cao, có tác động lan tỏa. Hoàn thiện pháp luật về phá sản doanh nghiệp theo cơ chế thị trường, thể chế bảo vệ nhà đầu tư, quyền sở hữu và quyền tài sản; không hình sự hóa các mối quan hệ kinh tế và dân sự.

\* *Hoàn thiện thể chế để phát triển đồng bộ, vận hành thông suốt các thị trường*

- Đẩy mạnh phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ, gồm cả thị trường xuất, nhập khẩu, thị trường trong nước và biên mậu; phát triển hạ tầng thương mại. Thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế. Phát triển mạnh các phương thức giao dịch thị trường hiện đại. Xây dựng và thực hiện các tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm và môi trường phù hợp với yêu cầu trong nước và cam kết quốc tế, bảo vệ hợp lý thị trường trong nước, không để bị nước ngoài thâu tóm, thao túng. Hoàn thiện pháp luật về phát triển những thị trường mới, nhất là thị trường các dịch vụ có hàm lượng tri thức, công nghệ cao; thị trường công nghiệp môi trường, công nghiệp văn hóa...

- Phát triển cân bằng, đồng bộ thị trường tài chính. Thực hiện có hiệu quả chủ trương cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công. Đẩy mạnh hợp tác công - tư. Nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường chứng

khoán, thị trường trái phiếu; hình thành và đưa vào hoạt động có hiệu quả thị trường mua bán nợ. Phát triển thị trường bảo hiểm, thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán, tư vấn thuế, thẩm định giá...

- Rà soát, bổ sung, sửa đổi luật pháp bảo đảm thực hiện chính sách tiền tệ theo mục tiêu kiểm soát lạm phát, phối hợp có hiệu quả giữa chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và các chính sách khác. Điều hành lãi suất phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, lạm phát và thị trường tiền tệ. Điều hành tỷ giá linh hoạt theo tín hiệu thị trường. Tăng tính độc lập của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong điều hành chính sách tiền tệ. Hoàn thiện pháp luật về cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu. Nâng cao năng lực tài chính, quản trị, điều hành phù hợp với chuẩn mực quốc tế; xử lý dứt điểm các tổ chức tín dụng yếu kém và tình trạng đầu tư chéo, sở hữu chéo trong lĩnh vực ngân hàng; phát triển nhanh và an toàn dịch vụ tài chính, ngân hàng.

- Đổi mới, phát triển mạnh mẽ và đồng bộ thị trường khoa học - công nghệ. Tăng cường bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Có chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất kinh doanh; xác định doanh nghiệp là lực lượng quan trọng trong phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ;

tập trung nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp. Hoàn thiện chính sách nhập khẩu công nghệ; đẩy mạnh đầu tư nghiên cứu ứng dụng, nâng cao trình độ thiết kế, chế tạo trong nước.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ cơ chế quản lý tài chính, tổ chức và hoạt động khoa học - công nghệ. Nghiên cứu, đổi mới phương thức sử dụng ngân sách nhà nước đầu tư cho khoa học - công nghệ. Hoàn thiện quy định về đầu tư mạo hiểm, nâng cao chất lượng hoạt động của các vườn ươm công nghệ và doanh nghiệp công nghệ cao. Thực hiện cơ chế hợp tác công - tư trong việc triển khai các dự án đổi mới công nghệ, sáng tạo, nghiên cứu và phát triển. Tiếp tục phát triển mạnh các khu công nghiệp, khu công nghệ cao. Hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về công nghệ, chuyên gia công nghệ. Phát triển các dịch vụ tư vấn, thẩm định, môi giới, định giá sản phẩm khoa học và công nghệ.

- Hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách để phát triển và vận hành thông suốt thị trường bất động sản. Xây dựng thể chế và các mô hình phù hợp để gắn kết quá trình công nghiệp hóa với đô thị hóa và xây dựng nông thôn mới. Xây dựng chính sách xã hội về nhà ở.

Tập trung xây dựng, hoàn thiện pháp luật về phát triển thị trường sơ cấp, thứ cấp quyền sử dụng đất, kể cả đất nông nghiệp; bảo đảm thị trường quyền sử dụng đất hoạt động công khai, minh bạch và có trật tự. Phát triển

và nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường cho thuê đất nông nghiệp. Nghiên cứu hoàn thiện pháp luật về thuế sử dụng tài sản, nhất là về sử dụng đất đai.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển đồng bộ, liên thông thị trường lao động cả về quy mô, chất lượng lao động và cơ cấu ngành nghề. Có cơ chế, chính sách để định hướng dịch chuyển lao động, phân bố hợp lý lao động theo vùng; lao động di cư và gia đình được tiếp cận bình đẳng các dịch vụ xã hội.

Nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống tổ chức dịch vụ tư vấn việc làm theo quy định của pháp luật. Minh bạch thông tin thị trường lao động. Đẩy mạnh đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, nhất là bậc đại học và dạy nghề. Hoàn thiện các thiết chế hòa giải, trọng tài trong giải quyết tranh chấp lao động.

- Đẩy mạnh cải cách chế độ tiền lương, giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng năng suất lao động và tăng tiền lương, lấy tăng năng suất lao động làm cơ sở để tăng tiền lương. Tiếp tục hoàn thiện chính sách tiền lương, tiền công, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động; hình thành cơ chế tiền lương theo nguyên tắc thị trường; bảo đảm hài hoà lợi ích của người lao động và người sử dụng lao động. Phát huy vai trò của tổ chức công đoàn ở doanh nghiệp, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

*d) Hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với bảo đảm phát triển bền vững, tiến bộ và công bằng xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu*

- Tích cực thực hiện Chương trình nghị sự 2030 về phát triển bền vững của Liên hợp quốc; triển khai chiến lược tăng trưởng xanh. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế nhanh và bền vững với phát triển xã hội bền vững, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, tạo cơ hội cho mọi thành viên trong xã hội tham gia bình đẳng và thụ hưởng công bằng thành quả từ quá trình phát triển. Phát triển hệ thống an sinh xã hội đa dạng, đa tầng, thống nhất; huy động sự tham gia của các tầng lớp nhân dân, cộng đồng xã hội; khuyến khích người dân tự nguyện tham gia bảo đảm an sinh xã hội. Tập trung nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững.

- Hoàn thiện pháp luật để tăng cường hiệu lực, hiệu quả cơ chế giám sát, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Đẩy mạnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Phát triển y tế, bảo vệ sức khoẻ nhân dân. Phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện.

- Hoàn thiện thể chế về kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Có cơ chế huy động các nguồn lực xã hội tham gia phát triển kinh tế các vùng biên giới trên đất liền, trên biển và hải đảo; phát triển các khu kinh tế - quốc phòng. Phát triển mạnh các ngành kinh tế biển gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo. Có cơ chế, chính sách đặc thù đối với doanh nghiệp quốc phòng, an ninh, gắn kết chặt chẽ giữa công nghiệp quốc phòng, an ninh với công nghiệp dân sinh trong tổng thể chính sách công nghiệp quốc gia.

- Xây dựng thể chế liên kết vùng, hoàn thiện quy hoạch phát triển kinh tế vùng trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh của từng địa phương; ưu tiên phát triển các vùng kinh tế động lực, đồng thời có chính sách hỗ trợ các vùng còn nhiều khó khăn; xây dựng một số đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt với thể chế vượt trội để tạo cực tăng trưởng và thử nghiệm đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy thuộc hệ thống chính trị. Sớm xây dựng mô hình điều phối liên kết vùng, xác định rõ địa phương đầu tàu và nhiệm vụ của từng địa phương trong vùng.

*d) Hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế*

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về hội nhập kinh tế quốc tế, giữ

vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung hệ thống pháp luật và các thiết chế, cơ chế liên quan đáp ứng yêu cầu thực hiện các cam kết quốc tế. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế phối hợp điều hành giữa các bộ, ngành, địa phương trong thực thi các cam kết hội nhập và tiếp cận thị trường. Đổi mới công tác xúc tiến thương mại và đầu tư, cung cấp thông tin, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu. Nâng cao năng lực phòng ngừa, giải quyết tranh chấp thương mại, đầu tư quốc tế.

- Thực hiện nhất quán chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa trong hợp tác kinh tế quốc tế, không để lệ thuộc vào một số ít thị trường. Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tiềm lực của các doanh nghiệp trong nước. Xây dựng và thực hiện các cơ chế phù hợp với thông lệ quốc tế để phản ứng nhanh nhạy trước các diễn biến bất lợi trên thị trường thế giới, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

e) *Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, vai trò xây dựng và thực hiện thể chế kinh tế của Nhà nước; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*

\* *Đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng về kinh tế - xã hội*

- Nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của Đảng. Tăng cường lãnh đạo việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế - xã hội. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận và xây dựng, ban hành nghị quyết của Đảng về kinh tế - xã hội. Đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của Đảng, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao hiệu quả hoạt động của cả hệ thống chính trị.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong Đảng và trong xã hội đối với các chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Đổi mới phương thức đánh giá, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ và lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện của đội ngũ cán bộ hoạt động trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh đẩy lùi tham nhũng, suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết; kịp thời phát hiện và giải quyết đúng đắn những vấn đề lớn, quan trọng, phức tạp về kinh tế - xã hội của đất nước.

*\* Nâng cao năng lực xây dựng và thực hiện thể chế của Nhà nước*

- Nhà nước tập trung thể chế hóa nghị quyết của Đảng, xây dựng và tổ chức thực hiện pháp luật; tăng cường sự phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp và cơ quan tư pháp; bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô; khắc phục mặt trái của thị trường; đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

- Đổi mới phương thức quản lý nhà nước về kinh tế; thực hiện đúng đắn và đầy đủ chức năng của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường. Điều hành nền kinh tế không chỉ bảo đảm mục tiêu ngắn hạn mà còn hướng tới thực hiện các mục tiêu trung và dài hạn. Nâng cao năng lực phân tích, dự báo, nhất là dự báo chiến lược. Đổi mới căn bản và toàn diện công tác xây dựng và thực hiện các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công và tài chính công theo cơ chế thị trường, khắc phục tình trạng "xin - cho", chủ quan, duy ý chí. Đổi mới công tác thống kê phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán và thực thi pháp luật.

- Nghiên cứu, rà soát, đổi mới việc xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật. Nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính minh

bạch, tính nhất quán, ổn định và dự đoán được của pháp luật.

- Rà soát, cơ cấu lại bộ máy nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Hoàn thiện thể chế về chính quyền địa phương và quan hệ giữa Chính phủ với chính quyền địa phương. Đổi mới tiêu chí và cách thức đánh giá kết quả hoạt động của chính quyền các cấp phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hoàn thiện quy định về phân cấp; bổ sung quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan Trung ương và địa phương về phát triển kinh tế - xã hội.

- Đẩy mạnh cải cách tư pháp. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả của các thiết chế giải quyết tranh chấp dân sự, kinh doanh, thương mại, trọng tâm là các hoạt động hòa giải, trọng tài thương mại và tòa án nhân dân các cấp, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người dân và doanh nghiệp. Xử lý nghiêm minh các vi phạm pháp luật về kinh tế. Tăng cường tính độc lập của hệ thống tư pháp các cấp trong xét xử, thi hành án dân sự, kinh tế. Bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển sản xuất, kinh doanh.

\* *Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, sự tham gia, vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp*

- Thể chế hóa các quy định của Hiến pháp về quyền

con người, quyền công dân, quyền và nghĩa vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp. Bảo đảm mọi người đều được bình đẳng trong tiếp cận các cơ hội và điều kiện phát triển, được tham gia và hưởng lợi từ quá trình phát triển.

- Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Mở rộng thu thập ý kiến đánh giá từ doanh nghiệp và người dân đối với quá trình triển khai thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức xã hội - nghề nghiệp tham gia vào các chương trình, dự án hỗ trợ doanh nghiệp của Chính phủ, thúc đẩy các hình thức liên kết doanh nghiệp, cung cấp các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp thâm nhập, phát triển thị trường.

## Bài 4

# VỀ ĐẢNG CẦM QUYỀN VÀ XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH TRONG ĐIỀU KIỆN MỚI

## I- MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐẢNG CẦM QUYỀN

### 1. Khái luận về đảng cầm quyền

“Đảng cầm quyền” là khái niệm dùng trong khoa học chính trị, chỉ một đảng chính trị đại diện cho một giai cấp đang nắm giữ và lãnh đạo chính quyền để điều hành, quản lý đất nước nhằm trước hết phục vụ lợi ích của giai cấp mình.

Khái niệm về đảng cầm quyền đã được V.I. Lê nin đề cập từ sớm. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng sử dụng thuật ngữ này để nói về vai trò cầm quyền của Đảng như: Đảng giành được chính quyền, Đảng nắm chính quyền, Đảng lãnh đạo chính quyền, Đảng cầm quyền. Trong *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Đảng ta là một đảng cầm quyền”<sup>1</sup>. Điều lệ Đảng Cộng sản

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.611.

Việt Nam cũng ghi rõ: “Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền”.

Nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng khi chưa giành được chính quyền và khi đã giành được chính quyền rất khác nhau:

+ Khi chưa có chính quyền, phương thức lãnh đạo của Đảng chủ yếu là các tổ chức đảng và đảng viên trực tiếp tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng đến các hội, đoàn thể, quần chúng “cốt cán”, thậm chí đến từng người dân, từ đó tổ chức nhân dân thực hiện. Lúc này, quan hệ của Đảng với Nhân dân là quan hệ máu thịt; mọi sự xa rời Nhân dân đều dẫn đến tổn thất cho cách mạng, cho sinh mệnh của tổ chức đảng và đảng viên. Trong điều kiện chưa có chính quyền, trong Đảng không có điều kiện để phát sinh tệ quan liêu, ức hiếp quần chúng.

+ Khi Đảng đã có chính quyền thì chính quyền là công cụ mạnh mẽ, sắc bén nhất để đưa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng vào cuộc sống, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với toàn xã hội. Lúc này, ngoài việc tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục Nhân dân, Đảng lãnh đạo chính quyền (Nhà nước) thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành Hiến pháp, pháp luật, kế hoạch và tổ chức thực hiện. Lúc này, Đảng cầm quyền là Đảng lãnh đạo chính quyền và thông qua

chính quyền để Nhân dân làm chủ đất nước, làm chủ xã hội.

## **2. Những thuận lợi và nguy cơ đối với một đảng duy nhất cầm quyền**

Là đảng duy nhất cầm quyền, Đảng Cộng sản Việt Nam có nhiều thuận lợi cơ bản, nhưng cũng tiềm ẩn những nguy cơ bên trong rất nguy hiểm. Cụ thể là:

### *a) Về thuận lợi*

- Đảng không có các đảng phái chính trị đối lập, do đó Đảng không có sự cạnh tranh về vai trò lãnh đạo đối với đất nước và xã hội.

- Đảng hoạt động một cách công khai, hợp pháp, hợp hiến; vai trò lãnh đạo của Đảng được quy định tại Điều 4, Hiến pháp năm 2013.

- Đảng có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nhà nước của dân, do dân và vì dân; có Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội hoạt động dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng.

- Bằng hoạt động thực tiễn gần 90 năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam được Nhân dân thừa nhận là lực lượng tổ chức, lãnh đạo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam; Đảng được Nhân dân tin tưởng, bảo vệ.

- Đảng Cộng sản Việt Nam ngày càng mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền khác trên thế giới; có sự

đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của Nhân dân yêu chuộng hoà bình, tiến bộ trên thế giới.

b) *Về nguy cơ*

Sau khi giành được chính quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm cảnh báo hai nguy cơ đối với Đảng ta là nguy cơ sai lầm về đường lối và nguy cơ suy thoái, biến chất của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng (tháng 01/1994) đã bổ sung và xác định *bốn nguy cơ* là:

(1) Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, do điểm xuất phát thấp;

(2) Nguy cơ sai lầm về đường lối, đi chệch định hướng xã hội chủ nghĩa;

(3) Nguy cơ tham nhũng và tệ quan liêu, lãng phí;

(4) Nguy cơ “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch, phản động.

Trong bốn nguy cơ nêu trên thì có *hai nguy cơ bên trong* rất nguy hiểm, có thể làm mất vai trò lãnh đạo của Đảng bất cứ lúc nào, đó là:

+ *Nguy cơ sai lầm về đường lối, đi chệch định hướng xã hội chủ nghĩa*. Đây là nguy cơ có thể xảy ra bất cứ lúc nào, nhất là khi có những biến động lớn ở trong nước hoặc trên thế giới và trước những bước ngoặt của cách mạng. Tuy nhiên, việc sai lầm về đường lối chỉ có thể diễn ra ở cấp lãnh đạo cao nhất của Đảng, bởi đây

là cấp hoạch định ra chủ trương, đường lối. Vì vậy, việc xây dựng một tập thể lãnh đạo cấp cao của Đảng đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng trong mỗi thời kỳ là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng.

+ *Nguy cơ về sự suy thoái, biến chất của đội ngũ cán bộ, đảng viên và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí*. Khi Đảng đã trở thành đảng cầm quyền, một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên trở thành những cán bộ có chức, có quyền trong hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở. Đây là điều kiện dễ làm cho cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, chạy theo chức, quyền, danh, lợi, dẫn đến phai nhạt lý tưởng, xa rời Nhân dân, tham nhũng, lãng phí. Trong điều kiện mới hiện nay, nguy cơ suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ ngày càng tinh vi, phức tạp, nếu không kịp thời đấu tranh, khắc phục sẽ dẫn đến sự suy vong của Đảng.

Như vậy, bốn nguy cơ Đảng chỉ ra đến nay vẫn còn nguyên giá trị, tính thời sự, không chỉ là nguy cơ mà còn là thách thức trong thực tế và ngày càng trở nên bức thiết đối với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay.

### **3. Vấn đề năng lực lãnh đạo của đảng cầm quyền**

Khi trở thành đảng cầm quyền lãnh đạo đất nước, đảng cầm quyền phải đề ra chủ trương, đường lối và

lãnh đạo thực hiện để xây dựng, phát triển đất nước. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Đảng đề ra chính là thước đo để đánh giá năng lực lãnh đạo và vai trò cầm quyền của Đảng đó.

Năng lực lãnh đạo của Đảng cầm quyền thể hiện tập trung trên năm nội dung chủ yếu sau:

(1) Năng lực nhận thức quy luật khách quan và vận dụng sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn của đất nước để đề ra chủ trương, đường lối cách mạng đúng đắn. Đồng thời, phải có năng lực tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, làm sáng tỏ những vấn đề mới nảy sinh, tạo sự thống nhất nhận thức trong toàn Đảng.

(2) Năng lực thể chế hóa, cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng thành Hiến pháp, pháp luật, các chính sách, chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ và giải pháp để phát triển đất nước, phản ánh ý chí, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân.

(3) Năng lực tổ chức, lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị để thực hiện thắng lợi các chủ trương, đường lối, chính sách, mục tiêu, nhiệm vụ mà Đảng đã đề ra. Đây thực chất là năng lực lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đảng phải xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh; bộ máy gọn nhẹ, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

(4) Năng lực kiểm tra, giám sát hoạt động của hệ thống chính trị; kịp thời phát hiện và xử lý đúng đắn, có hiệu quả những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn;

(5) Năng lực phát hiện, đấu tranh khắc phục sự suy thoái, biến chất và tiêu cực ở trong Đảng, trong xã hội; sự chống phá của các thế lực phản động, thù địch.

Để nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng cầm quyền, Đảng phải đồng thời nâng cao cả năm năng lực nêu trên, trong đó, việc *nâng cao năng lực hoạch định chiến lược, để ra đường lối chính trị đúng đắn và xây dựng Nhà nước pháp quyền vững mạnh, Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân* là quan trọng nhất.

Trong quá trình lãnh đạo, Đảng ta luôn quán triệt các quan điểm lớn sau đây:

- Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và vận dụng sáng tạo, phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tiễn của cách mạng Việt Nam; phản ánh được ý chí và tâm tư, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân.

- Không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ của toàn Đảng, trước hết là đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các cấp; không hoang mang, dao động trong bất cứ tình huống nào, kể cả những lúc khó khăn, phức tạp nhất của tình hình thế giới.

- Kiên trì thực hiện đường lối đổi mới, kiên quyết đấu tranh chống đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập và các khuynh hướng giáo điều, bảo thủ, trì trệ hoặc chủ quan, nóng vội, đổi mới vô nguyên tắc. Phải đổi mới toàn diện nhưng cần có lộ trình và bước đi thích hợp; phải trên cơ sở đổi mới về kinh tế mà từng bước đổi mới hệ thống chính trị cho phù hợp.

- Trong quá trình xây dựng, hoạch định đường lối, Đảng phải quán triệt và thực hiện đồng bộ, chặt chẽ các nhiệm vụ lớn của cách mạng trong thời kỳ mới là: Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội.

- Là đảng duy nhất cầm quyền, Đảng lãnh đạo xã hội thông qua Nhà nước. Đảng phải xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân, trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, huy động sức mạnh tổng hợp để thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng đề ra.

#### **4. Bản chất, nội dung và phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay**

##### *a) Bản chất, vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam*

Sự ra đời, tồn tại và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam phù hợp với quy luật phát triển của xã hội.

Đảng không có mục đích tự thân, ngoài lợi ích chung của giai cấp công nhân, nhân dân lao động, lợi ích của toàn dân tộc Việt Nam.

Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng, điều này đã được thực tế lịch sử chứng minh. Trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới, không có một tổ chức chính trị nào có thể làm được việc đó. Mọi mưu toan nhằm hạ thấp hoặc nhầm xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đều là sự xuyên tạc thực tế lịch sử, trái với đạo lý và đi ngược lại xu thế phát triển của xã hội Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân, đội tiên phong của giai cấp công nhân, mang bản chất giai cấp công nhân.

Bản chất giai cấp công nhân của Đảng dựa trên cơ sở súy mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam. Tuy số lượng ít so với dân số nhưng giai cấp công nhân có đầy đủ phẩm chất và năng lực lãnh đạo đất nước thực hiện những mục tiêu của cách mạng. Các giai cấp, tầng lớp khác chịu sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, trở thành đồng minh của giai cấp công nhân. Nội dung quy định bản chất giai cấp công nhân không phải chỉ là số lượng đảng viên xuất thân từ công nhân mà chủ yếu là ở nền tảng lý luận và tư tưởng của Đảng. Đại hội VII của Đảng xác định: Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim

chỉ nam cho hành động<sup>1</sup>. Mục tiêu của Đảng là chủ nghĩa cộng sản. Đảng tuân thủ một cách nghiêm túc, chặt chẽ những nguyên tắc xây dựng đảng kiểu mới của giai cấp vô sản.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam. Quyền lợi cơ bản của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên Đảng cũng là của dân tộc Việt Nam.

Quan niệm Đảng không những là Đảng của giai cấp công nhân mà còn là Đảng của nhân dân lao động và của toàn dân tộc có ý nghĩa lớn đối với cách mạng Việt Nam. Trong mọi giai đoạn cách mạng, Đảng luôn luôn đại diện cho lợi ích của toàn dân tộc, được Nhân dân Việt Nam coi là Đảng của chính mình. Trong thành phần của Đảng, ngoài công nhân, còn có những người ưu tú trong giai cấp nông dân, trí thức và các thành phần xã hội khác. Đảng luôn luôn gắn bó mật thiết với giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc.

*b) Nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam*

Nội dung lãnh đạo của Đảng bao gồm toàn bộ các vấn đề của đất nước, trong từng lĩnh vực cụ thể, từ chính trị,

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.54, tr.127.

kinh tế đến văn hóa, xã hội ở các cấp, các ngành; trong các mối quan hệ với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và toàn thể xã hội.

Sự lãnh đạo của Đảng biểu hiện tập trung nhất là lãnh đạo về chính trị và tư tưởng, nhằm mục tiêu tạo ra một khuôn khổ chính trị để Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân thực hiện đúng nhiệm vụ, thẩm quyền, chức năng và vai trò của mình theo quy định của pháp luật, theo điều lệ, mục đích, tôn chỉ của mỗi tổ chức.

Nội dung lãnh đạo của Đảng được thể hiện trong nội dung của Cương lĩnh chính trị, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, bảo đảm tính định hướng chính trị cho sự phát triển đất nước, tạo cơ sở cho tổ chức và hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị và toàn bộ xã hội hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Phương thức lãnh đạo của Đảng được xác định trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011):

- Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn.

- Đảng lãnh đạo bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên.

- Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có

đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị.

- Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu<sup>1</sup>.

Và phương thức lãnh đạo của Đảng có sự thay đổi phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng, với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là yêu cầu có tính khách quan, một nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng Đảng và nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng. Yêu cầu khách quan này luôn được Đảng ta quán triệt và nhấn mạnh trong các văn kiện của Đảng.

## II- XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG TRONG ĐIỀU KIỆN MỚI

### 1. Tình hình mới tác động đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Hiện nay, sự nghiệp cách mạng của Nhân dân Việt Nam đang diễn ra trong bối cảnh thế giới có nhiều

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr. 88.

biến động; vừa có những thuận lợi và thời cơ, vừa có những khó khăn và thách thức gay gắt đan xen, tác động và ảnh hưởng đến công tác xây dựng Đảng và vai trò lãnh đạo của Đảng cũng như sự nghiệp cách mạng của đất nước. Cụ thể là:

a) *Tình hình thế giới và khu vực*

- Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn nhưng có nhiều diễn biến phức tạp mới, tiềm ẩn nhiều bất trắc khó lường. Những biểu hiện của chủ nghĩa đơn phương, chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền áp đặt, chủ nghĩa thực dụng ngày càng nổi lên trong quan hệ quốc tế; những căng thẳng, xung đột tôn giáo, sắc tộc, ly khai và chiến tranh cục bộ, can thiệp, lật đổ, khủng bố đang diễn ra gay gắt. Những vấn đề mang tính toàn cầu, thách thức an ninh phi truyền thống như: an ninh tài chính, tiền tệ; an ninh năng lượng, môi trường; biến đổi khí hậu toàn cầu, nước biển dâng... diễn biến phức tạp.

- Cục diện thế giới đa cực ngày càng rõ hơn, xu thế dân chủ hóa trong quan hệ quốc tế tiếp tục phát triển nhưng các nước lớn vẫn chi phối các quan hệ quốc tế. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cùng với sự phát triển của internet, các mạng xã hội toàn cầu, trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật... phát triển mạnh mẽ đang đặt ra nhiều vấn đề mới.

- Tự do hóa thương mại là một yêu cầu tất yếu trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng mạnh mẽ, sâu rộng trên mọi phương diện. Các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới ký kết ngày càng nhiều, với mức độ tự do hóa ngày càng sâu, rộng, dỡ bỏ gần 100% hàng rào thuế quan, tạo sự chuyển dịch sản xuất, dịch vụ và con người giữa các quốc gia ở mức độ cao nhất. Song song với việc dỡ bỏ phần lớn hàng rào thuế quan, các nước tăng cường bảo hộ hàng hóa sản xuất trong nước bằng các hàng rào kỹ thuật, phi thuế quan.

- Khu vực châu Á - Thái Bình Dương cũng có những biến động thuận và nghịch chiều. Việc các nước lớn đều có những điều chỉnh chiến lược đối ngoại, trong đó có chính sách đối với châu Á - Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đã và đang tác động nhiều mặt đối với khu vực. Sự quan tâm, chú ý và tăng cường hiện diện, trong đó có hiện diện quân sự của các nước lớn ở châu Á - Thái Bình Dương làm gia tăng cạnh tranh nước lớn ở khu vực. Một số “điểm nóng” có diễn biến phức tạp hơn, như tình hình trên bán đảo Triều Tiên, tình hình Biển Đông...

- Một số nước thành viên ASEAN gặp những vấn đề nội bộ, như: mâu thuẫn, xung đột tôn giáo, sắc tộc, ly khai, hoặc tập trung hơn vào nội trị. Vì thế vai trò trung tâm của ASEAN đứng trước nhiều thách thức,

đặc biệt là trong việc dẫn dắt các diễn đàn khu vực và trong việc xử lý các vấn đề của khu vực.

Tập hợp lực lượng ở khu vực cũng có những diễn biến, xu hướng mới đáng chú ý, chủ yếu xoay quanh điều chỉnh quan hệ với các nước lớn, nhất là với Trung Quốc và Mỹ. Quan sát thực tế có thể thấy, hiện nay ở châu Á - Thái Bình Dương đang diễn ra ba xu hướng: 1) Thúc đẩy quan hệ hợp tác với Trung Quốc để tranh thủ lợi ích kinh tế; 2) Vừa cố gắng thúc đẩy quan hệ với Mỹ, vừa thúc đẩy quan hệ với Trung Quốc để duy trì sự cân bằng; 3) Tập hợp lực lượng mới gồm các nước vừa và nhỏ trong khu vực để đề phòng Mỹ rút khỏi khu vực, để lại “khoảng trống quyền lực” tại nơi này. Các xu hướng này đan xen lẫn nhau, thể hiện trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, an ninh, cả song phương và đa phương. Nhìn chung, do cạnh tranh nước lớn rất phức tạp, nên diễn biến ở khu vực cũng rất khó lường. Cấu trúc an ninh khu vực đang định hình vốn đã chồng chéo nay càng phức tạp hơn.

*b) Tình hình trong nước*

- Những thành tựu và kinh nghiệm đạt được trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước của Nhân dân Việt Nam những năm qua đã tạo nên thế và lực mới, làm tăng thêm sức mạnh tổng hợp của đất nước. Tuy nhiên, sự nghiệp cách mạng của Nhân dân Việt Nam

đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức lớn đan xen, không thể coi thường bất cứ thách thức nào.

- Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng duy nhất cầm quyền. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, bên cạnh những ưu điểm, thành tựu và kinh nghiệm đạt được, bản thân Đảng cũng còn nhiều khuyết điểm, yếu kém, nhất là sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cấp cao, làm ảnh hưởng đến vai trò lãnh đạo, uy tín của Đảng, suy giảm niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ.

- Hiện nay, công cuộc đổi mới đất nước đi vào chiều sâu và diễn ra trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đang được đẩy mạnh trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Tình hình kinh tế - xã hội trong nước có những dấu hiệu tích cực, nhưng vẫn có nhiều khó khăn, thách thức.

- Các thế lực thù địch, phản động tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước và sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trong bối cảnh phức tạp và biến động của tình hình thế giới, trước những yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng to lớn, nặng nề của sự nghiệp cách mạng hiện nay, Đảng

càng phải tăng cường đoàn kết, xây dựng, chỉnh đốn Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, hoàn thành sứ mệnh lịch sử vẻ vang mà Nhân dân giao phó trong điều kiện mới.

## **2. Kết quả đạt được và hạn chế trong công tác xây dựng Đảng**

### *a) Kết quả*

*Một là*, trong quá trình xây dựng và trưởng thành, Đảng ta luôn giữ vững bản lĩnh chính trị, bản chất cách mạng và khoa học, kiên định đường lối đổi mới và không ngừng lớn mạnh. Từng bước nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận, công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học, xây dựng lý luận. Dân chủ trong Đảng được mở rộng, kỷ cương, kỷ luật được tăng cường; các nguyên tắc tổ chức của Đảng tiếp tục được cụ thể hóa, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch hơn.

*Hai là*, công tác bảo vệ chính trị nội bộ được các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện và đạt nhiều kết quả, góp phần xây dựng, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo đảm an ninh chính trị. Kết quả rà soát thẩm tra, xác minh và thẩm định tiêu chuẩn chính trị của cán bộ, đảng viên đã góp phần giúp cấp ủy các cấp kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ; cơ bản lựa chọn được đội ngũ cán bộ đáp ứng được những yêu cầu nhiệm

vụ trong giai đoạn hiện nay, từ khâu tuyển chọn, sử dụng, quy hoạch đến đề bạt, bổ nhiệm. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng tiếp tục được coi trọng và tăng cường, có hiệu lực, hiệu quả hơn, góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng. Các cấp ủy đảng đã lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và đạt được kết quả tương đối toàn diện, tập trung vào những lĩnh vực, địa bàn nổi cộm, dễ phát sinh vi phạm.

*Ba* là, công tác xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng, việc phát triển và nâng cao chất lượng đảng viên đã được các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung chỉ đạo thực hiện, nhất là đối với những tổ chức cơ sở đảng yếu kém, có nhiều khó khăn, những địa bàn trọng yếu, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Đa số cán bộ, đảng viên có ý chí rèn luyện, chấp hành nghiêm các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

*Bốn* là, công tác bồi dưỡng, tạo nguồn và kết nạp đảng viên được các cấp ủy quan tâm, chỉ đạo. Đại hội XII đánh giá: "việc phát triển và nâng cao chất lượng đảng viên đã được các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung chỉ đạo thực hiện... Số đảng viên mới kết nạp là đoàn viên thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, nữ, trí thức, học sinh, sinh viên, dân tộc thiểu số, người theo tôn giáo, người lao động trong các thành phần kinh tế và

chủ doanh nghiệp tăng hơn so với khóa trước. Tuổi bình quân kết nạp đảng trong nhiệm kỳ này trẻ hơn so với trước"<sup>1</sup>.

Những kết quả trên đã củng cố, xây dựng Đảng ta vững mạnh, lãnh đạo đất nước vượt qua nhiều khó khăn, thách thức và đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, góp phần thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; giữ vững ổn định chính trị, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, nâng cao vị thế của Đảng, Nhà nước ta trên trường quốc tế<sup>2</sup>, củng cố niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

*b) Hạn chế, khuyết điểm*

- Nhìn chung, công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức còn những hạn chế, khuyết điểm; việc tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng có lúc, có nơi chưa kịp thời, đồng bộ, thiếu hiệu quả, chậm đi vào cuộc sống. Chưa làm tốt công tác kiểm tra, giám

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr. 187-188.

2. Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 187 nước, quan hệ kinh tế thương mại với 220 nước và vùng lãnh thổ, ký 12 Hiệp định thương mại tự do (FTA) đa phương và song phương. Đại hội XII của Đảng đã nhận được 253 điện, thư chúc mừng của bạn bè quốc tế trên cả 5 châu lục.

sát, đòn đốc thực hiện; thực hiện nghị quyết hiệu quả thấp nhưng không rõ trách nhiệm; một số chủ trương, chính sách còn bất cập, nhưng chậm được sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh. Sự đồng bộ giữa xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng với tổ chức; giữa xây và chống; giữa phát huy dân chủ nội bộ và dựa vào dân, giữa ban hành chủ trương và thể chế hóa, tổ chức thực hiện, giám sát chưa thật sự có hiệu quả.

- Đội ngũ cán bộ đông nhưng chưa mạnh; tình trạng vừa thừa, vừa thiếu cán bộ xảy ra ở nhiều nơi; sự liên thông giữa các cấp, các ngành còn hạn chế. Tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số chưa đạt mục tiêu đề ra. Thiếu những cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi, nhà khoa học và chuyên gia đầu ngành trên nhiều lĩnh vực. Năng lực của đội ngũ cán bộ chưa đồng đều, có mặt còn hạn chế, yếu kém; nhiều cán bộ, trong đó có cả cán bộ cấp cao thiếu tính chuyên nghiệp, làm việc không đúng chuyên môn, sở trường; trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp và khả năng làm việc trong môi trường quốc tế còn nhiều hạn chế. Không ít cán bộ trẻ thiếu bản lĩnh, ngại rèn luyện. Một bộ phận không nhỏ cán bộ phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, làm việc hời hợt, ngại khó, ngại khổ, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Một số cán bộ lãnh đạo, quản lý, trong đó

có cả cán bộ cấp chiến lược, thiếu gương mẫu, uy tín thấp, năng lực, phẩm chất chưa ngang tầm nhiệm vụ, quan liêu, xa dân, cá nhân chủ nghĩa, vướng vào tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm. Không ít cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước thiếu tu dưỡng, rèn luyện, thiếu tính Đảng, lợi dụng sơ hở trong cơ chế, chính sách, pháp luật, cố ý làm trái, trực lợi, làm thất thoát vốn, tài sản của Nhà nước, gây hậu quả nghiêm trọng, bị xử lý kỷ luật đảng và xử lý theo pháp luật. Tình trạng chạy chức, chạy quyền, chạy tuổi, chạy quy hoạch, chạy luân chuyển, chạy bằng cấp, chạy khen thưởng, chạy danh hiệu, chạy tội..., trong đó có cả cán bộ cao cấp, chậtm được ngăn chặn, đẩy lùi.

- Công tác cán bộ còn hạn chế, bất cập, việc thực hiện một số nội dung còn hình thức. Đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu, chưa phản ánh đúng thực chất, chưa gắn với kết quả, sản phẩm cụ thể, còn trường hợp cảm tính, nể nang, dẽ dại hoặc định kiến. Quy hoạch cán bộ thiếu tính tổng thể, liên thông giữa các cấp, các ngành, các địa phương; còn dàn trải, khép kín, chưa bảo đảm phương châm "động" và "mở". Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chậtm đổi mới, chưa kết hợp chặt chẽ giữa lý luận với thực tiễn, chưa gắn với quy hoạch và theo chức danh. Luân chuyển cán bộ và thực hiện chủ trương bố trí một số chức danh không là người địa

phương, trong đó có bí thư cấp ủy các cấp còn bất cập, chưa đạt yêu cầu. Việc sắp xếp, bố trí, phân công, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử vẫn còn tình trạng đúng quy trình nhưng chưa đúng người, đúng việc. Tình trạng bổ nhiệm cán bộ không đủ tiêu chuẩn, điều kiện, trong đó có cả người nhầm, người thân, họ hàng, "cánh hẩu" xảy ra ở một số nơi gây bức xúc trong dư luận xã hội. Công tác tuyển dụng, thi nâng ngạch công chức, viên chức còn nhiều hạn chế, chất lượng chưa cao, chưa đồng đều, có nơi còn xảy ra sai phạm, tiêu cực. Chủ trương thu hút nhân tài chậm được cụ thể hóa bằng các cơ chế, chính sách phù hợp; kết quả thu hút trí thức trẻ và người có trình độ cao chưa đạt yêu cầu. Chính sách cán bộ giữa các cấp, các ngành có mặt còn thiếu thống nhất, chưa đồng bộ; chính sách tiền lương, nhà ở và việc xem xét thi đua, khen thưởng chưa thực sự tạo động lực để cán bộ toàn tâm, toàn ý với công việc.

- Phân cấp quản lý cán bộ chưa theo kịp tình hình, còn tập trung nhiều ở cấp trên. Một số chủ trương thí điểm chỉ đạo chưa quyết liệt, tổ chức thực hiện thiếu nhất quán, đồng bộ và chưa kịp thời đánh giá, rút kinh nghiệm. Việc kiểm tra, giám sát thiếu chủ động, chưa thường xuyên, còn nặng về kiểm tra, xử lý vi phạm, thiếu giải pháp hiệu quả để phòng ngừa, ngăn chặn sai phạm. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ còn bị động,

chưa theo kịp tình hình, tổ chức bộ máy thiếu ổn định. Đầu tư xây dựng đội ngũ làm công tác tổ chức, cán bộ chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ; tổ chức bộ máy cơ quan tham mưu còn nhiều đầu mối, chức năng, nhiệm vụ chưa thật sự hợp lý; phẩm chất, năng lực và uy tín của không ít cán bộ làm công tác tổ chức, cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu.

- Nội dung sinh hoạt đảng còn đơn điệu, hình thức; tính chiến đấu trong tự phê bình và phê bình còn yếu; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức đảng, đảng viên còn hạn chế. Chất lượng sinh hoạt đảng chưa cao, tình trạng nể nang, né tránh, hữu khuynh, ngại va chạm, "dĩ hòa vi quý" còn xảy ra phổ biến, thậm chí có tình trạng lợi dụng tự phê bình và phê bình để ca ngợi, nịnh bợ, tâng bốc nhau. Việc nắm bắt tư tưởng, quản lý đảng viên ở một số nơi còn lỏng lẻo, vô nguyên tắc, nhất là trong việc chuyển sinh hoạt đảng đối với đảng viên nghỉ hưu, nghỉ công tác về nơi cư trú; quản lý đảng viên đi làm ăn xa nơi cư trú. Một số trường hợp đảng viên không chuyển sinh hoạt đảng, bỏ sinh hoạt đảng nhưng chưa bị xóa tên, khi có vi phạm liên quan đến vấn đề an ninh, trật tự, an toàn xã hội... các cơ quan pháp luật phải xử lý rất phức tạp. Chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và xử lý tổ chức đảng, đảng viên vi phạm chưa đủ sức góp phần ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực...

### **3. Phương hướng, nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng trong thời gian tới**

#### *a) Phương hướng chung*

Để giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, Nghị quyết Đại hội XII của Đảng đã xác định: “Trong những năm tới, yêu cầu, nhiệm vụ nặng nề của thời kỳ phát triển mới đòi hỏi phải đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng Đảng, trọng tâm là kiên quyết, kiên trì tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI. Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị và cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp từ Trung ương đến cơ sở phải nghiêm túc, tự giác và có kế hoạch, biện pháp phù hợp để khắc phục, sửa chữa những yếu kém, khuyết điểm”<sup>1</sup>.

#### *b) Nhiệm vụ và giải pháp*

Yêu cầu, nhiệm vụ nặng nề của thời kỳ phát triển mới đòi hỏi phải đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng Đảng, trọng tâm là kiên quyết, kiên trì tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII. Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị và cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp từ Trung ương đến cơ sở nghiêm

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd*, tr.198-199.

túc, tự giác và có kế hoạch, biện pháp phù hợp để khắc phục, sửa chữa những yếu kém, khuyết điểm.

*- Chú trọng xây dựng Đảng về chính trị*

Kiên định chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới. Nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ, tính chiến đấu của toàn Đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp; không dao động trong bất cứ tình huống nào. Giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

Kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc trong công tác xây dựng Đảng. Nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng và bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng có hiệu lực, hiệu quả; giữ vững bản lĩnh chính trị của Đảng, của các tổ chức đảng, của cán bộ, đảng viên.

Nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chính sách phù hợp với quy luật khách quan và đặc điểm của Việt Nam, tạo bước đột phá để phát triển.

Hoàn thiện cơ chế, quy chế và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả việc tự phê bình, phê bình, chất vấn trong các kỳ họp của Ban Chấp hành Trung ương, cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp.

Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế phát huy vai trò của Nhân dân tham gia xây dựng Đảng.

*- Đổi mới công tác tư tưởng, lý luận*

Đổi mới mạnh mẽ công tác giáo dục lý luận chính trị; đấu tranh bảo vệ, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên nói chung, cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành nói riêng; bồi dưỡng nhận thức, lập trường, quan điểm và năng lực vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm tạo sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội đối với Cương lĩnh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước... Cấp ủy, ban, ngành các cấp cần chủ động triển khai có hiệu quả cuộc đấu tranh trực tiếp trên mặt trận tư tưởng, lý luận; tăng cường công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, góp phần phát triển một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tuyên truyền sâu rộng để không chỉ nhận diện và chủ động đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; từ những luận điểm chung đến những luận điểm cụ thể trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... mà còn phản bác những luận điểm sai trái, xuyên tạc

nhầm bôi nhọ, hạ bệ, phủ nhận vai trò của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả của công tác tư tưởng, phục vụ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị. Đổi mới toàn diện, triệt để và tổ chức tốt hoạt động tuyên truyền; tăng cường và phát huy tốt hơn nữa vai trò của báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ trong định hướng tư tưởng chính trị, định hướng nhân cách, định hướng các giá trị sống phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Chú trọng công tác tham mưu trên các lĩnh vực khoa giáo, đánh giá tình hình tư tưởng, dư luận xã hội của các đối tượng, bảo đảm tính khoa học, chính xác, sát thực tế nhằm kịp thời cung cấp thông tin phục vụ cho quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng.

Chủ động phòng, chống nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, nhất là các biểu hiện phai nhạt lý tưởng cách mạng; dao động, giảm sút niềm tin vào mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hoài nghi, thiếu tin tưởng vào chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; xa rời tôn chỉ, mục đích của Đảng; không kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; phụ họa theo những nhận thức lệch lạc, quan điểm sai trái; nhận thức sai lệch về ý nghĩa, tầm quan trọng của lý luận và học tập

lý luận chính trị; lười học tập chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, xử lý nghiêm minh những cán bộ, đảng viên sai phạm, làm trong sạch bộ máy Đảng và Nhà nước, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng. Đây là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, nhưng trách nhiệm chính thuộc về các cơ quan của Đảng và Nhà nước. Quyết tâm phòng, chống tham nhũng thể hiện bản lĩnh chính trị của Đảng ta hiện nay. Muốn giành thắng lợi trong cuộc chiến đầy cam go, thử thách này, Đảng phải hành động quyết liệt, không nói suông, không nể nang, né tránh, không có vùng cấm... Phát huy vai trò của quần chúng trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

- *Tăng cường rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng*

Tập trung thực hiện mục tiêu: "Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức".

Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; coi đó là công việc thường xuyên của các tổ chức đảng, các cấp chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, địa phương, đơn vị gắn với chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức,

lối sống và những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ. Kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội, thực dụng, bè phái, "lợi ích nhóm", nói không đi đôi với làm.

Gắn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về "*Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*" với Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII về xây dựng và chỉnh đốn Đảng, Nghị quyết số 26-NQ/TW về "*Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ*". Coi đây là công việc thường xuyên, nền nếp, trở thành nhu cầu tự thân của các tổ chức đảng, các cấp chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, địa phương, cơ quan, đơn vị. Thực hiện nghiêm Quy định số 101-QĐ/TW về "Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp"; Quy định số 08-QĐi/TW về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

- Tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị

Tiếp tục đổi mới bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy phải gắn với hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ,

nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; xác định rõ quan hệ giữa tập thể lãnh đạo với cá nhân phụ trách; quyền hạn đi đôi với trách nhiệm và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu. Hoàn thiện và thực hiện nghiêm cơ chế kiểm soát quyền lực, ngăn ngừa sự lạm quyền, vi phạm kỷ luật, kỷ cương. Nghiên cứu thực hiện thí điểm hợp nhất một số cơ quan đảng và nhà nước tương đồng về chức năng, nhiệm vụ.

Thực hiện chủ trương quản lý biên chế thống nhất trong toàn bộ hệ thống chính trị. Tinh giản tổ chức, bộ máy gắn với tiếp tục phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động của các tổ chức; thực hiện kiêm nhiệm một số chức danh và tinh giản biên chế trong toàn hệ thống chính trị. Cơ bản thực hiện mô hình bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch Hội đồng nhân dân các cấp. Sớm tổng kết mô hình bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện ở những nơi có đủ điều kiện. Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các cấp phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu, nhiệm vụ mới. Trên cơ sở đó, tinh giản số cán bộ được hưởng lương và phụ cấp ở cơ sở.

- *Kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên*

Tập trung củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, đổi mới nội dung,

hình thức, phương pháp, tạo chuyển biến về chất lượng hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, nhất là tổ chức đảng trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Kiện toàn tổ chức, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng ở cơ sở. Xây dựng đội ngũ đảng viên thật sự tiên phong, gương mẫu, trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, có trách nhiệm cao trong công việc, có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, vững vàng trước mọi khó khăn, thách thức, phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Tiếp tục đổi mới, tăng cường công tác quản lý, phát triển, sàng lọc đảng viên, bảo đảm chất lượng. Đẩy mạnh công tác phát triển đảng trong công nhân. Kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những đảng viên vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tổng kết việc thực hiện Quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đảng viên làm kinh tế tư nhân và việc thí điểm kết nạp những người là chủ doanh nghiệp tư nhân đủ tiêu chuẩn vào Đảng.

*- Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ*

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, triển khai đồng bộ và thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác cán bộ; ngăn chặn và đẩy lùi có hiệu quả những tiêu cực, tham nhũng trong công tác cán bộ.

Thể chế hóa, cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng về công tác cán bộ theo hướng đồng bộ, liên thông, nhất quán trong hệ thống chính trị và phù hợp với thực tế; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; ràng buộc trách nhiệm và kiểm soát chặt chẽ quyền lực; siết chặt kỷ luật, kỷ cương; tạo môi trường, điều kiện để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo; bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Đổi mới công tác đánh giá cán bộ theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, theo tiêu chí cụ thể, bằng sản phẩm, thông qua khảo sát, công khai kết quả và so sánh với chức danh tương đương; gắn đánh giá cá nhân với tập thể và kết quả thực hiện nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Tiếp tục đổi mới công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ. Đổi mới công tác ứng cử, bầu cử, bổ nhiệm, bố trí, sử dụng cán bộ.

Thực hiện lộ trình cải cách tiền lương phù hợp với từng nhóm đối tượng theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ, năng suất lao động, hiệu quả công tác và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, nguồn lực của đất nước. Xây dựng chính sách nhà ở theo hướng: Nhà nước thống nhất ban hành cơ chế, chính sách; địa phương quy hoạch đất ở, nhà ở để cán bộ, công chức, viên chức mua và thuê mua. Thực hiện nghiêm túc, đúng đắn và chính xác chế độ thi đua, khen thưởng.

Xây dựng quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ; xử lý nghiêm những người có sai phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu.

Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ: Nắm chắc lịch sử chính trị và tập trung vào vấn đề chính trị hiện nay. Hoàn thiện quy định để xử lý, sử dụng những trường hợp có vấn đề về chính trị. Không xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử khi chưa có kết luận về tiêu chuẩn chính trị.

Thực hiện công khai, minh bạch tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục và hồ sơ nhân sự; cung cấp, trao đổi thông tin và giải trình khi có yêu cầu. Xác minh, xử lý kịp thời, hiệu quả, hợp lý thông tin phản ánh từ các tổ chức, cá nhân và phương tiện thông tin đại chúng.

Xây dựng, hoàn thiện thể chế để kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ theo nguyên tắc mọi quyền lực đều phải được kiểm soát chặt chẽ bằng cơ chế; quyền hạn phải được ràng buộc bằng trách nhiệm.

Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, giảm số lượng, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu.

Xây dựng đồng bộ, toàn diện các đối tượng cán bộ ở các cấp. Chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, tính chuyên nghiệp, tinh thần phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương,

nâng cao sức chiến đấu của lực lượng vũ trang. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học; có chính sách ưu đãi để sử dụng các nhà khoa học và chuyên gia đầu ngành trên các lĩnh vực. Củng cố, nâng cao ý thức trách nhiệm và tính Đảng đối với cán bộ trong các doanh nghiệp nhà nước, nhất là người đứng đầu; xây dựng quy định về tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm cán bộ quản trị doanh nghiệp phù hợp với cơ chế thị trường và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

- *Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng*

Nâng cao nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng về công tác kiểm tra, giám sát, để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm trong công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Tập trung chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện các quy định của Đảng để nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp và chi bộ; xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức đảng, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, những hành vi dung túng, bao che cho khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên; công khai kết quả xử lý. Chú trọng kiểm tra, giám

sát người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và việc giữ gìn đạo đức, lối sống, không để người thân trong gia đình lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi. Tăng cường kiểm tra, giám sát đối với các ban cán sự đảng, đảng đoàn, các tổ chức đảng ở các cơ quan nhà nước, các đơn vị kinh tế và các lĩnh vực dễ xảy ra sai phạm. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, phương pháp, quy trình kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại trong Đảng; hoàn thiện cơ chế và nâng cao chất lượng phối hợp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng giữa ủy ban kiểm tra với các tổ chức đảng và cơ quan liên quan.

Nghiên cứu việc tăng thẩm quyền kiểm tra, thi hành kỷ luật đảng cho ủy ban kiểm tra các cấp. Kiện toàn ủy ban kiểm tra, tổ chức bộ máy và cán bộ cơ quan ủy ban kiểm tra tương xứng, ngang tầm với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kiểm tra các cấp. Có chế độ, chính sách hợp lý đối với cán bộ kiểm tra.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tăng cường quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân

Củng cố vững chắc niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân; tập hợp,

vận động nhân dân thực hiện tốt các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy sức mạnh to lớn của Nhân dân, tạo thành phong trào cách mạng rộng lớn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng về công tác dân vận trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Đội ngũ cán bộ, đảng viên phải thật sự tin dân, trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân, có trách nhiệm với dân. Giải quyết kịp thời, có hiệu quả những bức xúc, kiến nghị chính đáng của Nhân dân và khiếu nại, tố cáo của công dân.

Kịp thời thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật phù hợp với thực tiễn và đáp ứng lợi ích, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân. Thể chế hóa quan hệ “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” và phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

Tăng cường và đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận của các cơ quan nhà nước. Thực hiện tốt Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác dân vận.

- *Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; thực hành tiết kiệm*

Xác định đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng, đồng thời là

nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, lâu dài; là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, và của toàn bộ hệ thống chính trị. Kiên quyết phòng, chống tham nhũng, lãng phí với yêu cầu chủ động phòng ngừa, không để xảy ra tham nhũng, lãng phí; xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, lãng phí, bao che, dung túng, tiếp tay cho các hành vi tham nhũng, lãng phí, can thiệp, ngăn cản việc chống tham nhũng, lãng phí.

Đẩy mạnh việc nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để bảo đảm công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí có hiệu lực, hiệu quả, nhất là trong các lĩnh vực có nguy cơ tham nhũng cao như: quản lý và sử dụng đất đai, khai thác tài nguyên, khoáng sản; thu, chi ngân sách, mua sắm công, tài chính, ngân hàng, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản; công tác cán bộ; quản lý doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; giáo dục, đào tạo và y tế. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tạo sự thống nhất, tự giác, quyết tâm cao trong hành động. Kiên quyết xử lý và kịp thời thay thế những cán bộ lãnh đạo, quản lý tham nhũng, lãng phí; xử lý

nghiêm minh trách nhiệm của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng, lãng phí trong tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương mình trực tiếp quản lý; cán bộ, đảng viên; vi phạm về kê khai và minh bạch tài sản, thu nhập; kiên quyết thu hồi tiền, tài sản bị tham nhũng,... Đồng thời, đẩy mạnh cải cách chính sách tiền lương, thu nhập, chính sách nhà ở bảo đảm cuộc sống cho cán bộ, đảng viên, công chức để góp phần phòng, chống tham nhũng. Kiên quyết, kiên trì xây dựng cơ chế phòng ngừa để không thể tham nhũng; cơ chế răn đe, trừng trị để không dám tham nhũng.

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan có chức năng đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Xây dựng cơ chế phòng ngừa, ngăn chặn quan hệ "lợi ích nhóm"; chống đặc quyền, đặc lợi, khắc phục "tư duy nhiệm kỳ"; đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp. Phát huy vai trò của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các phương tiện thông tin đại chúng và của Nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Xây dựng và thực hiện tốt cơ chế khuyến khích và bảo vệ tổ chức, cá nhân phát hiện, tố cáo tham nhũng, lãng phí.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện có trọng tâm, trọng điểm để tạo chuyển

biến rõ rệt trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; nâng cao hiệu quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm phát huy cao nhất mọi nguồn lực để thực hiện các mục tiêu tăng trưởng, phát triển kinh tế, ổn định đời sống của Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tập trung chủ yếu trong ba lĩnh vực là: *Chi thường xuyên của ngân sách nhà nước; sắp xếp lại tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập* theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và *tinh giản biên chế* theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Triết để tiết kiệm chi thường xuyên (không kể tiền lương và các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp cho người lao động theo quy định) để tạo nguồn cải cách tiền lương, đẩy mạnh khoán chi hành chính. Giảm tần suất và thắt chặt các khoản kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, công tác phí.

Tiết kiệm triết để trong quản lý, sử dụng kinh phí của đề tài nghiên cứu khoa học, không đề xuất, phê duyệt các đề tài nghiên cứu khoa học có nội dung trùng lặp, thiếu tính khả thi, chưa xác định được nguồn kinh phí thực hiện. Từng bước chuyển việc bố trí kinh phí

hoạt động thường xuyên sang thực hiện phương thức Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ nghiên cứu; thực hiện khoán kinh phí theo kết quả đầu ra.

Sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo. Đầu tư kinh phí cho các cơ sở giáo dục công lập cần có trọng điểm, tập trung ưu tiên cho giáo dục phổ cập và tiếp tục kiên cố hóa trường học, nhất là đối với các cơ sở giáo dục ở các vùng kinh tế - xã hội khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng núi, biên giới và hải đảo. Khuyến khích xã hội hóa đầu tư phát triển trường chất lượng cao ở tất cả các cấp học. Triển khai có hiệu quả chế độ học phí mới nhằm bảo đảm sự chia sẻ hợp lý giữa Nhà nước, người học và các thành phần xã hội.

Thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, giảm đầu mối, giảm tối đa cấp trung gian, giảm cấp phó; điều chỉnh dứt điểm các vấn đề còn chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan trong hệ thống tổ chức nhà nước gắn với tinh giản biên chế nhằm nâng cao hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tiến hành sáp nhập, giải thể đơn vị, bộ máy hoạt động không hiệu quả.

Đổi mới căn bản cách thức quản lý và thái độ làm việc của công chức nhà nước, phục vụ đi đôi với quản lý; minh bạch hóa quản lý nhà nước, tăng cường kỷ luật công vụ, kỷ cương đối với cán bộ, công chức, cơ quan

nhà nước. Xử lý nghiêm các trường hợp không tuân thủ, có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức công vụ.

#### *- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng*

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, đặc biệt là với Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng các chủ trương, chính sách lớn, lãnh đạo thể chế hóa các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật; lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất và năng lực; lãnh đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách và hệ thống pháp luật; chú trọng lãnh đạo đổi mới, nâng cao chất lượng lập pháp, cải cách hành chính và cải cách tư pháp; các tổ chức của Đảng và đảng viên phải gương mẫu tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tôn trọng nguyên tắc hiệp thương dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Phát huy mạnh mẽ vai trò, hiệu lực của Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị hoạt động năng động, có hiệu lực và hiệu quả.

Tiếp tục cụ thể hóa phương thức lãnh đạo của Đảng đã được xác định trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) bằng những quy chế, quy định cụ thể. Đảng phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của

Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình; về quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu và mối quan hệ giữa tập thể cấp ủy, tổ chức đảng với người đứng đầu, bảo đảm thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, đi đôi với phát huy vai trò, trách nhiệm, tính chủ động của người đứng đầu và cơ chế xử lý đối với người đứng đầu khi vi phạm. Quy định rõ hơn thẩm quyền và trách nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy và ban thường vụ cấp ủy các cấp. Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền; có cơ chế để các địa phương phát huy quyền chủ động, sáng tạo, gắn với đề cao trách nhiệm, đồng thời bảo đảm sự lãnh đạo, quản lý thống nhất của Trung ương.

Coi trọng xây dựng văn hóa trong các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, trong hệ thống chính trị mà nội dung quan trọng là tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo trong hệ thống tổ chức của Đảng; đổi mới phương pháp, phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở, xây dựng phong cách làm việc khoa học, tập thể, dân chủ, gần dân, trọng dân, vì dân, bám sát thực tiễn, nói đi đôi với làm.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng việc xây dựng, ban hành nghị quyết của Đảng, chính sách,

pháp luật của Nhà nước. Nghị quyết phải thiết thực, ngắn gọn, khả thi; phải tính đến cân đối các nguồn lực và điều kiện để triển khai thực hiện có hiệu quả; phân công rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, thời hạn hoàn thành các nhiệm vụ, giải pháp. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết, dứt điểm việc tổ chức thực hiện nghị quyết; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc; đổi mới phương thức quán triệt, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng bảo đảm tính hiệu quả. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng, giảm dần những thủ tục rườm rà, bất hợp lý, giảm bệnh giấy tờ, hội họp.

Tiếp tục tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về đảng cầm quyền, xác định rõ mục đích cầm quyền, phương thức cầm quyền, nội dung cầm quyền, điều kiện cầm quyền; vấn đề phát huy dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền; các nguy cơ cần phải phòng ngừa đối với đảng cầm quyền.

## *Bài 5*

# **VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM**

I- QUAN ĐIỂM CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN,  
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ CỦA ĐẢNG TA  
VỀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN

### **1. Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lenin về nhà nước pháp quyền**

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lenin không sử dụng thuật ngữ “nhà nước pháp quyền” mà sử dụng thuật ngữ “nhà nước kiểu mới”. Trong kho tàng lý luận về xây dựng nhà nước kiểu mới của chủ nghĩa Mác - Lenin chứa đựng những quan điểm tư tưởng sâu sắc về nhà nước pháp quyền. Học thuyết Mác - Lenin về xây dựng nhà nước kiểu mới đã kế thừa và phát triển tư tưởng tiến bộ của nhân loại về nhà nước pháp quyền trong điều kiện mới.

Nội dung tư tưởng về nhà nước pháp quyền trong học thuyết Mác - Lenin gồm:

*Một* là, nhà nước kiểu mới mà C. Mác và Ph. Ăngghen chủ trương xây dựng là biến nhà nước từ cơ quan đứng trên xã hội thành cơ quan hoàn toàn phục vụ xã hội.

*Hai* là, nhà nước kiểu mới là một “nhà nước của nhân dân”. Quan hệ giữa người cầm quyền và người bị lãnh đạo (nhân dân) phải được thiết lập trên cơ sở pháp luật.

*Ba* là, mục tiêu của chính quyền Xôviết là thu hút những người lao động tham gia vào quản lý nhà nước và “nhà nước không còn nguyên nghĩa”, “nhà nước nửa nhà nước” (V.I. Lênin).

*Bốn* là, nhà nước kiểu mới là nhà nước đề cao vai trò của pháp luật và pháp chế trong quản lý nhà nước, quản lý xã hội, là điều kiện cơ bản để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Học thuyết pháp chế của V.I. Lênin có nội dung trung tâm là sự tuân thủ pháp luật một cách nghiêm chỉnh và thống nhất của nhà nước, của nhân viên cơ quan nhà nước có thẩm quyền và của toàn thể nhân dân, đây là học thuyết chứa đựng nhiều tư tưởng về nhà nước pháp quyền của nhân loại.

## **2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền**

Trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh, vấn đề nhà nước và pháp luật giữ một vị trí đặc biệt quan trọng và có ý nghĩa to lớn đối với sự nghiệp xây dựng, củng cố một nhà nước kiểu mới của dân, do dân, vì dân. Tư

tưởng của Hồ Chí Minh về nhà nước không chỉ được thể hiện trong các bài viết, các bài phát biểu, trong các văn kiện quan trọng do Người trực tiếp chỉ đạo xây dựng và ban hành mà cả trong hành động thực tiễn của Người trên cương vị là người lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền gồm các nội dung cơ bản sau:

- *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân, vì dân*

Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”<sup>1</sup>; “Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là chủ”<sup>2</sup>. Với Hồ Chí Minh, nhân dân là chủ thể tối cao và duy nhất của quyền lực nhà nước. Toàn bộ quyền lực nhà nước đều bắt nguồn từ nhân dân, do nhân dân ủy quyền cho bộ máy nhà nước thực hiện, nhằm phụng sự lợi ích của nhân dân. Bộ máy nhà nước được thiết lập là bộ máy thừa hành ý chí, nguyện vọng của nhân dân, đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước không thể là các ông quan cách mạng mà là công bộc của nhân dân. “Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.434.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.9, tr.382.

là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật”<sup>1</sup>.

Là nhà nước của dân, do chính nhân dân lập ra thông qua chế độ bầu cử dân chủ. Bầu cử dân chủ là phương thức thành lập bộ máy nhà nước đã được xác lập trong nền chính trị hiện đại, đảm bảo tính chính đáng của chính quyền khi tiếp nhận sự ủy quyền quyền lực từ nhân dân. Chính vì vậy, để xây dựng Nhà nước ta thật sự là nhà nước của dân, ngay từ những ngày đầu giành được nền độc lập, Hồ Chí Minh đã đặc biệt quan tâm đến tổ chức cuộc tổng tuyển cử để Nhân dân trực tiếp bầu ra các đại biểu xứng đáng thay mặt mình gánh vác việc nước.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, một nhà nước của dân không chỉ do dân lập ra thông qua bầu cử dân chủ mà còn là nhà nước chịu sự kiểm tra, giám sát, định đoạt của Nhân dân. Người khẳng định: “Chế độ của ta là chế độ dân chủ. Nhân dân là chủ. Chính phủ là đày tớ của nhân dân. Nhân dân có quyền đôn đốc và phê bình Chính phủ. Chính phủ thì việc to việc nhỏ đều nhằm mục đích phục vụ lợi ích của nhân dân”<sup>2</sup>. “Nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.65.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.90.

nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân. Nguyên tắc ấy bảo đảm quyền kiểm soát của nhân dân đối với đại biểu của mình”<sup>1</sup>. Người nhắc nhở: “Trong bộ máy cách mạng, từ người quét nhà, nấu ăn cho đến Chủ tịch một nước đều là phân công làm đầy tớ cho dân”<sup>2</sup>. Người còn viết: “Chính phủ Cộng hoà Dân chủ là gì? Là đầy tớ chung của dân từ Chủ tịch toàn quốc đến làng. Dân là chủ thì Chính phủ là đầy tớ... Nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ”<sup>3</sup>.

Đối với Hồ Chí Minh, một nhà nước của dân thật sự phải là một nhà nước do dân và vì dân. Người viết: “Kinh nghiệm trong nước và các nước tò cho chúng ta biết: có lực lượng dân chúng việc tát mای, khó khăn mای làm cũng được. Không có, thì việc gì làm cũng không xong. Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra”<sup>4</sup>; “Không có lực lượng nhân dân, thì việc nhỏ mای, dễ mای, làm cũng không xong...”<sup>5</sup>.

Một nhà nước của dân, do dân, vì dân, theo Hồ Chí Minh, nếu biết lắng nghe và học hỏi nhân dân, biết tôn trọng

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.375.

2, 5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.434, 176.

3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.74-75, 335.

bồi dưỡng và nâng cao sức dân, thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng, ý chí của nhân dân thì sẽ thấy nhân dân không chỉ nói lên những mong muốn của mình mà còn chỉ ra được nhà nước cần phải hành động như thế nào để giải quyết các vấn đề quốc kế dân sinh. Chính vì vậy Nhà nước được thành lập không vì mục đích làm thay cho dân, mà thực hiện vai trò người cầm lái, người tổ chức để nhân dân bằng trí tuệ, sức mạnh của mình giải quyết các vấn đề của chính mình. Người viết: “Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng. Nếu không có Chính phủ, thì nhân dân không ai dẫn đường. Vậy nên Chính phủ với nhân dân phải đoàn kết thành một khối”<sup>1</sup>. Nhà nước của dân, do dân không có mục đích tự thân, mà ý nghĩa, mục tiêu và sứ mệnh của Nhà nước là phụng sự hạnh phúc của Nhân dân, vì Nhân dân. Vì lẽ đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “Ngày nay, chúng ta đã xây dựng nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Nhưng nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì... Chính phủ ta đã hứa với dân, sẽ gắng sức làm cho ai nấy đều có phần hạnh phúc...”<sup>2</sup>. Người nhắc nhở: “việc gì lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh”<sup>3</sup>.

---

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.64, 51.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về một nhà nước vì dân, tất cả vì hạnh phúc của nhân dân là tư tưởng nhất quán trong suốt cuộc đời của Người. Khi đảm nhận chức vụ Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh đã trả lời các nhà báo: “Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh vác chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng lệnh quốc dân ra trước mặt trận”<sup>1</sup>.

- *Tư tưởng Hồ Chí Minh về mô hình tổ chức bộ máy nhà nước*

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, mở đầu một chính thể nhà nước mới ở Việt Nam: chính thể dân chủ cộng hoà. Sự ra đời của chính thể dân chủ cộng hoà thể hiện một tư duy sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc lựa chọn mô hình tổ chức nhà nước, vừa tiếp thu được các giá trị phổ biến của nền dân chủ nhân loại, vừa phù hợp với các đặc điểm của đất nước.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về mô hình bộ máy nhà nước của dân, do dân, vì dân được thể hiện sâu sắc trong các văn kiện pháp lý quan trọng của đất nước do chính Người chỉ đạo xây dựng và ban hành. Hiến pháp năm 1946 và năm 1959 do Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp chỉ đạo soạn thảo cùng với 613 sắc lệnh từ năm 1945

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.187.

đến năm 1969, trong đó có 243 sắc lệnh liên quan đến bộ máy nhà nước và luật pháp do Người ký ban hành, đã hình thành một thể chế bộ máy nhà nước vừa phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của dân tộc, vừa mang tính thời đại, kết tinh sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về một chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của Nhân dân.

Tuy không tiếp nhận tư tưởng phân quyền là nền tảng lý luận của mô hình nhà nước dân chủ phuong Tây, nhưng Hồ Chí Minh đã đưa vào mô hình tổ chức bộ máy nhà nước những yếu tố hợp lý và khoa học của nguyên tắc phân quyền. Theo đó, bộ máy nhà nước theo Hiến pháp năm 1946 được thiết kế trên cơ sở phân chia quyền lực uyển chuyển giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Trong mô hình tổ chức bộ máy nhà nước này, không có một cơ quan nào là độc quyền quyền lực, có quyền đứng trên cơ quan khác.

- *Tư tưởng Hồ Chí Minh về một nhà nước được tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật*

Nhận thức được tầm quan trọng của luật pháp, từ rất sớm Hồ Chí Minh đã đề cập vai trò của chúng trong điều hành và quản lý xã hội. Năm 1919, tám yêu sách của nhân dân An Nam gửi tới Hội nghị Vécxây đã có 4 điểm liên quan đến vấn đề pháp quyền, còn lại liên quan đến công lý và quyền con người.

Bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* được Hồ Chí Minh chuyển thành *Việt Nam yêu cầu ca*, trong đó yêu cầu thứ bảy là: “Bảy xin hiến pháp ban hành/ Trăm đều phải có thần linh pháp quyền”<sup>1</sup>. Tư tưởng rất đặc sắc này của Hồ Chí Minh phản ánh nội dung cốt lõi của Nhà nước dân chủ mới - Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời đây cũng là nguyên tắc xuyên suốt trong hoạt động quản lý nhà nước của Người.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Hồ Chí Minh đề ra một trong sáu nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là: Chúng ta phải có một Hiến pháp dân chủ. Ngày 20/9/1945, Chủ tịch lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ký Sắc lệnh thành lập Ban dự thảo Hiến pháp gồm 7 thành viên do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Trưởng ban. Bản dự thảo Hiến pháp hoàn thành khẩn trương và nghiêm túc dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Hồ Chủ tịch. Tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa I (tháng 10/1946), Quốc hội đã thảo luận dân chủ và thông qua bản dự thảo Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam độc lập. Trong phiên họp thông qua Hiến pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát biểu: “Hiến pháp đó đã nêu một tinh thần đoàn kết chặt chẽ giữa các dân tộc Việt Nam và một tinh thần liêm khiết, công

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.473.

bình của các giai cấp”<sup>1</sup>, và nhấn mạnh: “Chính phủ cố gắng làm theo đúng ba chính sách: Dân sinh, Dân quyền và Dân tộc”<sup>2</sup>.

Sau năm 1954, khi miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhiều quy định trong Hiến pháp năm 1946 không còn phù hợp, Hồ Chí Minh đã chủ trương sửa đổi và ban hành Hiến pháp mới - Hiến pháp năm 1959. Trong tư duy Hồ Chí Minh, một khi điều kiện kinh tế - xã hội thay đổi thì pháp luật, nhất là đạo luật “gốc” - Hiến pháp, cũng phải thay đổi để bảo đảm khả năng điều chỉnh hợp lý các quan hệ xã hội đã phát sinh và định hình.

Hồ Chí Minh luôn khẳng định: Pháp luật của ta là pháp luật dân chủ, phải nghiêm minh và phát huy hiệu lực thực tế. Nhà nước sử dụng pháp luật để quản lý xã hội. Song pháp luật của ta đã có sự thay đổi về chất, mang bản chất của giai cấp công nhân, là một loại hình pháp luật kiểu mới, pháp luật thật sự dân chủ, vì nó bảo vệ quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động. Báo cáo tại Hội nghị chính trị đặc biệt ngày 27/3/1964, một trong 5 nhiệm vụ để hoàn thành sự nghiệp cách mạng được Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên là: “Tăng cường không ngừng chính quyền nhân dân. Nghiêm chỉnh thực hiện dân chủ với nhân dân, chuyên

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.491.

chính với kẻ địch. Triết để chấp hành mọi chế độ và pháp luật của Nhà nước”<sup>1</sup>.

Nét đặc sắc trong tư tưởng của Hồ Chí Minh về tổ chức nhà nước là các cơ quan nhà nước hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật nhưng trong điều kiện của một nước thuộc địa nửa phong kiến ở phương Đông, Hồ Chí Minh sử dụng linh hoạt pháp trị và đức trị trong tổ chức hoạt động của Nhà nước và quản lý nhà nước.

Với Hồ Chí Minh, pháp luật không phải là để trừng trị con người mà là công cụ bảo vệ, thực hiện lợi ích của con người. Tư tưởng pháp quyền trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước thông qua đội ngũ cán bộ, công chức của Người thấm đượm tấm lòng thương yêu Nhân dân, chăm lo cho hạnh phúc của Nhân dân, giàu lòng nhân ái, nghĩa đồng bào như đạo lý truyền thống của dân tộc Việt Nam. Vì thế, kết hợp giữa đức trị và pháp trị trong tổ chức nhà nước của Hồ Chí Minh có nội hàm triết lý, mang đậm tính dân tộc và dân chủ sâu sắc.

Quá trình xây dựng và phát triển của Nhà nước ta trong các giai đoạn sau này đã có không ít những thay đổi về mô hình bộ máy do tác động của nhiều yếu tố chủ quan và khách quan, nhưng xuyên suốt mạch phát

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.285.

triển ấy vẫn là tư tưởng của Hồ Chí Minh về một chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của Nhân dân. Ngày nay, bối cảnh phát triển mới của đất nước, trong xu thế toàn cầu hóa, mặc dù có nhiều yếu tố đã thay đổi, nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân vẫn còn nguyên giá trị, tiếp tục định hướng cho các nỗ lực nghiên cứu, tìm kiếm giải pháp đổi mới mô hình bộ máy nhà nước trong các điều kiện phát triển mới.

### **3. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân**

Từ khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Đảng ta luôn chăm lo xây dựng để Nhà nước ta thực sự là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (1994), lần đầu tiên Đảng ta chính thức sử dụng thuật ngữ “nhà nước pháp quyền” và nêu khá cụ thể, toàn diện những quan điểm, nguyên tắc, nội dung xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân, vì dân: “Tiếp tục xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Đó là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật, đưa đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước pháp quyền Việt Nam được xây dựng trên cơ sở tăng cường, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, lấy liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng ta lãnh đạo”<sup>1</sup>.

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII đã đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc cụ thể hóa quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân. Đây là Hội nghị chuyên đề bàn về nhà nước với mục tiêu “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính”. Sau khi đánh giá những thành tựu và khuyết điểm, yếu kém trong tổ chức, hoạt động của Nhà nước ta và những yêu cầu trước tình hình mới, Hội nghị đã nêu 5 quan điểm cơ bản cần nắm vững trong quá trình xây dựng kiện toàn bộ máy nhà nước là:

+ Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của Nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của Nhân dân;

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.53, tr.224.

+ Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền: lập pháp, hành pháp, tư pháp;

+ Quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa; xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức xã hội chủ nghĩa;

+ Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước<sup>1</sup>.

Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ VIII của Đảng tiếp tục khẳng định 5 quan điểm cơ bản về xây dựng nhà nước pháp quyền đã được Hội nghị Trung ương 8 khóa VII xác định, đồng thời đặt ra các nhiệm vụ: đổi mới, nâng cao chất lượng công tác lập pháp và giám sát tối cao của Quốc hội đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước; cải cách nền hành chính nhà nước đồng bộ trên các mặt: cải cách thể chế hành chính, tổ chức bộ máy và xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức hành chính; cải cách tổ chức và hoạt động tư pháp; củng cố

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.54, tr.164-167.

kiện toàn bộ máy các cơ quan tư pháp. Phân định lại thẩm quyền xét xử của tòa án nhân dân, từng bước mở rộng thẩm quyền xét xử sơ thẩm cho tòa án nhân dân huyện. Đổi mới tổ chức, hoạt động của Viện Kiểm sát nhân dân, các cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án và các cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp...<sup>1</sup>.

Hội nghị Trung ương 3 khóa VIII đã thông qua Nghị quyết về phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh. Nghị quyết đánh giá các bước tiến bộ, các mặt yếu kém trong quá trình xây dựng Nhà nước và chỉ ra rằng: việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong điều kiện chuyển đổi nền kinh tế là nhiệm vụ mới mẻ, hiểu biết của chúng ta còn ít, có nhiều việc phải vừa làm, vừa tìm tòi, rút kinh nghiệm. Nghị quyết khẳng định tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương khóa VII và nhấn mạnh ba yêu cầu:

*“Một là, tiếp tục phát huy tốt hơn và nhiều hơn quyền làm chủ của nhân dân qua các hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp để nhân dân tham gia xây dựng và bảo vệ Nhà nước, nhất là việc giám sát,*

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.55, tr.407-412.

kiểm tra của nhân dân đối với hoạt động của cơ quan và cán bộ, công chức nhà nước.

*Hai là*, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; cán bộ, công chức nhà nước thật sự là công bộc, tận tụy phục vụ nhân dân.

*Ba là*, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước; xây dựng và hoàn thiện nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng phù hợp với đặc điểm, tính chất của cơ quan nhà nước ở từng cấp, chú trọng sự lãnh đạo của tổ chức đảng đối với việc kiểm kê, kiểm soát trong quản lý kinh tế, tài chính<sup>1</sup>. Nghị quyết nhấn mạnh: “*Ba yêu cầu trên quan hệ chặt chẽ với nhau, dựa trên nền tảng chung là xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, thực hiện đại đoàn kết dân tộc mà nòng cốt là liên minh công nhân, nông dân và trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam*”<sup>2</sup>.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (tháng 4/2001) và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (tháng 4/2006) đã tiếp tục khẳng định nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.56, tr.310-311, 311.

lãnh đạo của Đảng, bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về Nhân dân; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Đại hội XI (tháng 01/2011) đã làm sâu sắc thêm nhận thức về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và khẳng định: “Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm Nhà nước ta thực sự là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, do Đảng lãnh đạo; thực hiện tốt chức năng quản lý kinh tế, quản lý xã hội; giải quyết đúng mői quan hệ giữa Nhà nước với các tổ chức khác trong hệ thống chính trị, với nhân dân, với thị trường”<sup>1</sup>. Đại hội đã xác định một trong những phương hướng quan trọng của việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là: “Nghiên cứu xây dựng, bổ sung các thể chế và cơ chế vận hành cụ thể để bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân và nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.246.

pháp và tư pháp. Nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách để vận hành có hiệu quả nền kinh tế và thực hiện tốt các cam kết quốc tế, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc. Khẩn trương nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung *Hiến pháp năm 1992* (đã sửa đổi, bổ sung năm 2001) phù hợp với tình hình mới”<sup>1</sup>.

- Đại hội XII của Đảng (tháng 01/2016) tiếp tục khẳng định quan điểm nhất quán của Đảng về đẩy mạnh nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân trong giai đoạn phát triển mới. Báo cáo chính trị tại Đại hội XII xác định: “Xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phải tiến hành đồng bộ cả lập pháp, hành pháp, tư pháp và được tiến hành đồng bộ với đổi mới hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; gắn với đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội. Hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ, phương thức và cơ chế vận hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh hoàn thiện và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.247.

bộ máy nhà nước. Xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước là thống nhất, xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của mỗi quyền”<sup>1</sup>.

Cụ thể, trong những năm qua, hệ thống pháp luật đã tương đối đầy đủ, đồng bộ, điều chỉnh hầu hết các lĩnh vực quan trọng của đời sống xã hội; tính tối cao của Hiến pháp và vị trí quan trọng của các đạo luật trong quản lý nhà nước và xã hội ngày càng được coi trọng. Nhận thức được vị trí và vai trò quan trọng của Hiến pháp trong Nhà nước pháp quyền, kể từ khi thực hiện công cuộc đổi mới đất nước (năm 1986) đến nay, Quốc hội đã ba lần tiến hành hoạt động lập hiến để sửa đổi, bổ sung Hiến pháp. Cùng với hoạt động lập hiến, hoạt động lập pháp ngày càng được chú trọng, Nhà nước ta đã không ngừng xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật tạo khung pháp lý cho sự phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hệ thống pháp luật đã cơ bản được hoàn thiện về nội dung và hình thức, số lượng và chất lượng văn bản quy phạm pháp luật. Hiến pháp năm 2013 đánh dấu một bước phát

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.39-40.

triển mới trong thể chế pháp luật về kinh tế của Việt Nam với việc ghi nhận mạnh mẽ quyền tự do kinh doanh của người dân. Từ năm 2013 đến nay là thời kỳ Việt Nam hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới, với việc đàm phán ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, như Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (nay là Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương - CPTPP), các hiệp định thương mại tự do với EU, EFTA, Liên minh thuế quan Nga - Bêlarút - Cadácxtan... Hiện thực hóa các nguyên tắc của Hiến pháp năm 2013, đồng thời tiếp tục cải cách sâu rộng thể chế pháp luật về kinh tế, làm nền tảng cho giai đoạn phát triển và hội nhập quốc tế tiếp theo, một loạt văn bản pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung và ban hành mới, như Bộ luật dân sự, Luật quy hoạch, Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư,... và nhiều đạo luật gắn với các lĩnh vực chuyên biệt (Luật kinh doanh bất động sản, Luật nhà ở, Luật giao thông đường thủy nội địa, Luật xây dựng...).

Vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước được điều chỉnh theo yêu cầu của quá trình chuyển từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp sang cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy nhà nước từng bước được cơ cấu lại, tăng cường vai trò, trách nhiệm của cộng đồng; mỗi quan hệ giữa Nhà nước

với công dân dần chuyển từ tư duy lãnh đạo, sang tư duy về Nhà nước phục vụ; phân định rõ nhiệm vụ quản lý, định hướng của Nhà nước với vai trò sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp; tiếp tục thực hiện chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ với các nước, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, cùng tồn tại hòa bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, bảo đảm ổn định và phát triển.

Như vậy, từ khi ra đời cho đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn quán triệt tư tưởng xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân, coi trọng việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật - phương tiện quan trọng trong quản lý nhà nước.

## II- NHỮNG ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

### 1. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, thể hiện quyền làm chủ của Nhân dân

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhân dân là chủ thể tối cao và duy nhất của quyền lực nhà nước. Toàn bộ quyền lực nhà nước đều bắt nguồn từ Nhân dân, do Nhân dân ủy quyền cho bộ máy nhà nước thực hiện,

nhằm phụng sự lợi ích của Nhân dân. Bộ máy nhà nước được thiết lập là bộ máy thừa hành ý chí, nguyện vọng của Nhân dân, đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước là công bộc của Nhân dân. Là nhà nước của dân, do chính Nhân dân lập ra thông qua chế độ bầu cử dân chủ. Bầu cử dân chủ là phương thức thành lập bộ máy nhà nước đã được xác lập trong nền chính trị hiện đại, đảm bảo tính chính đáng của chính quyền khi tiếp nhận sự ủy quyền quyền lực từ Nhân dân.

Tư tưởng về nhà nước của dân, do dân, vì dân đã được thể chế hóa thành một mục tiêu hiến định ngay trong Lời nói đầu của bản Hiến pháp năm 1946: “Xây dựng một chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân”. Đặc điểm trên của Nhà nước ta tiếp tục được khẳng định trong các bản Hiến pháp sau này.

## **2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp, tôn trọng và bảo vệ Hiến pháp**

Trong Nhà nước pháp quyền, ý chí của Nhân dân và sự lựa chọn chính trị được xác lập một cách tập trung nhất, đầy đủ nhất và cao nhất bằng Hiến pháp. Chính vì lẽ đó mà Hiến pháp được coi là đạo luật cơ bản của Nhà nước, có hiệu lực pháp lý cao nhất, quy định chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công

dân, cơ cấu, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước. Sự hiện diện của Hiến pháp là điều kiện quan trọng nhất bảo đảm sự ổn định xã hội và sự an toàn của người dân.

Những quan điểm lớn, những nội dung cơ bản của Hiến pháp là cơ sở pháp lý quan trọng cho sự duy trì quyền lực nhà nước, cho sự làm chủ của Nhân dân; đó chính là nền tảng có tính chất hiến định để xem xét, đánh giá sự hợp hiến hay không hợp hiến của các đạo luật, cũng như các quyết sách khác của Nhà nước và của các tính chất chính trị, tính chất xã hội.

Hiến pháp có vai trò quan trọng trong việc duy trì quyền lực của Nhân dân, do đó, việc xây dựng và thực hiện một cơ chế hữu hiệu cho việc phát hiện, đánh giá và phán quyết về những quy định và hoạt động trái với Hiến pháp là rất cần thiết trong tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước ở nước ta hiện nay.

### **3. Nhà nước pháp quyền Việt Nam quản lý xã hội bằng pháp luật, bảo đảm vị trí tối thượng của pháp luật trong đời sống xã hội**

Pháp luật xã hội chủ nghĩa là kết quả của sự thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, đối nội, đối ngoại. Pháp luật

thể hiện ý chí và nguyện vọng của Nhân dân, phù hợp với hiện thực khách quan, thúc đẩy tiến bộ xã hội. Vì vậy, nói đến pháp luật trong nhà nước pháp quyền là nói đến tính pháp luật khách quan của các quy định pháp luật chứ không phải chỉ nói đến nhu cầu đặt ra pháp luật, áp dụng pháp luật, tuân thủ pháp luật một cách chung chung với mục đích tự thân của nó.

Pháp luật của Nhà nước ta phản ánh đường lối, chính sách của Đảng và lợi ích của Nhân dân, vì vậy pháp luật phải trở thành phương thức quan trọng đổi mới với tính chất và hoạt động của Nhà nước, là thước đo của các giá trị: công bằng, dân chủ, bình đẳng - những tố chất cần thiết cho sự phát triển tiến bộ và bền vững của Nhà nước và xã hội ta.

Nhà nước pháp quyền đặt ra nhiệm vụ phải có một hệ thống pháp luật cần và đủ để điều chỉnh các quan hệ xã hội, làm cơ sở cho sự tồn tại một trật tự pháp luật và kỷ luật. Pháp luật thể chế hóa các nhu cầu quản lý xã hội, là hình thức tồn tại của các cơ cấu và tổ chức xã hội và của các thiết chế Nhà nước. Vì vậy, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật là lối sống có trật tự và lành mạnh nhất của xã hội. Tất cả các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và mọi công dân đều phải nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật.

#### **4. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam tôn trọng và bảo vệ quyền con người, các quyền và tự do của công dân, giữ vững mối liên hệ giữa Nhà nước và công dân, giữa Nhà nước và xã hội**

Xét về bản chất, ngọn cờ bảo vệ quyền con người thuộc về các nhà nước cách mạng chân chính - nhà nước xã hội chủ nghĩa. Cuộc đấu tranh đầy gian khổ hy sinh của dân tộc Việt Nam vì độc lập, tự do dưới sự lãnh đạo của Đảng suy cho cùng, chính là vì quyền con người, quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của cộng đồng dân tộc và của từng cá nhân, từng con người. Do vậy, vấn đề bảo đảm quyền con người, quyền công dân, mở rộng quyền dân chủ, nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa Nhà nước và công dân, giữa công dân với Nhà nước... luôn được Đảng ta dành sự quan tâm đặc biệt trong các văn kiện đại hội và nhiều nghị quyết của Trung ương Đảng đề cập vấn đề này. Văn kiện Đại hội VI của Đảng xác định: Xây dựng một chính quyền không có đặc quyền, đặc lợi, hoạt động vì cuộc sống của Nhân dân. Nghị quyết Trung ương 8 khóa VII khẳng định nguyên tắc: dân chủ xã hội chủ nghĩa là vấn đề thuộc bản chất của Nhà nước ta. Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trên mọi lĩnh vực. Quyền làm chủ đó được thể chế hóa bằng pháp luật... Dân chủ đi đôi với kỷ cương, kỷ luật. Văn kiện Đại hội IX của Đảng xác định: xây dựng cơ chế cụ thể để

thực hiện phương châm: “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” đối với các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước. Thực hiện tốt các cơ chế làm chủ của Nhân dân: làm chủ thông qua đại diện (là cơ quan dân cử và các đoàn thể), làm chủ trực tiếp bằng các hình thức nhân dân tự quản, bằng việc xây dựng và thực hiện các quy ước, hương ước tại cơ sở. Đảng và Nhà nước tiếp tục đổi mới phong cách, bảo đảm dân chủ trong quá trình chuẩn bị ra quyết định và thực hiện các quyết định.

## **5. Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, có sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện quyền lực nhà nước**

Bắt đầu từ Đại hội Đảng lần thứ VII (năm 1991), với *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, quan điểm về sự tồn tại của ba quyền và sự phân công, phối hợp giữa ba nhánh quyền lực đó của Nhà nước mới được chính thức khẳng định trên cơ sở tiếp thu, kế thừa, phát triển, vận dụng vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Việt Nam, các tri thức của nhân loại và trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước.

Đến Hội nghị Trung ương lần thứ tám khóa VII (năm 1995) quan niệm của Đảng về ba quyền đã được bổ sung quan trọng: quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nghị quyết Đại hội XI và *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) đã quan tâm đến vấn đề kiểm soát quyền lực trong cơ chế tổ chức quyền lực nhà nước ở nước ta. Theo đó, nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp đã được hoàn thiện một bước quan trọng. Quan điểm về sự thống nhất quyền lực nhà nước, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát chặt chẽ giữa ba quyền là quan điểm có tính nguyên tắc chỉ đạo trong thiết kế mô hình tổ chức Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

## **6. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo**

Ở Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân là một tất yếu lịch sử, phù hợp với quy luật khách quan.

- Đối với dân tộc Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước, đối với xã hội không chỉ là tất yếu lịch sử, tất yếu khách quan mà còn ở chỗ sự lãnh đạo đó có cơ sở đạo lý sâu sắc và cơ sở pháp lý vững vàng.

Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản - đảng duy nhất cầm quyền đối với Nhà nước, không những không trái (mâu thuẫn) với bản chất nhà nước pháp quyền nói chung, mà là điều kiện có ý nghĩa tiên quyết đối với quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở nước ta. Trong ý nghĩa ấy, Nhà nước pháp quyền dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, một Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động, là một trong những đặc trưng cơ bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đối với Nhà nước, sự lãnh đạo của Đảng là lãnh đạo chính trị, quyết định phương hướng chính trị của Nhà nước, bảo đảm cho Nhà nước ta thực sự là tổ chức thực hiện quyền lực của Nhân dân, thực sự của dân, do dân và vì dân, để thực hiện thành công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước triển khai tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương của Đảng bằng các hoạt động quản lý nhà nước, tổ chức tạo điều kiện thuận lợi cho

Nhân dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại...

### III- THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ TRONG XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

#### 1. Những kết quả đạt được

- Quan điểm và thể chế về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được bổ sung, hoàn thiện một bước quan trọng và cơ bản. Nhận thức của các cấp, các ngành, của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân được nâng lên. Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định: “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức”.

- Nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước được quy định đầy đủ hơn trong Hiến pháp năm 2013: “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của tổ chức bộ máy nhà nước được xác định rõ hơn và có những bước tiến trong hoạt động. Vai trò của pháp luật

trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, trong quản lý xã hội ngày càng được đề cao. Cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước được xác định rõ hơn và trong tổ chức thực hiện đã có những bước tiến nhất định”.

- Quốc hội có nhiều đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động. Hệ thống pháp luật tiếp tục được hoàn thiện. Hoạt động giám sát của Quốc hội đã tập trung vào những vấn đề bức thiết, quan trọng của đất nước. Việc thảo luận, quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước, các dự án, công trình trọng điểm quốc gia có chất lượng và thực chất hơn. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội có nhiều đổi mới về tổ chức, nội dung, phương pháp hoạt động; trách nhiệm các đại biểu Quốc hội được nâng cao hơn.

- Chính phủ và các bộ tập trung hơn vào công tác quản lý, điều hành vĩ mô và giải quyết những vấn đề lớn, quan trọng. Cải cách hành chính tiếp tục được chú trọng và bước đầu đạt kết quả tích cực. Tổ chức thí điểm đổi mới về tổ chức chính quyền địa phương được tập trung chỉ đạo và tổng kết, rút kinh nghiệm.

Nhiều chủ trương, đường lối của Đảng về cải cách tư pháp được thể chế trong Hiến pháp, pháp luật và triển khai thực hiện nghiêm túc, đạt kết quả quan trọng. Tổ chức bộ máy của tòa án nhân dân, viện kiểm sát

nhân dân, cơ quan bổ trợ tư pháp tiếp tục được kiện toàn; chất lượng hoạt động có tiến bộ, bảo vệ tốt hơn lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; hạn chế tình trạng oan, sai.

## **2. Những hạn chế, bất cập**

- Chưa chế định rõ, đồng bộ, hiệu quả cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước ở các cấp. Tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của các thiết chế cơ bản trong bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa như Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, hệ thống tư pháp còn những điểm chưa hợp lý, hiệu quả. Chưa khắc phục được sự chồng chéo, vướng mắc về chức năng, nhiệm vụ giữa các thiết chế, ảnh hưởng tới sự thống nhất quyền lực nhà nước và hiệu quả hoạt động của Nhà nước.

- Hệ thống pháp luật thiếu đồng bộ, nhiều nội dung chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền, tính công khai, minh bạch, khả thi, ổn định còn hạn chế. Kỷ cương, kỷ luật trong quản lý nhà nước, thực thi công vụ còn nhiều yếu kém.

- Cải cách hành chính còn chậm, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu; thủ tục hành chính còn phức tạp, phiền hà, là rào cản lớn đối với việc tạo lập môi trường xã hội, môi trường kinh doanh lành mạnh, minh bạch, hiệu quả cho sự phát triển.

- Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương chậm đổi mới; hiệu lực, hiệu quả ở nhiều nơi chưa cao. Trách nhiệm giải trình của các cấp chính quyền chưa được quy định rõ ràng.

- Việc triển khai một số nhiệm vụ cải cách tư pháp còn chậm; vẫn còn tình trạng nhũng nhiễu, tiêu cực, oan sai, bỏ lọt tội phạm. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí chưa đạt yêu cầu đề ra; tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng.

### **3. Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm**

Những hạn chế, yếu kém nêu trên xuất phát từ những nguyên nhân chủ quan và khách quan cơ bản sau đây:

- Xuất phát điểm về kinh tế - xã hội thấp cùng những ảnh hưởng nặng nề của cơ chế quản lý kế hoạch hóa tập trung, bao cấp áp dụng trong một thời gian dài đã tác động không nhỏ đến quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Việc tìm tòi, xây dựng một mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong điều kiện nêu trên là một vấn đề rất khó khăn, hơn nữa đây còn là vấn đề mới về lý luận, chưa có tiền lệ trên thế giới, đòi hỏi sự tìm tòi, đúc kết kinh nghiệm một cách bền bỉ và kiên trì.

- Nhiều vấn đề lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam chưa được nghiên cứu một cách

cơ bản và có hệ thống, chưa xác định rõ vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp chưa được thể chế đầy đủ, rõ ràng về phương diện pháp luật; chưa tạo sự gắn kết, đồng bộ giữa cải cách hành chính với cải cách lập pháp, tư pháp. Quốc hội nước ta là một thiết chế hoạt động không thường xuyên, đại biểu Quốc hội phần lớn kiêm nhiệm, không chuyên nghiệp, lại thiếu phương pháp, công cụ mang tính chuyên môn nên tác động của giám sát tối cao của Quốc hội đối với Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao còn hạn chế. Việc thực hiện các hình thức giám sát như xem xét báo cáo, chất vấn tuy có tiến bộ nhưng về cơ bản vẫn đặt Quốc hội vào tình huống bị động trước những sự việc đã rồi. Các hình thức giám sát mạnh như bỏ phiếu tín nhiệm, thành lập ủy ban điều tra lâm thời tuy có quy định trong Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân nhưng chưa được thực hiện trên thực tế. Vai trò của Tòa án với tư cách là trung tâm của hệ thống tư pháp thực hiện việc giám sát hành vi vi phạm pháp luật, giải quyết các xung đột trong xã hội chưa được đề cao, nhất là trong việc phán quyết đối với cơ quan hành chính chưa đủ mạnh để góp phần hạn chế vi phạm pháp luật của cơ quan này.

- Tuy đã sớm thấy yêu cầu đổi mới và kiện toàn tổ chức, bộ máy, song chủ trương và tổ chức thực hiện không đồng bộ; thiếu những giải pháp đồng bộ, kiên quyết, kịp thời, hiệu quả nhằm đổi mới tổ chức, nâng cao năng lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước; sắp xếp tổ chức, bộ máy không đi đôi với đổi mới thể chế, chính sách, phương thức hoạt động. Đó là nguyên nhân khiến cho cơ cấu tổ chức, bộ máy lúc giảm, lúc tăng đầu mối, khi tách, khi nhập tổ chức bộ máy; biên chế ngày càng tăng.

- Chậm tổng kết lý luận và thực tiễn về mối quan hệ giữa sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước; sự đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng trong các lĩnh vực xây dựng Nhà nước, xây dựng và tổ chức thực hiện pháp luật, nhất là cải cách hành chính, cải cách tư pháp, xây dựng Đảng và chính quyền cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

- Công tác quy hoạch, kế hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức chưa ổn định nền việc bố trí, sử dụng công chức vẫn theo tình huống, bị động. Việc quản lý cán bộ, công chức chưa chuyển sang thực hiện quản lý nguồn nhân lực công vụ. Tình trạng chưa phù hợp giữa vị trí công tác với ngạch chức danh công chức còn phổ biến: công chức giữ ngạch thấp nhưng lại làm công việc của ngạch cao và ngược lại, công chức ở ngạch cao nhưng lại không đảm đương được chức trách, nhiệm vụ của ngạch đó.

## IV- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

### **1. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị**

Trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phải thực hiện dân chủ, tuân thủ các nguyên tắc pháp quyền và phải tạo ra sự chuyển biến tích cực, đạt kết quả cao hơn. Xây dựng Nhà nước pháp quyền phải tiến hành đồng bộ cả lập pháp, hành pháp, tư pháp và được tiến hành đồng bộ với đổi mới hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; gắn với đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp và pháp luật.

### **2. Hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ, phương thức và cơ chế vận hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa**

Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Nhà nước theo quy định của Hiến pháp năm 2013, đáp ứng các đòi hỏi của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp

và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. Phân định rõ hơn vai trò và hoàn thiện cơ chế giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường.

Trong những năm tới, đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Bảo đảm pháp luật vừa là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, vừa là công cụ để Nhân dân làm chủ, kiểm tra, giám sát quyền lực nhà nước. Quản lý đất nước theo pháp luật, đồng thời coi trọng xây dựng nền tảng đạo đức xã hội.

Xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước là thống nhất; xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của mỗi quyền. Đồng thời, quy định rõ hơn cơ chế phối hợp trong việc thực hiện và kiểm soát các quyền ở các cấp chính quyền. Tiếp tục phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương.

### **3. Hoàn thiện tổ chức và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước**

Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, bảo đảm Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất

của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Quốc hội thực hiện tốt chức năng lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao, nhất là đối với việc quản lý, sử dụng các nguồn lực của đất nước.

Tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp bảo đảm cơ cấu và tiêu chuẩn, nâng cao chất lượng đại biểu, tăng số lượng đại biểu hoạt động chuyên trách một cách hợp lý.

Hoàn thiện cơ chế để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan dân cử, nhất là hoạt động lập pháp của Quốc hội, đại biểu Quốc hội, cơ chế giám sát, đánh giá đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn. Tăng cường hơn nữa sự gắn kết giữa giám sát của Quốc hội với kiểm tra, giám sát của Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của Nhân dân.

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức Chính phủ, xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp và là cơ quan chấp hành của Quốc hội.

Đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước theo hướng xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, năng động, phục vụ Nhân dân, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Hoàn thiện thể chế hành chính dân chủ - pháp quyền, quy định trách nhiệm và cơ chế giải trình của

các cơ quan nhà nước; giảm mạnh và bãi bỏ những thủ tục hành chính gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp. Đề cao đạo đức công vụ, trách nhiệm xã hội, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo và thực thi công vụ của cán bộ, công chức; đẩy nhanh việc áp dụng Chính phủ điện tử.

Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, từng bước hiện đại; bảo vệ pháp luật, công lý, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân. Phân định rành mạch thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp trong tổ chức, hoạt động của các cơ quan tư pháp. Cụ thể hóa đầy đủ các nguyên tắc hiến định về chức năng, nhiệm vụ của Tòa án nhân dân và hoạt động xét xử.

Tổ chức tòa án theo thẩm quyền xét xử; bảo đảm nguyên tắc độc lập, nguyên tắc tranh tụng trong xét xử, bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo, của đương sự. Tiếp tục xã hội hóa một số hoạt động tư pháp và hỗ trợ tư pháp có đủ điều kiện.

Viện Kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp; được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức của Tòa án; tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra.

Kiện toàn tổ chức cơ quan điều tra, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan điều tra. Đồng thời, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của luật sư và chức danh bổ trợ tư pháp.

Về chính quyền địa phương: Trên cơ sở bảo đảm tính thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả của nền hành chính quốc gia, xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước của mỗi cấp chính quyền địa phương theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Việc hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương gắn kết hữu cơ với đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và hệ thống tổ chức chính trị - xã hội các cấp. Hoàn thiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với đặc điểm ở nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt theo luật định.

#### **4. Chú trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức**

Đảng tập trung lãnh đạo về đường lối, chủ trương, xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn, cơ chế, chính sách về cán bộ, công chức, trước hết là trong ngành tư pháp. Đẩy mạnh dân chủ hóa công tác cán bộ, quy định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của mỗi tổ chức, mỗi cấp

trong xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, có trình độ, năng lực chuyên môn phù hợp, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới. Thực hiện thí điểm dân trực tiếp bầu một số chức danh ở cơ sở và ở cấp huyện; mở rộng đối tượng thi tuyển chức danh cán bộ quản lý. Hoàn thiện tiêu chí đánh giá và cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực thi công vụ; xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính.

Rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách đối với cán bộ, công chức theo hướng khuyến khích cán bộ, công chức nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức công vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ; lấy bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực, hiệu quả thực thi nhiệm vụ để đánh giá, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ. Xây dựng cơ chế, chính sách đai ngộ, thu hút, trọng dụng nhân tài.

Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, hách dịch, cửa quyền; thực hành tiết kiệm trong các cơ quan nhà nước và trong đội ngũ cán bộ, công chức.

## Bài 6

# TOÀN CẦU HÓA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

## I- VẤN ĐỀ TOÀN CẦU HÓA

### 1. Các tiếp cận lý luận về quá trình toàn cầu hóa

Thuật ngữ “tGlobalization) xuất hiện năm 1961, nhưng phải đến năm 1980 thuật ngữ này mới được sử dụng rộng rãi.

Tliên ngành và *đa chiều* vì nó liên quan đến tất cả các hiện tượng xã hội đương đại. T

do khác nhau về cách tiếp cận vấn đề, về mục đích tìm hiểu toàn cầu hóa.

Toàn cầu hóa là kết quả tất yếu từ sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất là quan niệm được nhiều học giả thống nhất. Chúng là hệ quả của sự phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất trong các nền kinh tế riêng biệt, từ đó dẫn đến phá vỡ sự biệt lập của từng quốc gia, tạo ra mối quan hệ gắn kết, tương tác và phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia, dân tộc trên quy mô toàn cầu trong sự vận động, phát triển.

Tác động của các hành vi kinh tế toàn cầu dẫn tới hệ lụy của hệ thống chính trị thế giới, ngược lại chính trị lại có tác động to lớn hơn đối với kinh tế. Toàn cầu hóa về bản chất chính là sự tăng trưởng của hoạt động kinh tế đã vượt khỏi biên giới quốc gia và khu vực. Nói cách khác, toàn cầu hóa mang một nội dung chủ đạo là toàn cầu hóa kinh tế; phát triển kinh tế vừa là mục tiêu, vừa là động lực toàn cầu hóa. Đặc trưng phát triển kinh tế là một nhu cầu thực tế khách quan của nhân loại trong toàn cầu hóa hiện nay.

Làn sóng khoa học công nghệ ngày càng trở nên phổ biến, trình độ khoa học công nghệ ngày càng cao, khả năng ứng dụng rộng rãi trong tất cả các lĩnh vực đời sống. Việc hợp tác khai thác, sử dụng công nghệ làm cho các nước phụ thuộc vào nhau nhiều hơn. Các làn sóng phát triển khoa học công nghệ là chất xúc tác để các quốc gia

xích lại gần nhau hơn. Thành tựu khoa học công nghệ làm xóa nhòa biên giới địa lý của từng quốc gia, khoảng cách không gian trên thế giới càng hẹp lại giữa các châu lục. Toàn cầu hóa làm giảm tầm quan trọng của đường biên giới quốc gia và tăng cường những đặc tính lan tỏa ra ngoài biên giới bắt nguồn từ một nước hoặc một khu vực. Tức là, sự phụ thuộc lẫn nhau đến mức toàn diện và vai trò của đường biên giới quốc gia giảm dần.

Toàn cầu hóa, xét về bản chất, là quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, sự ảnh hưởng, tác động lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, các dân tộc trên toàn thế giới. Toàn cầu hóa thể hiện sự biến đổi tương quan giữa quan hệ sản xuất nhằm tới sự điều chỉnh thích ứng lực lượng sản xuất biến thiên liên tục trên quy mô thế giới.

Toàn cầu hóa làm cho các nền kinh tế quốc gia bị hòa nhập vào và được cấu trúc lại trên quy mô quốc tế thông qua một loạt quy trình, giao lưu, trao đổi. Như vậy, toàn cầu hóa không chỉ là sự phụ thuộc lẫn nhau, dù là phụ thuộc toàn diện giữa các nền kinh tế, mà là sự hòa nhập các nền kinh tế này để xu thế hình thành nên một nền kinh tế toàn cầu thống nhất.

Luận điểm cơ bản chứng minh nasc thang phát triển của lực lượng sản xuất trong lịch sử dẫn tới hiện tượng quốc tế hóa, sau nay là toàn cầu hóa, thuộc về Mác.

Trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (năm 1848), C. Mác và Ph. Ăngghen không sử dụng thuật ngữ “toute caisse” nhưng nhấn mạnh tới *tính thế giới* trong quá trình sản xuất, lưu thông, *thị trường thế giới* liên kết các nền kinh tế ở khắp mọi nơi, *sự phụ thuộc phổ biến* giữa các dân tộc về nhiều mặt, như sản xuất vật chất và văn hóa tinh thần.

Nhờ có nhiều thành tựu khoa học - kỹ thuật, nhiều phát kiến địa lý và khai phá các thị trường mới ở các châu lục, các nguồn lực và dòng sản phẩm được lưu chuyển khắp toàn cầu: “Vì luôn luôn bị thúc đẩy bởi nhu cầu về những nơi tiêu thụ sản phẩm, giai cấp tư sản xâm lấn khắp toàn cầu. Nó phải xâm nhập vào khắp nơi, trụ lại ở khắp nơi và thiết lập những mối liên hệ ở khắp nơi. Do bóp nặn thị trường thế giới, giai cấp tư sản đã làm cho sản xuất và tiêu dùng của tất cả các nước mang tính chất thế giới”<sup>1</sup>.

Tính chất thế giới của việc sản xuất và tiêu dùng thể hiện rõ trong sự liên kết quá trình sản xuất, ngành nghề sản xuất, mạng lưới nguyên vật liệu giữa nhiều quốc gia, dân tộc: “... những ngành công nghiệp không dùng những nguyên liệu bản xứ mà dùng những nguyên liệu đưa từ những miền xa xôi nhất trên trái đất đến và sản phẩm làm ra không những được tiêu

---

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.601.

thụ ngay trong xứ mà còn được tiêu thụ ở tất cả các nơi trên trái đất nữa. Thay cho những nhu cầu cũ được thỏa mãn bằng những sản phẩm trong nước, thì nảy sinh ra những nhu cầu mới, đòi hỏi được thỏa mãn bằng những sản phẩm đưa từ những miền và xứ xa xôi nhất về. Thay cho tình trạng cô lập trước kia của các địa phương và dân tộc vẫn tự cung tự cấp, ta thấy phát triển những quan hệ phổ biến, sự phụ thuộc phổ biến giữa các dân tộc”<sup>1</sup>.

Một điểm đáng lưu ý mà C. Mác và Ph. Ăngghen đề cập trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là dự báo về sự liên kết phụ thuộc của các dân tộc không chỉ về kinh tế mà cả sự hội nhập nhiều lĩnh vực khác, chẳng hạn về tinh thần: “... sản xuất vật chất đã như thế thì sản xuất tinh thần cũng không kém như thế. Những thành quả của hoạt động tinh thần của một dân tộc trở thành tài sản chung của tất cả các dân tộc. Tính chất đơn phương và phiến diện dân tộc ngày càng không thể tồn tại được nữa; và từ những nền văn học dân tộc và địa phương, muôn hình muôn vẻ, đang nảy nở ra một nền văn học toàn thế giới”<sup>2</sup>.

Như vậy, theo quan điểm mácxít, bản chất của toàn cầu hóa có tính hai mặt. Cụ thể như sau:

---

1, 2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr. 601, 602.

*Một mặt*, toàn cầu hóa là xu thế khách quan gắn liền với sự phát triển của nền sản xuất xã hội, lực lượng sản xuất và phân công lao động quốc tế. Bản chất khách quan của toàn cầu hóa được quy định bởi tính tất yếu khách quan của quá trình quốc tế hóa. Những phát kiến địa lý, giao thông vận tải đã mở ra cơ hội cho quá trình quốc tế hóa kinh tế vào thế kỷ XV, nhưng tiến trình này chỉ thực sự tăng tốc sau cách mạng công nghiệp ở Anh. Quá trình quốc tế hóa mang tính tất yếu khách quan, do đòi hỏi của bản thân nền sản xuất, đặc biệt là do sự phát triển của lực lượng sản xuất. Cách mạng khoa học - công nghệ tạo tiền đề cho bước quá độ từ cơ sở vật chất - kỹ thuật truyền thống sang cơ sở vật chất - kỹ thuật hoàn toàn mới về chất ở một số nước kinh tế phát triển.

Dưới sự tác động của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, loài người đang từng bước tiến vào kinh tế tri thức, lực lượng sản xuất mang tính chất xã hội hóa cao độ, phân công lao động quốc tế ngày càng sâu rộng, quốc tế hóa nền kinh tế và đời sống xã hội, thúc đẩy kinh tế thị trường phát triển, đồng thời tạo ra những phương tiện có hiệu quả đẩy nhanh quá trình toàn cầu hóa.

*Mặt khác*, toàn cầu hóa trong giai đoạn hiện nay gắn liền với chủ nghĩa tư bản và hiện đang bị chủ nghĩa tư bản, nhất là các nước tư bản phát triển chi phối, lợi dụng để phục vụ cho mục đích của họ. Hay nói cách

khác, toàn cầu hóa hiện nay đang trong quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản.

Theo lôgích của C. Mác, quá trình quốc tế hóa kinh tế dù mang trong nó yếu tố khách quan, nhưng bên trong nó và thúc đẩy nó luôn là ý muốn áp đặt chủ quan của những thế lực nắm giữ sức mạnh kinh tế. Nói cách khác, toàn cầu hóa không phải là cái gì khác ngoài kết quả của tính tất yếu khách quan của sản xuất và ý đồ chủ quan của chủ nghĩa tư bản vì mục tiêu lợi nhuận.

## **2. Những cơ sở thực tế thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa**

### *a) Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ*

Sự phát triển của khoa học công nghệ làm thay đổi căn bản nền tảng cơ sở và phương thức giao dịch giữa các nước trên thế giới. Nền công nghệ cơ khí về cơ bản vẫn là một nền công nghệ có tính quốc gia, vì nó luôn phải lấy thị trường trong nước làm chính. Hiệu năng của nền công nghệ cơ khí chưa cho phép các quan hệ kinh tế quốc tế có thể phát triển xa hơn xét về mặt hiệu quả kinh tế.

Nhưng trong những thập kỷ gần đây, công nghệ thông tin và vận tải đã có những tiến bộ vượt bậc, làm giảm chi phí vận tải quốc tế xuống cả chục lần và giảm chi phí liên lạc viễn thông xuống tới vài trăm lần. Tiến bộ khoa học - công nghệ đã có tác động đến toàn bộ các

quan hệ kinh tế quốc tế, biến các công nghệ có tính quốc gia thành công nghệ toàn cầu. Các công nghệ sản xuất xe máy, ôtô, máy tính điện tử, máy bay... ngày càng có tính toàn cầu sâu rộng, thể hiện từ khâu sản xuất (được phân công chuyên môn hóa ở nhiều nước), đến khâu phân phối (tiêu thụ toàn cầu). Có những công nghệ ngay khi ra đời đã có tính toàn cầu như công nghệ vệ tinh viễn thông.

Chính khoa học - công nghệ sáng tạo ra những ứng dụng rộng rãi cho nhiều quốc gia, góp phần cho sự đẩy mạnh quá trình toàn cầu hóa. Nhờ có công nghệ phát triển, sự hợp tác giữa các quốc gia, các tập đoàn được mở rộng từ sản xuất đến phân phối dịch vụ trên phạm vi toàn cầu, quan hệ tùy thuộc lẫn nhau cùng có lợi phát triển.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã bắt đầu từ những năm 2000, đặc trưng bởi sự hợp nhất, không có ranh giới giữa các lĩnh vực công nghệ, vật lý, kỹ thuật số và sinh học. Đây là xu hướng kết hợp giữa các hệ thống ảo và thực thể, vạn vật kết nối internet (IoT) và các hệ thống kết nối internet (IoS).

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư làm thay đổi cách thức sản xuất và chế tạo. Trong các “nhà máy thông minh”, máy móc được kết nối internet và liên kết với nhau qua một hệ thống có thể tự hình dung toàn bộ quy trình sản xuất rồi đưa ra quyết định sẽ thay thế

dần các dây chuyền sản xuất trước đây. Nhờ khả năng kết nối của hàng tỉ người trên thế giới thông qua các thiết bị di động và khả năng tiếp cận được với cơ sở dữ liệu lớn, tính năng xử lý thông tin sẽ được nhân lên bởi những đột phá công nghệ trong các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo, công nghệ người máy, internet kết nối vạn vật, xe tự lái, công nghệ in ba chiều, công nghệ nano, công nghệ sinh học, khoa học vật liệu, lưu trữ năng lượng và tính toán lượng tử.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động to lớn về kinh tế, xã hội và môi trường ở tất cả các cấp độ, từ toàn cầu, khu vực đến từng quốc gia. Kinh tế thế giới đang bước vào giai đoạn tăng trưởng chủ yếu dựa vào động lực không có trần giới hạn là công nghệ và đổi mới sáng tạo, thay cho tăng trưởng chủ yếu dựa vào các yếu tố đầu vào luôn có trần giới hạn.

*b) Các quan hệ kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng*

Một nền công nghệ toàn cầu xuất hiện là cơ sở cho các quan hệ kinh tế toàn cầu phát triển, đầu tiên là các quan hệ thương mại. Chi phí vận tải và liên lạc giảm đi thì khả năng bán hàng tại các thị trường xa tăng lên, thương mại toàn cầu phát triển. Đồng thời, quá trình phân công, chuyên môn hóa sản xuất có điều kiện diễn ra giữa các quốc gia và châu lục. Các quan hệ sản xuất, thương mại có tính toàn cầu đã kéo theo các dòng tiền tệ, vốn, dịch vụ... vận động trên phạm vi toàn cầu.

Thương mại điện tử xuất hiện, trở thành một hình thức buôn bán không biên giới đầy triển vọng.

Nhu cầu nội tại của các nước ngày càng lớn thúc đẩy vươn ra khỏi biên giới quốc gia để tìm kiếm những quan hệ giao dịch mới. Việc hợp tác, liên kết để phát huy các lợi thế so sánh và tận dụng nguồn lực trở nên dễ dàng nhờ thành tựu của khoa học - công nghệ và sự chuyển đổi sang tư duy mở là những tác nhân góp phần cho quá trình toàn cầu hóa diễn ra trên thực tế.

c) Nhiều vấn đề toàn cầu đòi hỏi sự phối hợp nhiều quốc gia

Về phương pháp luận, những vấn đề toàn cầu bao gồm: *Thứ nhất*, các vấn đề có quan hệ trực tiếp đến hoạt động sống của mọi người trên trái đất, không phân biệt địa vị giai cấp, chính trị - xã hội; đến sự phát triển của toàn thể nhân loại, đến vận mệnh của các quốc gia dân tộc. *Thứ hai*, những vấn đề toàn cầu đều thể hiện là nhân tố khách quan của sự phát triển xã hội và thể hiện ở mọi nơi trên trái đất. *Thứ ba*, tất cả những vấn đề toàn cầu đều đòi hỏi phải được giải quyết vì nếu không được giải quyết thì chúng sẽ đe dọa phá hủy cơ sở tồn tại của chính con người. *Thứ tư*, việc giải quyết các vấn đề toàn cầu đòi hỏi phải có sự đầu tư về phương tiện vật chất, sự hợp tác quốc tế về mọi mặt không phân biệt chế độ xã hội, tôn giáo, chính kiến, hệ tư

tưởng; đòi hỏi sự nỗ lực tối đa của cả nhân loại cả về mặt nhận thức lẫn về những hành động thực tế.

Sự phối hợp của các quốc gia trong việc xử lý các vấn đề toàn cầu làm cho quan hệ của các quốc gia ngày càng phụ thuộc vào nhau nhiều hơn. Tất yếu hình thành các cơ chế hợp tác, phối hợp chung cho các vấn đề toàn cầu. Các nhà nước buộc phải đưa ra nhiều hành động chung vì lợi ích của cộng đồng thế giới. Từ đó, hình thành nên các thể chế quốc tế vận hành trên phạm vi toàn cầu nhằm thực thi các cơ chế mang tính toàn cầu.

## II- HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

### **1. Quá trình hình thành chủ trương, đường lối, chính sách hội nhập quốc tế của Đảng ta**

#### *a) Về hội nhập kinh tế quốc tế*

Ngay sau khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nhà nước ta đã chủ trương tham gia các thể chế kinh tế quốc tế. Lời kêu gọi trong thư gửi Liên hợp quốc tháng 12/1946 của Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực:

#### *a) Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho*

đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình.

b) Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế.

c) Nước Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc...”<sup>1</sup>.

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, trong đó có chiến tranh kéo dài và cục diện đối đầu hai cực trên thế giới, nước ta bị bao vây, cấm vận nhiều năm, quan hệ kinh tế quốc tế của nước ta chủ yếu với các nước xã hội chủ nghĩa. Từ năm 1978, Việt Nam tham gia liên kết, hợp tác kinh tế quốc tế trong khuôn khổ của Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) gồm một số nước xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Liên Xô; nhưng với cơ chế hoạt động của SEV, tác động của quá trình này đối với kinh tế nước ta thường chỉ một chiều, chưa tạo ra sự thay đổi lớn cho nền kinh tế trong nước.

Từ Đại hội VI (năm 1986), khi bắt đầu tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, Đảng ta chủ trương “... tham gia sự phân công lao động quốc tế;... tranh thủ mở mang quan hệ kinh tế và khoa học -

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr. 523.

kỹ thuật với các nước thế giới thứ ba, các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi”<sup>1</sup>.

Tại Đại hội VII, VIII của Đảng, đặc biệt tại Hội nghị Trung ương 4 khóa VIII, Đảng ta đã nhấn mạnh: “Chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết về cán bộ, luật pháp và nhất là về những sản phẩm mà chúng ta có khả năng cạnh tranh để hội nhập thị trường khu vực và thị trường quốc tế. Tiến hành khẩn trương, vững chắc việc đàm phán hiệp định thương mại với Mỹ, gia nhập APEC và WTO. Có kế hoạch cụ thể để chủ động thực hiện các cam kết trong khuôn khổ AFTA”<sup>2</sup>.

Đại hội IX của Đảng đưa ra chủ trương “chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực...”<sup>3</sup>. Tiếp đó, Bộ Chính trị khóa IX đã ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TW về hội nhập kinh tế quốc tế. Nghị quyết Trung ương 9 khóa IX đã nhấn mạnh: “Chủ động và khẩn trương hơn trong hội nhập kinh tế quốc tế, chuẩn bị tốt các điều kiện trong nước để thực hiện đầy đủ các cam kết quốc

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.47, tr.415.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.56, tr.612.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.60, tr.147.

tế đa phương và song phương, nước ta đã ký và sớm gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)”<sup>1</sup>.

Đại hội X xác định phải “Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế”<sup>2</sup>.

b) *Chủ trương hội nhập quốc tế*

Đại hội XI đã xác định: Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Đại hội XII tiếp tục khẳng định: “thực hiện nhất quán đường lối đổi ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”<sup>3</sup>.

Để thực hiện mục tiêu đó, Đại hội XII yêu cầu: “Triển khai mạnh mẽ định hướng chiến lược chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Bảo đảm hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và cả hệ thống chính trị, đẩy mạnh hội nhập trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy quá trình nâng cao sức mạnh tổng hợp, năng lực cạnh tranh của đất nước; hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.63, tr.59.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Sđd, tr.112.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.153.

phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế; hội nhập là quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh, chủ động dự báo, xử lý linh hoạt mọi tình huống, không để rơi vào thế bị động, đối đầu, bất lợi”<sup>1</sup>.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, xác định: “Kiên định đường lối đổi ngoại độc lập, tự chủ; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế vì lợi ích quốc gia - dân tộc là định hướng chiến lược lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vận dụng sáng tạo các bài học kinh nghiệm và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn, nhất là mối quan hệ giữa tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng”<sup>2</sup>.

Thực hiện tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội nhằm tăng cường khả năng tự chủ của nền kinh tế, mở rộng thị trường, tranh thủ thêm vốn, công nghệ, tri thức, kinh nghiệm

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.154-155.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.84.

quản lý, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững, nâng cao đời sống nhân dân; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, đặc biệt là xây dựng thế trận lòng dân vững chắc. Kết hợp tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế để duy trì môi trường hòa bình, ổn định, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh. Chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động chung về quốc phòng, an ninh tại khu vực và quốc tế phù hợp với lợi ích và khả năng của Việt Nam.

Đẩy mạnh, nâng tầm công tác đối ngoại đa phương; chủ động, tích cực tham gia các định chế đa phương, góp phần vào quá trình định hình các cấu trúc khu vực và toàn cầu; tích cực tham gia vào những vấn đề quan trọng đối với an ninh và phát triển của đất nước.

Như vậy, sau hơn 30 năm đổi mới, từ nhận thức đúng đắn tính tất yếu khách quan và những vấn đề của toàn cầu hóa, Đảng ta đã xác định rõ chủ trương hội nhập quốc tế và khu vực.

## **2. Những quan điểm chỉ đạo trong quá trình hội nhập quốc tế**

Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về hội nhập kinh tế quốc tế, Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 05/02/2007 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), đồng thời thực hiện Nghị quyết Đại hội XI về chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, Bộ Chính trị khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 “về hội nhập quốc tế”. Nghị quyết xác định rõ quan điểm chỉ đạo là: “Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở giữ vững đường lối đổi ngoại độc lập tự chủ, vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì hòa bình, hợp tác và phát triển, chính sách đổi ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế; quán triệt và vận dụng sáng tạo các bài học kinh nghiệm và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn được tổng kết trong Cương lĩnh”<sup>1</sup>. Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 08/8/2018 của Ban Bí thư về “Đẩy mạnh và nâng tầm đổi ngoại đa phương đến năm 2030” đề ra mục tiêu tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia, nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước; nâng cao hiệu quả hội nhập

---

1. Bộ Tư pháp: Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật, <http://vbpl.vn/botuphap/Pages/vbqf-luocdo.aspx?ItemID=76694>.

quốc tế, tranh thủ tối đa các điều kiện và nguồn lực quốc tế để phát triển đất nước nhanh, bền vững, không ngừng nâng cao đời sống nhân dân, sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại...

Trong quá trình thực hiện, cần chú trọng một số quan điểm sau:

*Một là*, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế là định hướng chiến lược lớn của Đảng nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

*Hai là*, hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Mọi cơ chế, chính sách phải phát huy tính chủ động, tích cực và khả năng sáng tạo của tất cả các tổ chức, cá nhân, khai thác hiệu quả các tiềm năng của toàn xã hội, của các tầng lớp nhân dân, bao gồm cả cộng đồng người Việt Nam đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

*Ba là*, hội nhập quốc tế trên cơ sở phát huy tối đa nội lực; gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy quá trình hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hiện đại hóa kết cấu hạ tầng, nâng cao sức mạnh tổng hợp và năng lực cạnh tranh quốc gia; gắn kết chặt chẽ với việc tăng cường mức độ liên kết giữa các vùng, miền, khu vực trong nước.

*Bốn là*, hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập

kinh tế và góp phần tích cực vào phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, thúc đẩy phát triển văn hóa, xã hội; hội nhập trong các lĩnh vực phải được thực hiện đồng bộ trong một chiến lược hội nhập quốc tế tổng thể với lộ trình, bước đi phù hợp với điều kiện thực tế và năng lực của đất nước.

*Năm là*, hội nhập quốc tế là quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh; kiên định lợi ích quốc gia, dân tộc; chủ động dự báo, xử lý linh hoạt mọi tình huống, không để rơi vào thế bị động, đối đầu; không tham gia vào các tập hợp lực lượng, các liên minh của bên này chống bên kia.

*Sáu là*, nghiêm chỉnh tuân thủ các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia; chủ động, tích cực tham gia xây dựng và tận dụng hiệu quả các quy tắc, luật lệ quốc tế và tham gia các hoạt động của cộng đồng khu vực và quốc tế; chủ động đề xuất sáng kiến, cơ chế hợp tác trên nguyên tắc cùng có lợi; củng cố và nâng cao vai trò trong cộng đồng khu vực và quốc tế, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

### **3. Tác động của toàn cầu hóa, khu vực hóa tới Việt Nam**

#### *a) Tác động tích cực*

- Thúc đẩy mạnh lực lượng sản xuất, góp phần tăng

tốc độ tăng trưởng, làm thay đổi bộ mặt xã hội và cải thiện đời sống nhân dân. Năng lực sản xuất của nền kinh tế quốc dân được tăng cường nhờ vào tận dụng ngoại lực để thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, theo đó cơ sở vật chất - kỹ thuật được cải thiện, nâng cao năng suất lao động xã hội. Nền kinh tế có thêm tích lũy cho quá trình tái sản xuất mở rộng và tăng phúc lợi xã hội cho Nhân dân. Đời sống của Nhân dân dần được cải thiện và tiếp cận với những thành tựu, hàng hóa và dịch vụ tiên tiến từ nước ngoài.

- Tạo khả năng bù trừ nguồn lực phát triển; đẩy mạnh việc chuyển giao khoa học - công nghệ, kinh nghiệm quản lý, trí tuệ. Việt Nam có thể tiếp cận với các nước và trung tâm kinh tế phát triển toàn cầu nhằm thu hút nhiều nguồn lực thiết thực cho nền kinh tế Việt Nam như vốn, khoa học - công nghệ, chất xám, hàng hóa chất lượng cao, v.v.. Nền kinh tế mở tạo ra nhiều cơ hội cho các chủ thể xã hội và cá nhân tiếp cận với nguồn lực phát triển bên ngoài, trên cơ sở đó kết hợp ngoại và nội lực để tạo ra động lực tăng trưởng cho nền kinh tế Việt Nam.

- Tạo ra khả năng phát triển rút ngắn của các nước đi sau. Mô hình phát triển rút ngắn đã được chứng minh thông qua quá trình công nghiệp hóa rút ngắn thành công của một số nước và vùng lãnh thổ như NICs, gồm Hàn Quốc, Đài Loan, Xingapo, v.v.. Về lý thuyết, cơ hội phát triển rút ngắn là hiện thực đối với

Việt Nam nếu chúng ta biết tận dụng lợi thế so sánh của nội tại và tận dụng khôn ngoan yếu tố bên ngoài của thời đại toàn cầu hóa.

- Đổi mới tư duy kinh tế của Nhà nước trong quản trị nền kinh tế trong nước và hoạt động kinh tế đối ngoại. Thông qua trao đổi khoa học, nghiên cứu học thuật, giáo dục và đào tạo, Việt Nam có thể nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong mọi lĩnh vực của nền kinh tế, trong đó có nguồn nhân lực tham gia vào quá trình hoạch định chính sách và quản trị công. Việt Nam có thể học hỏi nhiều lý luận, học thuyết phát triển, quản trị xã hội để quản trị sự phát triển của Việt Nam theo mục tiêu đã lựa chọn. Đội ngũ lãnh đạo có thể nâng cao năng lực, củng cố tri thức khoa học quản lý, tránh chủ nghĩa kinh nghiệm trong quản lý kinh tế - xã hội Việt Nam trong quá trình hội nhập toàn diện đời sống toàn cầu. Tư duy theo kiểu “con người kinh tế” được nuôi dưỡng trong từng cá nhân, công ty và thể chế quản lý, góp phần quan trọng phát triển tư duy thị trường trong tiếp cận chính sách và vận hành chính sách trong hội nhập toàn cầu.

*b) Tác động không thuận, ngoài mong muốn*

- Sự phân phôi của cải trở nên bất bình đẳng, khoảng cách giàu nghèo càng rộng giữa các quốc gia và khu vực. Toàn cầu hóa dẫn đến sự phân phôi không đều về lợi ích và cơ hội phát triển cho các quốc gia. Trong sân chơi cạnh tranh, các quốc gia phát triển có ưu thế lớn vì

sản phẩm của họ tạo ra có lợi thế cạnh tranh về giá cả và chất lượng trong khi các nước đang phát triển như Việt Nam rơi vào bất lợi vì chi phí và chất lượng hàng hóa và dịch vụ, chẳng hạn những sản phẩm hàm chứa nhiều lao động thô, ít chất xám, nguyên vật liệu thô, ít được tinh chế, giá trị gia tăng của hàng hóa xuất khẩu Việt Nam thấp hơn rất nhiều so với giá trị gia tăng xuất khẩu của các nước tiên tiến.

- Hội nhập sâu rộng vào mọi mặt của quá trình toàn cầu hóa gây ảnh hưởng tới quyền lực nhà nước, tác động tới bản sắc dân tộc, giá trị truyền thống. Việt Nam hội nhập vào cộng đồng thế giới gắn với nền kinh tế thị trường trình độ cao, do đó Việt Nam phải tự điều chỉnh để thích ứng với thế giới bên ngoài.

Hội nhập vào đời sống văn hóa - tinh thần toàn cầu nên hiện tượng giao thoa văn hóa dễ dàng diễn ra. Việt Nam có thể học hỏi những giá trị tích cực từ các nền văn minh khác, ngược lại người nước ngoài cũng có thể học hỏi những giá trị tích cực của dân tộc Việt Nam. Trong quá trình hội nhập, một số giá trị mới từ nước ngoài có thể vào Việt Nam và được mọi người chấp nhận, ngược lại một số giá trị cũ không còn phù hợp sẽ bị loại bỏ. Kết cục là việc điều chỉnh hành vi và thay đổi một số giá trị diễn ra trong xã hội và các cộng đồng dân cư Việt Nam.

- Nguy cơ bị tổn thương lớn khi nền kinh tế thế giới bất ổn. Toàn cầu hóa làm cho các quốc gia xích lại gần

nhau về mọi mặt, nhưng cũng làm cho các quốc gia phụ thuộc với nhau nhiều hơn. Mỗi nền kinh tế trở thành một mắt xích trong hệ thống kinh tế toàn cầu, do vậy một khi một khâu nào đó bất ổn sẽ tác động cho các mắt xích bên cạnh, gây hiệu ứng domino toàn cầu. Những mắt xích nào yếu nhất sẽ đối mặt với nguy cơ bất ổn lớn nhất.

#### **4. Giải pháp đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong những năm tới**

*Thứ nhất, đổi mới tư duy về hội nhập quốc tế.*

Đổi mới cách nghĩ, cách làm trong tham gia các hoạt động hội nhập, liên kết quốc tế theo hướng “chủ động tham gia, tích cực để xuất và đóng góp”. Tư duy mới là nâng lên tầm khu vực và toàn cầu - đó là tư duy của một Cộng đồng ASEAN 600 triệu dân, một thị trường, không gian kinh tế rộng lớn của 56 đối tác FTA đại diện 65% dân số, 95% GDP và 84% thương mại thế giới. Cách làm mới là liên kết, hợp tác liên ngành, đa ngành và đa phương, bền vững nhằm phát huy lợi thế cạnh tranh của địa phương, doanh nghiệp trong quá trình cạnh tranh gay gắt với các đối tác lớn, mạnh hơn.

*Thứ hai, tận dụng tốt các hình thức quan hệ kinh tế đối ngoại bằng các chủ trương, chính sách phù hợp.*

Đối với Việt Nam, các hình thức hoạt động kinh tế đối ngoại phải vận dụng linh hoạt và lồng ghép phù hợp nhằm phát huy ưu điểm của từng loại hình hoạt động. Thông qua thương mại và đầu tư quốc tế, nền kinh tế

Việt Nam có thể thu hút và sử dụng những nguồn lực thiết thực cho giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, như tư bản, khoa học - công nghệ, công nghệ quản lý tiên tiến, kỹ năng lao động tinh xảo, kinh nghiệm kinh doanh quốc tế, v.v..

Quan hệ kinh tế đối ngoại mở rộng thông qua nhiều hình thức hoạt động như hợp tác trong sản xuất - kinh doanh, hợp tác trong giáo dục - đào tạo và khoa học công nghệ, du lịch, các loại dịch vụ thanh toán quốc tế và quá cảnh, kênh vận động hành lang (lobby), v.v.. Trong điều kiện hiện đại, vận động hành lang trong kinh tế trở thành hình thức quan trọng và thiết thực trên sân chơi quốc tế.

Đại hội XII nhấn mạnh đến việc nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước về kinh tế - xã hội, trong đó, hội nhập quốc tế cần được quan tâm đặc biệt.

Đổi mới cơ chế quản lý hoạt động kinh tế đối ngoại theo hướng vừa đảm bảo tăng cường sự quản lý thống nhất của Nhà nước, vừa mở rộng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, khả năng tiếp xúc tìm hiểu thị trường của từng đơn vị kinh tế. Tăng cường sự phối hợp giữa các bộ, các ngành nhằm tạo sức mạnh tổng hợp đảm bảo thực hiện nghiêm túc những nguyên tắc, mục tiêu hội nhập kinh tế quốc tế.

*Thứ ba, phát huy lợi thế so sánh trong thương mại quốc tế.*

Việt Nam có tài nguyên thiên nhiên và vị trí địa lý thuận lợi cho phát triển kinh tế đối ngoại. Điều quan

trong là phải biến tiềm năng thành giá trị sử dụng hiện thực, góp phần đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại trong thời gian tới.

Phát huy lợi thế so sánh cần phải xuất phát từ tư duy kinh tế mới: nền kinh tế chỉ sản xuất những gì có thể cạnh tranh, trao đổi lấy những cái mà nền kinh tế không đủ sức hay sản xuất trong nước không hiệu quả. Vì thế, cần phải xác định lợi thế và chuyên môn hóa sản xuất các loại hàng hóa và dịch vụ phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng nước ngoài với chi phí cá biệt quốc gia thấp hơn chi phí trung bình quốc tế về loại ngành hàng đó.

Thay đổi cơ cấu xuất khẩu theo hướng nâng cao tỷ trọng hàng hóa chế biến và giá trị gia tăng, giảm tỷ trọng hàng hóa thô và ít chế biến. Điều này sẽ làm tăng năng lực cạnh tranh ngành hàng Việt Nam trên thế giới, tích luỹ thêm giá trị gia tăng từ hàng xuất khẩu. Hơn nữa, cơ cấu hàng xuất khẩu thay đổi tích cực góp phần tiết kiệm nguồn tài nguyên thô trong nước, duy trì phát triển bền vững cho thế hệ sau.

*Thứ tư, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.*

Việt Nam cần hoàn thiện nhiều yếu tố để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia khi tham gia sân chơi cạnh tranh toàn cầu. Đây là nhiệm vụ của quốc gia, liên quan chặt chẽ tới nhiều mặt của nền kinh tế, gồm thể chế, luật lệ, kết cấu hạ tầng, hệ thống thị trường, con người và tư duy kinh tế.

Trong điều kiện hội nhập toàn diện vào nền kinh tế toàn cầu, trước hết Việt Nam cần phải không ngừng hoàn thiện thể chế luật pháp nhằm tạo tương thích với sân chơi thị trường thế giới hiện đại. Hệ thống thị trường cần phải được phát triển đầy đủ theo đúng bản chất vốn có của chúng. Kết cấu hạ tầng vật chất - kỹ thuật và xã hội, khoa học và công nghệ là những tác nhân quyết định tới năng lực cạnh tranh ngành và nền kinh tế quốc dân.

*Thứ năm, nâng cao tri thức về kinh doanh và luật lệ quốc tế trong hội nhập quốc tế.*

Đây là khối tri thức và thông tin cực kỳ quan trọng đối với Việt Nam khi hội nhập sâu hơn và toàn diện hơn vào đời sống kinh tế quốc tế. Tri thức và kinh nghiệm hoạt động thị trường của Việt Nam còn quá non trẻ so với các quốc gia trên thế giới. Việc tiếp cận để học hỏi đối tác và điều chỉnh bản thân phù hợp với luật chơi thị trường toàn cầu đòi hỏi nhiều nỗ lực của mỗi cá nhân, doanh nghiệp và cơ quan quản trị công của Việt Nam.

Nguồn nhân lực có tri thức quản trị kinh doanh quốc tế như lãnh đạo, tổng giám đốc doanh nghiệp và thầu hiếu hệ thống pháp luật quốc tế cần phải được đào tạo thông qua kênh hợp tác về đào tạo và khoa học - công nghệ. Mặt khác, nguồn nhân lực chất lượng cao này cũng có thể đào tạo tại chỗ trong các chi nhánh tập đoàn đa quốc gia và xuyên quốc gia đang hoạt động tại Việt Nam.

Đẩy mạnh nâng cao năng lực thực thi hội nhập quốc tế; tăng cường xây dựng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, có tri thức, kiến thức, kỹ năng hội nhập và kỹ năng nghề, đồng thời các cơ quan, hiệp hội cần đẩy mạnh đổi mới quản lý phù hợp tình hình, nhất là trong tình hình có nhiều yếu tố bất ổn, bất định. Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ, đội ngũ luật sư, đào tạo nghề, gắn với nhu cầu xã hội và yêu cầu của hội nhập quốc tế nước ta.

*Thứ sáu, hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, phù hợp với luật pháp và thông lệ quốc tế.*

Tích cực điều chỉnh những điều luật hiện có và bổ sung những điều luật còn thiếu trong nền kinh tế, đặc biệt trong lĩnh vực quan hệ kinh tế đối ngoại.

Nâng cao hiệu lực của pháp luật cho mọi hoạt động kinh tế đối ngoại. Giữ chữ tín với các đối tác, cải thiện các thủ tục, tránh phiền hà, kém văn minh,...

Hoàn thiện thể chế pháp lý hướng tới hài hòa hóa chính sách với các cam kết quốc tế; hình thành các chiến lược lớn về hội nhập quốc tế, tham gia FTA; rà soát và đẩy mạnh triển khai lộ trình thực hiện các cam kết quốc tế... Hiện nay rất cần hiệp hội và doanh nghiệp đóng góp ý kiến, đề xuất để hình thành các yêu cầu, cam kết của ta trong tham gia các thỏa thuận quốc tế, các đàm phán FTA.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. C. Mác và Ph. Ănghen: *Toàn tập*, tập 19, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, các tập 51, 55, 60, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Triết học Mác - Lênin (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

9. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
10. Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP): *Các báo cáo phát triển thường niên*.
11. Nguyễn Văn Dân: *Những vấn đề toàn cầu hóa kinh tế*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001.
12. Đặng Hữu (Chủ biên): *Phát triển kinh tế tri thức - rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
13. Đỗ Hoài Nam (Chủ biên): *Một số vấn đề về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003.
14. GS.TS. Đỗ Hoài Nam: *Vị trí cầm quyền và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong điều kiện mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
15. PGS.TS. Vũ Thanh Sơn (Chủ biên): *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lenin, Tập II: Những vấn đề kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2013.
16. PGS.TS. Lê Minh Thông: *Hoàn thiện bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
17. GS.TSKH. Đào Trí Úc: *Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.

## **MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
<i>Lời nói đầu</i>	5
<i>Bài 1</i>	
CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH, SỰ VẬN DỤNG SÁNG TẠO VÀ PHÁT TRIỂN CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY	7
I- Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh	7
II- Nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay	23
<i>Bài 2</i>	
ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM	30
I- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tính tất yếu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam	30
II- Nhận thức của Đảng ta về công nghiệp hóa, hiện đại hóa	35

III- Đặc điểm và những vấn đề đặt ra trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam 42

IV- Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam 59

### Bài 3

#### VỀ XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

I- Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là tất yếu trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 65

II- Nội dung phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 71

III- Phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ phát triển, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 102

### Bài 4

#### VỀ ĐẢNG CÂM QUYỀN VÀ XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH TRONG ĐIỀU KIỆN MỚI

I- Một số vấn đề về đảng cầm quyền 125

II- Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong điều kiện mới 136

*Bài 5*

<b>VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM</b>	<b>168</b>
I- Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và của Đảng ta về nhà nước pháp quyền	168
II- Những đặc trưng cơ bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	188
III- Thành tựu và hạn chế trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	196
IV- Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	202

*Bài 6*

<b>TOÀN CẦU HÓA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM</b>	<b>208</b>
I- Vấn đề toàn cầu hóa	208
II- Hội nhập quốc tế của Việt Nam	218
<i>Tài liệu tham khảo</i>	235

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT, Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội  
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

**TÌM ĐỌC SÁCH  
CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**

**BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG ĐẢNG**

**TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ TUYÊN TRUYỀN MIỆNG**  
**(Đành cho cấp ủy và cán bộ tuyên giáo ở cơ sở)**

\*

**TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO Ở CƠ SỞ**  
**(Đành cho cấp ủy và cán bộ tuyên giáo ở cơ sở)**

\*

**NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN VÀ MỚI**  
**TRONG CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG,**  
**BỘ CHÍNH TRỊ KHÓA XII**

ISBN 978-604-57-5471-9

9 786045 754719

8935279119868

**Giá: 56.000đ**